1.1 PHÂN TÍCH ĐẠO (Paṭisambhidāmagga) - A. Phẩm Chính Yếu (Mahāvaggo) - I. Giảng Về Trí (Ñāṇakathā)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

PHÂN TÍCH ĐẠO 757

L GIẢNG VỀ TRÍ (NẴNAKATHẦ)

TRÍVỀYẾUTỐTẠOTHÀNHĐIỀUĐÃĐƯỢCNGHE(5wtomọF«W^) l.

Ợ) Tuệ về sự ghi nhận ở tai là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nao? Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được biết rõ9V tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này cân được biêt toàn diên", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được dứt b6", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đa được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này cần được tu tap", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điêu đa được nghe. Sự nhận đinh ở tai là "các pháp này cần được tác chứng", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điêu đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến thoái h6a", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến bền vững", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "các pháp này đưa đến thù thắng", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận đinh ở tai là "các pháp này đưa đến thông suốf\ tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "tất cả các hành là vô thương", tuệ do sự nhận biết điều ây là trí vê yêu tô tạo thành điêu đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "tất cả các hành là khổ nào", tuệ do sự nhận biết điều r ỉ L 9 L • • • ây là trí vê yêu tô tạo thành điêu đã được nghe.3

3 Abhijānāti: Biết rõ (thắng tri); Parịjānāti: Biết toàn diện (biến tri); Sañjānāti', Nhận biết của tưởng (tưởng tri); Pajānāti'. Nhân biêt của tuệ (tuệ tri); Vijānāti: Nhận biết của thức (thức tri). Các từ trong ngoặc đơn: Thắng tri, biến tri, tưởng tri, tuẹ tri, thiic^tri là từ dịch của Hòa thượng^Thích Minh Châu. Các nghĩa^dịch trên đây chỉ có giá trị tương đối, muốn hiểu rõ hơn về các từ này cần nắm vững nghĩa của các tiếp đau ngữ (upasaggo): Abhi, pan, sam, pa, vi, đong thời can phải xem xét các ngữ canh có liên quan nữa.

758 KINH TIỂU Bộ

Sự nhân đinh ở tai là "tất cả các pháp là vô ngâT, tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí vế yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhan định ở tai là "'đây là chân lý cao thượng vê kh6", tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "đay là chân lý cao thượng về nhân sanh kh6", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "đay là chân lý cao thương về sự diệt tận kh8", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí ve yếu to tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận đinh ở tai là uđây là chân lý cao thượng về sự thực hành

đưa đến sự diệt tận khổ", tuệ do sự nhận biết điếu ấy là trí ve yếu tố tạo thành điều đã được nghe.

(2) Sư nhận định ở tai là "các pháp)này cần được biết rõ4 5\ tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Một pháp cần được biết rõ là: Tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực. Hai pháp cần được biết rõ là: Hai giới [hữu vi giới và vô vi giới]. Ba pháp cần được biết rõ là: Ba giới [dục giới, sắc giới, vô sắc giới]. Bốn pháp cần được biết rõ là: Bốn chân lý cao thượng. Năm pháp cần được biết rõ là: Năm yếu tố đưa đến giải thoát.4 Sáu pháp cần được biết rõ là: Sáu điều tối thượng.5 Bảy pháp cần được biết rõ là: Bảy sự việc không hạn chế.6 Tám pháp cần được biết rõ là: Tám thắng xứ [của thiền]. Chín pháp cần được biết rõ là: Chín an trú theo tuần tự.7 Mười pháp cần được biết rõ là: Mười sự việc làm thoái hóa.8

(3), _ Này các Tỳ-khun, tất cả cần được biết rõ. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được biết ro?

4 Năm yếu tố đưa đến giải thoát (pañca vimuttāyatanāni) được giải thích ở PsA. L 69-70. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là 44năm giải thoát xứ.” Xem D. 33, Kinh Phúng tụng (Sañgītisuttarn). (ND) 5 Sáu điều tối thượng (cha anuttariyāni) được giải thích ở PsAf. I. 70-73. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là Usáu vô thươTg: kiến vô thượng, văn vo thượng, lợi đắc vô thượng, học gioi vô thượng, phụng sự vô thượng, ức niềm vô thượng.,^ Xem D. 33, Kinh Phung tụng (Sañgītisuttam). (ND) 6 Bảy sự việc không hạn chế (satta niddasavatthūni) được giải thích ở PsA. L 73-74. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là t4bẩy thù diệu sự." Xem D. 33, Kỉnh Phúng tụng (Sañgītisuttam). (ND) 7 Chín an trú theo tuần tự (nava anupubbavihārā) là sự tuần tự an trú vào tám tầng định và Diệt thọ tưởng định là thứ chín ựsA. L 75-76). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là uchín thứ đệ trú." Xem D. 33, Kinh Phúng tụng (Sañgītisuttarn). (ND) 8 Mười sự việc làm thoái hóa (dasa nijjaravatthūni): Liên quan đến tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát (PsA. L 76-77). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "muời đoạn tận sự.,, Xem D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttarn). (ND)

PHÂN TÍCH ĐẠO 759

Này các Tỳ-khưu, mát cân được biêt rõ, các sác cân được biêt rõ, nhãn thức càn được biết rõ, nhãn xúc cần được biết rõ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết rõ. Tai cân được biêt rõ, các thinh cân được biêt rõ,... (nt). Mũi cân được biêt rõ, các khí cân được biêt rõ... (nt). Lưỡi cân được biêt rõ, các vị cân được biêt rõ... (nt). Thân cần được biết rõ, các xúc cần được biết rõ... (nt). Ý cần được biết rõ, các pháp cần được biết rõ5 ý thức cần được biết rõ, ý xúc cần được biết rõ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dâu là lạc, hoặc là khô, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết rõ. Sắc cần được biết rõ, thọ cần được biết rõ, tưởng cần được biết rõ, các hành cần được biết rõ, thức cần được biết rõ. Mắt cần được biết rõ, tai cần được biết rõ, mũi cần được biết rõ, lưỡi cần được biết rõ, thân cần được biết rõ, ý cần được biết rõ. Các sắc

cần được biết rõ, các thinh cần được biết rố? các khí cần được biết rõ? các vị cần được biết rõ, các xúc cần được biết rố9 các pháp cần được biết rõ. Nhãn thức cần được biết rõ, nhĩ thức cần được biết rõ, tỷ thức cần được biết rõ, thiệt thức cần được biết rõ, thân thức cần được biết rõ, ý thức cần được biết rõ. Nhãn xúc cân được biêt rõ, nhĩ xúc cân được biêt rõ, tỷ xúc cân được biêt rõ, thiệt xúc cần được biết rõ, thân xúc cần được biết rõ? ý xúc cần được biết rõ. Cảm thọ sanh lên do nhãn xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do nhĩ xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do tỷ xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do thiệt xúc cần được biết rõ? cảm thọ sanh lên do thân xúc cần được biết rõ, cảm thọ sanh lên do ý xúc cân được biêt rõ. Sác tưởng9 cân được biêt rõ, thinh tưởng cần được biết rõ; khí tưởng cần được biết rõ, vị tưởng cần được biết rõ, xúc tưởng cần được biết rõ, pháp tưởng cần được biết rõ. Sắc tư10 cần được biết rõ, thinh tư cần được biết rõ, khí tư cần được biết rõ, vị tư cân được biêt rõ? xúc tư cân được biêt rõ, pháp tư cân được biêt rõ. Sắc ái11 cần được biết rõ, thinh ái cần được biết rõ, khí ái cần được biết rõ? vị ái cân được biêt rõ, xúc ái cân được biêt rõ, pháp ái cân được biêt rõ. Sắc tầm12 cần được biết rõ, thinh tầm cần được biết rõ? khí tầm cần được biết rõ, vị tầm cần được biết rõ? xúc tầm cần được biết rõ, pháp tầm cần được biết rõ. Sắc tứ13 cần được biết rõ, thinh tứ cần được biết rõ, khí tứ cần được biết rõ, vị tứ cần được biết rõ, xúc tứ cần được biết rõ? pháp tứ cần được biết rõ.

9 sắc tưởng (rūpasaññā): Hồi tưởng lại, nhớ lại cảnh sắc đã thấy. (ND) 10 Sắc tư (rūpacetanẩ): Ý muốn, ước muốn, quyết tâm lúc nhìn cảnh sắc. (ND) 11 Sắc ái (rūpatanha)'. Ái luyến, khao khát cảnh sắc. (ND) 12 Sắc tầm (rūpavitakko): Hướng tâm, đưa tâm đến cảnh sắc. (ND) 13 Sắc tứ (rūpavicārā): Quan sát, khắn khít vào cảnh sắc. (ND)

Địa giới cân được biêt rõ, thủy giới cân được biêt rõ, hỏa giới cân được biêt rõ? phong giới cân được biêt rõ, hư không giới cân được biêt rõ, thức giới cân được biết ro. Đe mục đất cần được biết rõ, đề mục nước cần được biết rõ, đề mục lửa cần 9r y y er y • 5 v.. v được biêt rõ, đê mục gió cân được biêt r6, đê mục xanh cân được biêt rõ, đê mục vàng cân được biêt rõ, đê mục đỏ cân được biêt rõ, đê mục trăng cân được biêt rố? đề mục hư không cần được biết rõ5 đề mục thức cần được biết rõ. Tóc cân được biêt rõ, lông cân được biêt rõ, móng cân được biêt rõ, răng cần được biết rõ, da cần được biết rõ, thịt cần được biết rõ, gân cần được biết rõ, xương cần được biết rõ, tủy xương cần được biết rõ, thận cần được biết rõ, tim cần được biết rõ, gan cần được biết rõ, cơ hoành cần được biết rõ, lá lách cần được biết rõ, phổi cần được biết rõ, ruột cần được biết rõ, màng ruột cần được biết rõ, thực phẩm chưa tiêu cần được biết rõ, phân cần được biết rõ, mật cần được biết rõ, đàm cần được biết rõ? mủ cần được biết rõ, máu cần được biết rõ, mồ hôi cần được biết rõ? mỡ cần được biết rõ, nước mắt cần được biết rõ5 nước mỡ (huyết tương) cần được biết rõ, nước miếng cần được biết rõ, nước mũi cần được biết rõ? nước ở khớp xương cần được biêt rõ? nước tiểu cần được biết rõ5 não cần được biết rõ. Nhãn xứ cân được biêt rõ, săc xứ cân được biêt rõ; nhĩ xứ cân được biêt rõ, thinh xứ cân được biêt rõ; tỵ xứ cân được biêt rõ, khí xứ cân được biết rõ;

thiệt xứ can được biết rõ, vị xứ can được biết rõ; thân xứ can được biết rõ, xúc xứ cần được biết rõ; ý xứ cần được biết rõ, pháp xứ cần được biết rõ. Nhãn giới cần được biết rõ? sắc giới cần được biết rõ, nhãn thức giới cần được biết rõ; nhĩ giới..., thinh giới..., nhĩ thức giới...; tỷ giới..., khí giới..., tỷ thức giới...; thiệt giới..., vị giới..., thiệt thức giới...; thân giới cần được biết rõ, xúc giới cần được biết rõ, thân thức giới cần được biết rố? ý giới cần được biết rõ, pháp giới cần được biết rõ, ý thức giới cần được biết rõ. Nhãn quyền cần được biết rõ, nhĩ quyền cần được biết rõ9 tỷ quyền cần được biết rõ, thiệt quyền cần được biết rõ, thân quyền cần được biết rõ, ý quyền cần được biết rõ, mạng quyền cần được biết rõ, nữ quyền cần được biết rõ, nam quyền cần được biết rõ, lạc quyền cần được biết rõ, khổ quyền cần được biết rõ? hỷ quyền cần được biết rõ, ưu guyền cần được biết rõ, xả quyền cần được biết rq tín quyền cần được biết rõ, tân quyên cân được biết rõ? niệm quyền cần được biết rõ? định quyền cần được biết rõ, tuệ quyền cần được biết rõ, vị tri quyền14 cần được biết rõ5 dĩ tri quyền15 cần được biết rõ, cụ tri quyền16 cần được biết rõ. Dục giới cần được biết rõ, sắc giới cần được biết rõ, vô sắc giới cần được

14 Vị tri quyền (anañ̃ñātañ̃ñassāmītindriyd): Khả năng về "T6i sẽ biết điều chưa được biết", tức là trí tuệ đưa đến việc thấy được Niết-bàn lần đầu tiên của đạo Nhập lưu. (ND) 15 Dĩ tri quyền (añ̃ñindriya)'. Khả năng về điều đã được biết, tức là trí tuệ biết được Niết-bàn các lần sau từ quả Nhạp lưu cho đến đạo A-la-han. (ND) 16 Cụ tri quyền (añ̃ñātāvindriyā): Khả năng có điều đã được biết, tức ỉà trí tuệ giác ngộ hoàn toàn của quả A-la-han. (ND)

biêt rõ, dục hữu..., sac hữu..., vô sac hữu..., tưởng hữu..., phi tưởng hữu..., phi tưởng phi phi tưởng hữu..., nhất uẩn hữu cần được biết r6, tứ uẩn hữu cần được biết rõ, ngũ uẩn hữu cần được biết rõ. Sơ thiền cần được biết rõ, Nhị thiền cần được biết rõ, Tam thiền cần được biết rõ, Tứ thiền cần được biết rõ. Từ tâm giải thoát cần được biết rõ, Bi tâm giải thoát cần được biết rõ, Hỷ tâm giải thoát cần được biết rõ5 Xả tâm giải thoát cần được biết rõ. Sự chứng đạt Không vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Thức vô biên xứ cần được biết rõ, sự chứnệ đạt Vô sở hữu xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ can được biết rõ. Vô minh cần được biết rõ, các hành cần được biết rõ? thức cần được biết rõ, danh sắc cần được biết rõ, sáu xứ cần được biết rõ, xúc cần được biết rõ, thọ cân được biêt rõ, ái cân được biêt rõ, thủ cân được biêt rõ, hữu cân được biêt rõ, sanh cần được biết rõ, lão tử cần được biết rõ. Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ càn được biết rõ. Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc cần được biết rõ5 sự diệt tận sắc cần được biêt rõ, pháp hành đưa đên sự diệt tận săc cân được biêt rõ. Thọ cần được biết rõ... (nt). Tưởng cần được biết rõ... (nt). Các hành cần được biết rõ... (nt). Thức cần được biết rõ... (nt). Nhãn cân được biêt rõ... (nt). Lão tử cân được biêt rõ, nhân sanh lão tử cân được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ. Ý nghĩa của sự biết toàn diện về khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng

về sự diệt tận khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biết rõ. Ý nghĩa của sự biết toàn diện về sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh sắc cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng về sự diệt tận sắc cần được biết rõ? ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ. Y nghĩa của sự biêt toàn diện vê thọ... vê tưởng... vê các hành... vê thức... về mắt... về lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự dứt bỏ nhân sanh lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tác chứng về sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ. Ý nghĩa của sự thấu triệt do biết toàn diện về khổ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh khổ..., y nghĩa của sự thấu triệt do tác chứng về sự diệt tận khổ..., ý nghia của sự thau triệt do tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được biêt rõ. Y nghĩa của sự thâu triệt do biêt toàn diện vê săc cân được biêt rõ? ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh sắc..., ý nghĩa của sự thấu triệt do tác

chứng vê sự diệt tận sac..., y nghĩa của sự thâu triệt do tu tập pháp hành đưa đên sự diệt tận sắc cần được biết rõ. Ý nghĩa của sự thấu ưiệt do biết toàn diện về thọ... về tưởng... về các hành... về thức... về mắt... về lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do dứt bỏ nhân sanh lão tử cần được biết rõ, ý nghĩa của sự thấu triệt do tác chứng về sự diệt tận lão tử cần được biết rõ? ý nệhĩa của sự thấu triệt do tu tập pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biêt rõ. Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, sự diệt tận nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận ước muốn và tham ái đối với khổ cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với khổ cần được biết rõ, sự tai hại của khô cân được biêt rõ, sự xuat ly đôi với khô cân được biêt rõ. Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc cần được biết rõ, sự diệt tận sắc cần được biêt rõ, sự diệt tận nhân sanh sac cân được biêt ro? sự diệt tận ước muôn và tham ái đối với sắc cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với sắc cần được biết rõ, sự tai hại của sắc cần được biết rõ, sự xuất ly đối với sắc cần được biết rõ. Thọ cần được biết rõ,... (nt). Tưởng cần được biết rõ,... (nt). Các hành cần được biết r6,...(nt). Thức cần được biết rõ,... (nt). Mắt cần được biết rõ,... (nt). Lão tử cần được biết rõ, nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận nhân sanh lão tử càn được biết rõ, sự diệt tận ước muôn và tham ái đôi với lão tử cân được biêt rõ, sự khoái lạc đôi với lão tử cân được biêt rõ, sự tai hại của lão tử cân được biêt rõ, sự xuat ly đôi với lão tử cân được biết rõ. Khổ cần được biết rõ, nhân sanh khổ cần được biết rõ, sự diệt tận khổ cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận khổ càn được biết rõ, sự khoái lạc đối với khổ can được biết rõ, sự tai hại của khổ cần được biết rõ, sự xuất ly đối với khổ cần được biết rõ. Sắc cần được biết rõ, nhân sanh sắc càn được biết rõ, sự diệt tận sắc cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận sắc cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với sắc cần được biết rõ, sự tai hại của sắc cần được biết rõ, sự xuất ly đối với sắc cần được biết rõ. Thọ cần được biết rõ9... (nt). Tưởng cần được biết rõ,... (nt). Các hành cần được biết rõ,... (nt). Thức cần được biết rõ,... (nt). Mắt cần được biết rõ,... (nt). Lão tử cần được biết rõ, nhân sanh lão tử cần được biết rõ, sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, pháp hành đưa đến sự diệt tận lão tử cần được biết rõ, sự khoái lạc đối với lão tử cần

được biết rõ, sự tai hại của lão tử cần được biết rõ, sự xuất ly đối với lão tử cần được biết rõ. Quán xét vê vô thường cân được biêt rõ, quán xét vê khô não cân được biêt rõ, quán xét về vô ngã cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán cần được biết rõ9 quán xét về ly tham ái cần được biết rõ, quán xét về diệt tận cần được biết rõ9 quán xét về từ bỏ cần được biết rõ. Quán xét về vô thường ở sắc cần được biết rõ, quán xét về khổ não ở sắc

PHÂN TÍCH ĐẠO 763

Cần được biết rõ, quán xét về vô ngã ở sắc cần được biết rố? quán xét về nhàm chán ở sắc cần được biết rõ, quán xét về ly tham ái ở sắc cần được biết rõ? quán xét về diệt tận ở sắc cần được biết rõ, quán xét về từ bỏ ở sắc cần được biết rõ. Quán xét về vô thường ở thọ... (nt)... ở tưởng... (nt)... ở các hành... (nt)... ở thức... (nt)... ở mắt... (nt)... ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về khổ não ở lão tử cần được biết rõ, (Iuán xét về vô ngã ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán ở lão tử cân được biết rõ, quán xét vê ly tham ái ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về diệt tận ở lão tử cần được biết rõ, quán xét về từ bỏ ở lão tử cần được biết rõ. Sự tái sanh cân được biêt rõ, sự vận hành cân được biêt rõ? hiện tướng cân được biết rõ, [nghiệp] tích lũy cần được biết rõ,, mầm tái sanh cần được biết rõ, cảnh giới tái sanh can được biết rõ, sự tái tạo cần được biết rõ? sự sanh lên cần được biêt rõ, sự sanh [ra] cân được biêt rõ5 sự già cân được biêt rõ, sự bệnh cân được 1biết..Mrõ, sự chết cần được biết rõ, sự • muộn cần • > sầu . được biết. rõ, sự than vãn cân được biêt rõ, sự thát vọng cân được biêt rõ. Sự không tái sanh cần được biết rõ, sự không vận hành cần được biết rõ, không hiện tướng..., không [nghiệp] tích lũy..., không mầm tái sanh..., không cảnh giới tái sanh..., sự không tái tạo..., sự không sanh lên..., sự không sanh [ra]..., sự không già..., sự không bệnh..., sự không chết.., sự không sầu muộn..., sự không than vãn cần được biết rõ, sự không thất vọng cần được biết rõ. Sự tái sanh cần được biết rõ, sự không tái sanh cần được biết rõ, sự vận hành..., sự không vận hành..., hiện tướng..., không hiện tướng..., [nghiệp] tích lũy..., không [nghiệp] tích lũy...5 mầm tái sanh..., không mầm tái sanh..., cảnh giới tái sanh..., không cảnh giới tái sanh..., sự tái tạo..., sự không tái tạo..., sự sanh lên..., sự không sanh lên...? sự sanh [ra]...9 sự không sanh [ra]...? sự già..., sự không già..., sự bệnh..., sự không bệnh..., sự chết..., sự không chết.., sự sầu muộn..., sự không sầu muộn..., sự than vãn..., sự không than vãn..., sự thất vọng cần được biết rõ? sự không thất vọng cần được biết rõ. "Sự tái sanh là kho,9 cần được biết rõ, “SỊT vận hành là khổ55 cần được biết rõ, "hiện tướng là kh6"..."[nghiệp] tích lũy là 8"..."mầm tái sanh là kh6”.., "cảnh giới tái sanh là kh6”.."sự tái tạo là kh8”..."sự sanh lên là kh6”..N “SỊT sanh [ra] là kh6”..., “sụ* già là kh8"..."sự bệnh là kh6”.."sụ* chết là kh8”.., usự sầu muộn là 6''...,“sịt than vãn là kh6" cần được biết rõ, usự thất vọng là khồ^ cần được biết rõ. “Su không tái sanh là l@c" cần được biết rõ? “SỊT không vận hành là lạc” càn được biết rõ, "không hiện tướng là lạc"..."không [nghiệp] tích lũy là lạc”.., "không mầm tái sanh là "không cảnh giới tái sanh là “SỊT không tái tạo là lạc"..."sự không sanh lên là lạc"..."SỊT không sanh [ra] là lạc”.., “SỊT không §ià là lạc55..., “sự không bệnh là "sự không chết là usự không sâu muộn là lạc".., “sịt không than vãn là lạc" cần được biết rõ, “sự không th£ vọng là]ạc" cần được biết rõ.

tái sanh là khổ, sự không tái sanh là lạc' cần được biết r6, “SỊT vận hành là khổ, sự không vận hành là lạc59 càn được biết rõ, uhiện tướng là khổ, không hiện tướng là lạy” cần được biết rõ, "[nghiệp] tích lũy là khổ, không [nghiệp] tích lũy là lạc” cần được biết rõ5 "mầm tái sanh là khổ, không mầm tái sanh là lạc" can được biết rố? "cảnh giới tái sanh là kho, không cảnh giới tái sanh là lạc" cần được biết rõ, usự tái tạo là khổ, sự không tái tạo là c" cần được biết rõ, "sự sanh lên là khổ, sự không sanh lên là lạc" can được biết rõ, "sự sanh [ra] là khổ, sự không sanh [ra] là lạc" cần được biết rõ, "sự già là khổ, sự không già là lạc" cần được biết rõ, “SỊT bệnh là khổ, sự không bệnh là lạc cần được biết rõ, “SỊT chết là khổ, sự không chết là lạc" cần được biết rõ, “su sầu muộn là khổ, sự không sâu muộn là l@c" cân được biết rõ, “SỊT than vãn là khô, sự không than vãn là lạc" cần được biết rõ, "sự thất vọng là khổ, sự không thất vọng là lạc,9 cần được biết rõ. "Sịt tái sanh là kinh hi" cần được biết rõ? “SỊT vận hành là kinh hi" cần được biết rõ, "hiện tướng là kinh "[nghiệp] tích lũy là kinh hai".., "mầm tái sanh là kinh “cảnh giới tái sanh là kinh h"SỊT tái tạo là kinh hãd"..."sự sanh lên là kinh hâd”...“SỊT sanh [ra] là kinh hãi,5..? “SỊT già là kinh hai"..."sự bệnh là kinh hai”...usự chết là kinh hỗd”..." sầu muộn là kinh h"sự than vãn là kinh hãtí" cần được biết rõ, “SỊT thất vọng là kinh hâd” cân được biết rõ. "Sịt không tái sanh là an ổnn cần được biết rõ, “SỊT không vận hành là an 6n”..."không hiện tướng là an 6n”..."không [nghiệp] tích lũy là an 6n”.., "không mầm tái sanh là an "không cảnh giới tái sanh là an 6n"...“sịt không tái tạo là an 6n"...usự không sanh lên là an 6n"..."SỊT không sanh [ra] là an "sự không già là an ...“SỊT không bệnh là an 6n"..."sự không chết là an 8...,“SỊT không sầu muộn là an “sự không than vãn là an 6n" cần được biết rõ, "sụ* không thất vọng là an 6n" cần được biết rõ. "Sịt tái sanh là kinh hãi, sự không tái sanh là an 6n" cần được biết rố5 6tsự vận hành là kinh hãi, sự không vận hành là an 6n" cần được biết rõ, "hiện tướng là kinh hãi, không hiện tướng là an ổn,, cần được biết rõ, "[nghiệp] tích lũy là kinh hãi, không [nghiệp] tích lũy là an ổn^ cần được biết rõ, "mầm tái sanh là kinh hãi, không mâm tái sanh là an 6n" cần được biết rõ? "cảnh giới tái sanh là kinh hãi, không cảnh giới tái sanh là an ổn,5 cần được biết rõ? “SỊT tái tạo là kinh hãi, sự không tái tạo là an ổn,5 cần được biết rõ, "sự sanh lên là kinh hãi, sự không sanh lên là an 6n” cần được biết rõ, "sụ* sanh [ra] là kinh hãi, sự không sanh [ra] là an ổn55 cần được biết rõ, “sịt già là kinh hãi, sự không già là an ổn59 cần được biết rõ, “SỊT bệnh là kinh hãi, sự không bệnh là an 6n" cần được biết rõ, usự chết là kinh hãi, sự không chết là an 8n" cần được biết rõ, “SỊT sầu muộn là kinh hãi, sự không sâu muộn là an 6n" cân được biết rõ, “SỊT than vãn là kinh hãi, sự không than vãn là an 6n" cần được biết rõ, “SỊT thất vọng là kinh hãi, sự không thất vọng là an ổn" cần được biết rõ.

"Sịt tái sanh là hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, “SỊT vận hành là hệ lụy vật chất"..., "hiện tướng là"[nghiệp] tích lũy "mầm tái sanh '..., "cảnh giới tái sanh “SỊT tái tạo l"sự sanh lên "su sanh [ra] "sự già l...“SỊT bệnh "sự chết “SỊT sầu muộn là..?5...? "sy than

vãn ..."cần được biết rõ, "sụ* thất vọng là hệ lụy vật chất" cần được biết rõ. uSự không tái sanh là khônệ hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, "sự không vận hành là không hệ lụy vật chẫt".., "kh6ng hiện tướng là không.."không [nghiệp] tích lũy là không.."không mâm tái sanh là kh6ng..".., "không cảnh giới tái sanh là không.."sụ* không tái tạo là kh6ng..."SỊT không sanh lên là kh6ng."SỊT không sanh [ra] là kh6ng..."..."SỊT không già là không...y...5 "SỊT không bệnh là kh6ng..“SỊT không chết là không..“SỊT không sâu muộn là kh6ng..."..."sự không than vãn là kh6ng..."..."sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ. uSự tái sanh là hệ lụy vật chất, sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ, "sự vận hành là...sự không vận hành là kh6ng..."..."hiện tướng là..., không hiện tướng là không...^...5 "[nghiệp] tích lũy là..., không [nghiệp] tích lũy là kh6ng..".."mầm tai sanh không mầm tái sanh là kh6ng."..., "'cảnh giới tái sanh là..., không cảnh giới tái sanh là kh6ng."sự tái tạo là...sự không tái tạo là kh6ng..."..."SỊT sanh lên sự không sanh lên là kháng.."sự sanh [ra] sự không sanh [ra] là kh6ng."sự già là.., sự không già là kh6ng..".."su bệnh sự không bệnh là khờng...”..“SỊT chết là..., sự không chét là kh6ng..“SỊT sầu muộn là..., sự không sau muộn là kh6ng..."...,“sụ* than vãn là..., sự không than vãn là không..“SỊT thất vọng là hệ lụy vật chất, sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất" cần được biết rõ. "Sự tái sanh là pháp hữu vi" cần được biết rõ, "sự vận hành là pháp hữu vi" cần được biết rõ9 "hiện tướng là pháp hữu "[nghiệp] tích lũy là pháp hữu vi"...umầm tái sanh là pháp hữu vi"..."cảnh giới tái sanh là pháp hữu “SỊT tái tạo là pháp hữu "sịt sanh lên là pháp hữu "sịt sanh [ra] là pháp hữu "sự già là pháp hữu "sự bệnh là pháp hữu "sụ* chết là pháp hữu vi"..."sự sầu muộn là pháp hữu vi"..."sịt than vãn là pháp hữu vi" cần được biết rõ, usự thất vọng là pháp hữu vi" cân được biêt rõ. “Sự không tái sanh là Niết-bàn" cần được biết rõ, “sịt không vận hành là Niết-bn" cần được biết rõ, "kh6ng hiện tướng là Niết-bàn,,...? "không [nghiệp] tích lũy là Nigt-bān"..., "không mâm tái sanh là Niết-bàn".., "không cảnh giới tái sanh là Niết-bàn"..."SỊT không tái tạo là Niết-bàn"...“SỊT không sanh lên là Niết-bM'..., “SỊT kh6ng sanh [ra] là Niếtbàn"...“SỊT không già là Niết-bàn”.., "sịt không bệnh là Niet-ban,\.., "sự không chết là Niết-b6ísự không sầu muộn là Niết-bàn" cần được biết rõ, “sịt không than vãn là Niết-bàn” cần được biết rõ, “sụ* không thất vọng là Niết-bàn" cần được biết rõ. “Sụ* tái sanh là pháp hữu vi, sự không tái sanh là Niet-ban59 cân được biêt rõ5

"sự vận hành là pháp hữu vi, sự không vận hành làNiết-bàn" cần được biết rõ, "hiện tướng là pháp hữu vi, không hiện tướng là Niết-bàn"., "[nghiệp] tích lũy là pháp hữu vi, không [nghiệp] tích lũy là Niết-bàrT..., umầm tái sanh là pháp hữu vi, không mầm tái sanh là NiSt-bàn"..."cảnh giới tái sanh là pháp hữu vi, không cảnh gi&i tái sanh là Niết-busự tái tạo là pháp hữu vi, sự không tái tạo là Niêt-bmn”...“SỊT sanh lên là pháp hữu vi, sự không sanh lên là Niết- b2ĩi"..."SỊT sanh [ra] là pháp hữu vi, sự không sanh [ra] là Niếtbàn"..."SỊT già là pháp hữu vi, sự không già là Niết-b"sự bệnh là pháp hữu vi, sự không bệnh là Niết-bàn,,...? “SỊT chết là pháp hữu vi, sự không chết là Niết-bn"..."sự sầu muộn là pháp hữu vi, sự không sầu muộn là Niết-bàn,,...J "sự than vãn là pháp hữu vi, sự không than vãn là Niet-ban,9 cần được biết rõ, usự thất vọng là

pháp hữu vi sự không thất vọng là Niết-bàn" cần được biết ro. Dứt tụng phẩm thứ nhất.

Ý nghĩa của sự gìn giữ cần được biết rõ, ý nghĩa của sự phụ trợ cần được biêt rõ? ý nghĩa của sự hoàn bj..ý nghĩa của sự chuyên nhát..., ý nghĩa của sự không tản mạn..., ý nghĩa của sự ra sức..., ý nghĩa của sự không tán loạn..., ý nghĩa của sự không xao động..., ý nghĩa của sự không loạn động..., ý nghĩa của sự trụ tâm do tác động của việc thiêt lập tính nhát thê..., ý nghĩa của [cảnh] đối tượng..., ý nghĩa của hành xứ..., ý nghĩa của sự dứt bỏ...? ý nghĩa của sự buông bỏ...? ý nghĩa của sự thoát ra..., ý nghĩa của sự quay lại..., ý nghĩa của tịnh..., ý nghĩa của sự cao quý.., ý nghĩa của giải thoát..., ý nghĩa của vô lậu..., ý nghĩa của sự vượt qua..., ý nghĩa của vô tướng y nghĩa của vô nguyện..., ý nghĩa của không tánh.., ý nghĩa của nhất vị..., ý nghĩa của sự không vượt trội17 ...,ý nghĩa của sự kết hợp chung..., ý nghĩa của sự dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]..., ý nghĩa của chủng tử..., ý nghía của sự nhận thức cần được biết rõ, ý nghĩa của pháp chủ đạo can được biêt rõ. Y nghĩa không tản mạn của chỉ tịnh cân được biêt rõ, ý nghĩa quán xét của minh sát..., ý nghĩa nhất vi của chỉ tịnh và minh sát..., ý nghĩa không vượt trội của sự kết hợp chung cần được biết rõ. Ý nghĩa thọ trì của việc học tập cần được biết rõ, ý nghĩa hành xứ của [việc duy trì] đối tượng cần được biết rõ, ý nghĩa ra sức đối với tâm bi trì trệ..., ý nghĩa kiềm chế đối với tâm bi vọng động..., ý nghĩa dửng dưng [có trạng thái xả] đối vơi hai Ưạng thái [trì trệ và vọng động] đã được thanh tinh..., ý nghĩa của sự đắc chứng thù thắng do sự tu tập..., ý nghĩa của sự thâu triệt bậc trêĩi...,ý nghĩa của sự lãnh hội chân iy...,ý nghĩa của sự an lập Niết-bàn cần được biết rõ. Ý nghía cương quyết của tín quyền cần được biết rõ, ý Ĩiệhĩa ra sức của tấn quyền can được biết rõ, ý nghĩa thiết lập của niệm quyền can được biết rõ, ý nghĩa khônệ tản mạn của định quyên cân được biêt rõ, ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền can được biết rõ.

17 Sự không vượt ưội lẫn nhau giữa chỉ tịnh và minh sát (PsA. L 94).

Ý nghĩa về tính chất không dao động của tín lực ở sự không có đức tin cần được biết rõ, ý nghĩa về tính chất không dao động của tấn lực ở sự biếng nhác..., ý nghĩa về tính chất không dao động của niệm lực ở sự buông lung...,ý nghĩa về tính chất không dao động của đinh lực ở sự phónẹ dật..., ý nghĩa về tính chất không dao động của tuệ lực ở sự không sáng suôt cân được biết rõ. Ý nghĩa thiết lập của niệm giác chi cần được biết rõ, ý nghĩa suy xét của trạch pháp giác chi..., ý nghĩa ra sức của cần giác chi..., ý nghĩa lan tỏa của hỷ giác chi..., ý nghĩa an tinh của tịnh giác chi..., ý nghĩa không tản mạn của định giác chi..., ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi cần được biết rõ. Ý nghĩa nhận thức của chánh kiến cần được biết rõ, ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy..., ý nghĩa gìn giữ của chánh ngữ..., ý nghĩa nguồn sanh khởi của chánh nghiệp..., ý nghĩa trong sạch của chánh mạng..., ý nghĩa ra sức của chánh tinh tấn..., ý nghĩa thiết lập của chánh niệm..., ý nghĩa không tản mạn của chánh định cần được biết rõ. Y nghĩa chủ đạo của các quyên cân được biêt rõ, ý nghĩa vê tính chát không dao động của các lực..., ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi] của các giác chi..., ý nghĩa chủng tử của đạo..., ý nghĩa thiết lập của các sự thiết lập niệm..., ý nghĩa ra sức của các chánh càn..., ý nghĩa

thành tựu của các nền tảng của thần thông..., ý nghĩa thực thể của các chân lý...5 ý nghĩa tinh lặng của các việc thực hành [Thánh đạo]..., ý nghĩa tác chứng của các quả cần được biết rõ. Ý nghĩa đưa tâm [đến cảnh] của tầm cần được biết rõ, ý nghĩa khắn khít [vào cảnh] của tứ cân được biêt rõ, ý nghĩa lan tỏa của hỷ cân được biêt rõ, ý nghĩa tràn ngập của lạc cần được biết rõ, ý nghĩa chuyên nhất của tâm [đinh] cần được biết rõ. Ý nghĩa của sự hướng tâm cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của thức] cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của tuệ] cần được biết rõ, ý nghĩa của sự nhận biết [của tưởng] cần được biết rõ, [ý nghĩa của nhất cảnh cần được biết rõ] ý nghĩa của sự độc nhất cần được biết rõ, ý nghĩa đã được biết của sự biêt rõ cân được biêt rõ, ý nghĩa quyêt đoán của sự biêt toàn diện cân được biêt rõ, ý nghĩa buông bỏ của sự dứt bỏ cân được biêt rõ, ý nghĩa nhát vị của sự tu tập cân được biêt rõ, ý nghĩa chạm đên của sự tác chứng cân được biêt rõ, ý nghĩa tập hợp của các uân cân được biêt rõ, ý nghĩa bản thê của các giới cân được biêt rõ, ý nghĩa vị thê của các xứ cân được biêt rõ, ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi cần được biết rõ, ý nghĩa không tạo tác của Niết-bàn cần được biết rõ. Ý nghĩa của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa không gián đoạn của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa thoát ra của tâm..., ý nghĩa ly khai của tâm..., ý nghĩa chủng tử của tâm..., ý nghĩa về duyên của tâm..., ý nghĩa vật nương của tâm..., ý nghĩa lãnh vực của tâm...,ý nghĩa cảnh [đối tượng] của tâm..., ý nghĩa hành xứ của tâm..., ý nghĩa hành vi của tâm..., ý nghĩa [cảnh] đã đạt đến của tâm...,

ý nghĩa quả quyết của tâm..., ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi cảnh] của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa xuất ly của tâm cần được biết rõ. Ý nghĩa hướng tâm ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa nhận biết [của thức] ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa nhận biết [của tuệ] ở nhất thể..., ý nghĩa nhận biết [của tưởng] ở nhất thể..., ỷ nghĩa độc nhất ở nhất thể..,ý nghĩa bám vào nhất thể..., ý nghĩa tiến vào nhất thể [đối với sơ thiền]..., ý nghĩa hoan hỷ ở nhất thể [đối với nhị thiền]..., ý nghĩa an trụ ở nhất thể [đối với tam thiền]..., ý nghĩa giải thoát ở nhất thể [đối với tứ thiền]..., ý nghĩa của sự nhận thức "Dây là tjnh" ở nhất thể..,ý nghĩa đã tạo thành phương tiện ở nhất thể..., ý nghĩa đã tạo thành nền tảng ở nhất thể..., ý nghĩa đã hiện hữu ở nhất thể.., ý nghĩa đã được tích lũy ở nhất the..., ý nghĩa đã được khởi sự vô cùng thanh tịnh ở nhất thê..., ý nghĩa gìn giữ ở nhát thê..., ý nghĩa phụ trợ ở nhát thê..., ý nghĩa hoàn bị ở nhất thể..., ý nghĩa liên kết ở nhất thể..., ý nghĩa khẳng định ở nhất thể..., ý nghĩa rèn luyện ở nhát thê..., ý nghĩa tu tập ở nhát thê..., ý nghĩa làm cho sung mãn ở nhất thể..., ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở nhất thể..., ý nghĩa của Sự khéo được giải thoát ở nhát thê..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Sơ đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Nhi đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [Tam đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự tỉnh ngộ [A-la-hán đạo]18 ở nhất thể..., ý A 9

nghĩa của sự giác ngộ [Sơ đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự giác ngộ [Nhị đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự giác ngộ [Tam đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự giác ngộ [A-la-hán đạo]19 ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [Sơ đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự dự phân giác ngộ [Nhị đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự dự phần giác ngộ [A-la-hán đạo]20 ở nhất thể..., ý nghĩa của

sự phát quang [Sơ đạo] ở nhất thể..., ý nghĩa của sự phát quang [Nhị đạo] ở nhát thê..., ý nghĩa của sự phát quang [Tam đạo] ở nhất thể cần được biết rõ, ý nghĩa của sự phát quang [A-la-hán đạo]21 ở nhất thể cần được biết rõ. Ý nghĩa làm sáng tỏ cần được biết rõ, ý nghĩa chói sáng cần được biết rõ, ý nghĩa thiêu đót các phiên não..., ý nghĩa không nhơ bân..., ý nghĩa tách rời nhơ bẩĩ!...ý nghĩa hết nhơ bẩn..., ý nghĩa tĩnh lặng..., ý nghĩa của thời điểm..., ý nghĩa tách ly..., ý nghĩa của hành vi tách ly..., ý nghĩa ly dục..., ý nghĩa của hành vi ly dục..., ý nghĩa diệt tận..., ý nghĩa của hành vi diệt tận..., ý nghĩa xả ly..., ý nghĩa của hành vi xả ly...5 ý nghĩa giải thoát cần được biết rõ5 ý nghĩa của hành vi giải thoát cần được biết rõ.

18 Bujjhana, anubujjhana, patibujjhana, sambujjhana là 4 từ Pali được dịch chung bằng l từ Việt là “tủứíĩigO”. (ND) 19 Bodhana, anubodhana, patibodhana, sambodhana là 4 từ Pali được dịch chung bằng l từ Việt là "giác ng09,. (ND) 20 Bodhipakkhiya, anubodhipakkhiya, patibodhipakkhiya, sambodhipakkhiya là 4 từ Pali được dịch chung l từ Việt la "du phần giác ngộ,;. (ND) 21 Jotana, anujotana, patijotana, samjotana là 4 từ Pali có nghĩa là "phát quang". (ND)

Ý nghĩa của ước muốn22 cần được biết rõ9 ý nghĩa nguồn cội của ước muốn cân được biêt rõ, ý nghĩa cơ sở của ước muôn..., ý nghĩa nô lực của ước muôn..., ý nghĩa thành tựu của ước muốn..., ý nghĩa cương quyết của ước muốn..., ý nghĩa ra sức của ước muốn..., ý nghĩa thiết lập của ước muốn..., ý nghĩa không tản mạn của ước muốn..., ý nghĩa nhận thức của ước muốn cần được biết rõ. Y nghĩa của tinh tân cân được biêt rõ, ý nghĩa nguồn cội của tinh tân..., ý nghĩa cơ sở của tinh tấn..., ý nghĩa nỗ lực của tinh tân..., ý nghĩa thành tựu của tinh tấn..., ý nghĩa cuông quyêt của tinh tân..., ý nghĩa ra sức của tinh tấn..., y nghĩa thiết lập của tinh tan..., ý nghĩa không tản mạn của tinh tấn cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của tinh tân cân được biêt rõ. Ý nghĩa của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa nguồn cội của tâm cần được biết rố? ý nghĩa cơ sở của tâm..., ý nghĩa nỗ lực của tâm..., ý nghĩa thành tựu của tâm..., ý nghĩa cương quyết của tâm..., ý nghĩa ra sức của tâm..., ý nghĩa thiết lập của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa không tản mạn của tâm cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của tâm cân được biêt rõ. Y nghĩa của thâm đinh cân được biêt rõ, ý nghĩa nguôn cội của thâm đinh cần được biết rõ, ý nghĩa cơ sở của thấm định can được biết rõ, ý nghĩa nỗ lực của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa thành tựu của thẩm định cần được biết rố? ý nẹhĩa cương quyết của thẩm đinh cần được biết rõ, y nghĩa ra sức của thẩm định can được biết rõ, ý nghĩa thiết lập của tham định can được biết rõ, ỷ nghĩa không tản man của thẩm định cần được biết rõ, ý nghĩa nhận thức của thâm định cần được biêt rõ. Ý nghĩa áp bức của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa tạo tác của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa nóng nảy của khổ cần được biết rõ, ý nghĩa chuyển biến của khổ cần được biết ro. Ý nghĩa tích lũy [nghiep] của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ, ý nghĩa căn nguyên của nhân sanh [khô] cân được biêt rõ, ý nghĩa ràng buộc của nhân sanh [khô] cần được biết rõ, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh [khổ] cần được biết rõ. Ý nghĩa xuất ly của Niết-bàn cần được biết rõ, ý nghĩa viễn ly của Niết-bàn cần được biêt rõ, ý nẹhĩa không tạo tác của Niêt-bàn cân được biêt rõ, ý

nghĩa bất tử của Niết-bắn can được biêt rõ. Ý nẹhĩa dẫn xuất của đạo cần được biết rõ, ý nghía chủng tử của đạo cần được biêt rõ, ý nghĩa nhận thức của đạo cần được biêt rõ? ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo cần được biết rõ. Y nghĩa của thực thê cân được biêt rõ, ý nghĩa của vô ngã..., ý nghĩa của chân lý..., ý nghĩa của thấu triệt..., ý nghĩa của biết rố...? ý nghĩa của biết toàn diện..., ỵ nghĩa của hiện tượng..., ý nghĩa của bản thể..., ý nghĩa của điều đã được biêt..., ý nghía của tác chứng..., ý nghĩa của chạm đên..., ý nghĩa của lãnh hội cần được biêt rõ.

22 Chandā'. Sự ước muốn, động lực thúc đẩy, thuộc về tứ như ý túc: dục, cần, tâm, thẩm được trình bày kế tiếp. (ND)

Sự thoát ly cần được biết rõ, sự không sân độc cần được biết rõ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng cần được biết rõ, sự không tản mạn cần được biết rõ? sự xác đinh pháp cần được biết rõ, trí [đối kháng vô minh] cần được biết rõ, sự hân hoan cần được biết rõ. Sơ thiền cần được biết rõ, Nhị thiền cần được biết rõ, Tam thiền cần được biết rõ, Tứ thiền cần được biết rõ, sự chứng đạt Không vô biên xứ cần được biêt rõ, sự chứng đạt Thức vô biên xứ cân được biêt rõ, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ cần được biết rõ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ cần được biết rõ. Quán xét về vô thường cần được biết rõ, quán xét về khổ não cần được biết rõ, quán xét về vô ngã cần được biết rõ, quán xét về nhàm chán..., quán xét về ly tham ái..., quán xét về diệt tận..., quán xét về từ bỏ..., quán xét về đoạn tận..., quán xét về biến hoại..., quán xét về chuyển biến..., quán xét về vô tướng..., quán xét vê vô nguyện..., quán xét vê không tánh..., minh sát các pháp băng thắng tuệ..., sự biêt và thấy đúng theo thực thê..., quán xét về tai hại..., quán xét về phân biệt rõ cần được biết rõ, quán xét về ly khai cần được biết rõ. Đạo Nhập lưu cân được biêt rõ, sự chứng đạt quả Nhập lưu cân được biêt rõ; đạo Nhất lai cần được biết rõ? sự chứng đạt quả Nhất lai cần được biết rõ; đạo Bát lai cân được biêt rõ, sự chứng đạt quả Bát lai cân được biêt rõ; đạo A-la-hán cân được biêt rõ? sự chứng đạt quả A-la-hán cân được biêt rõ. Tín quyền theo ý nghĩa cương quyết cần được biết rõ, tấn quyền theo v nghĩa ra sức cân được biêt rõ? niệm quyên theo ý nghĩa thiêt lập cân được biêt rõ, đinh quyền theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức cần được biết rõ. Tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin cần được biết rõ, tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác cần được biết rõ, niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung cần được biết rõ, định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật cần được biết rõ, tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt cần được biết rõ. Niệm giác chi theo ý nghĩa thiêt lập cân được biêt rõ, trạch pháp ậiác chi theo ý nghĩa suy xét cân được biêt rõ, cân ẹiác chi theo ý nghĩa ra sức cân được biêt rõ, hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa cân được biêt rõ? tịnh giác chi theo ý nghĩa an tịnh cần được biết rõ, định giác chi theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ can được biết rõ. Chánh kiên theo ý nghĩa nhận thức cân được biêt rõ, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] cần được biết rõ, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ..., chánh nghiệp theo ỷ nghĩa nguồn sanh khởi..., chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch..., chánh tinh tan theo ý

nghĩa ra sức..., chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập cần được biết rõ, chánh đinh theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ. Các quyền theo ý nghĩa của pháp chủ đạo cần được biết rõ, các lực theo ý nghĩa không dao động..., các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]...,

đạo theo ý nghĩa chủng tử..., các sự thiêt lập niệm theo ý nghĩa thiêt lập..., các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực..., các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu cần được biết rõ, chân lý theo ý nghĩa của thực thể cần được biết rõ. Chỉ tịnh theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, minh sát theo ý nghĩa quán xét..., chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa của nhất vị..., sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt trội cần được biêt rõ. Giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc cân được biêt rõ? tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tản mạn cần được biết rõ, kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức..., giải thoát theo ý nghĩa được thoát khỏi..., minh theo ý nghĩa thấu triệt..., giải thoát theo ý nghĩa buông b6..., trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ cần được biết rõ9 trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng cần được biết rõ. Ước muốn theo ý nghĩa của n^uồn cội cần được biết rõ, tác ý theo ý nghĩa của nguồn sanh khởi cần được biêt rõ, xúc theo ý nghĩa liên két cần được biết rõ, thọ theo ý nghĩa hội tụ cần được biết rõ, định theo ý nghĩa dẫn đàu cần được biết rõ, niệm theo ý nghĩa của pháp chủ đạo cần được biết rõ, tuệ theo ý nghĩa của sự cao thượng trong các pháp thiện cần được biết rõ, sự giải thoát theo ý nghía của cốt lõi cần được biết rõ, Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa két thúc cần được biết rõ. Các pháp nào cân được biêt rõ, các pháp ây là đã được biêt. Điêu ây, theo ỵ nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: "Sự nhận đinh ở tai là 'Các pháp này cần được biết rõ\ tuệ do sự nhận biết điều ẩy là trí về yếu tố tạo thành điêu đa được nghe.” Dứt phần giải thích về “cần được biết rõ.w Dứt tụng phẩm thứ nhì.

(1) Sự nhận đinh ở tai là "Các pháp này cân được biêt toàn diên", tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu to tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Một pháp cần được biết toàn diện là: Xúc hữu lậu đưa đến thủ. Hai pháp cần được biết toàn diện là: Danh và sắc. Ba pháp cần được biết toàn diện là: Ba thọ.23 Bốn pháp cần được biết toàn diện là: Bốn loại vật thực.24 Năm pháp cần được biết toàn diện là: Năm thủ uẩn.25

23 Ba thọ (tisso vedanā) là thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc (PsA. L 109). 24 Bốn loại vật thực (cattāro āhārā) được giải thích ở PsA. L 109. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là tébốn thực: đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực.,, Xem D. 33, Kinh Phúng tụng (Sañgītisuttarn). (ND) 25 Năm thủ uẩn (pañcupādānakkhandhā) là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thuuan(^ L 110).

Sáu pháp cần được biết toàn diện là: Sáu nội xứ.26 Bảy pháp can được biết toàn diện là: Bảy trụ xứ của thức.27 Tám pháp cần được biết toàn diện là: Tám pháp thế gian.28 Chín pháp cần được biết toàn diện là: Chín tru xứ của chúng sinh.29 Mười pháp cần

được biết toàn diện là: Mười xứ.30

(2) Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được biết toàn diện. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được biết toàn diện? Này các Tỳ-khưu, mát cân được biêt toàn diện, các sác cân được biêt toàn diện, nhãn thức..., nhãn xúc..., cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cần được biết toàn diện. Tai cần được biết toàn diện, các thinh cần được biết toàn diện,... (ní)... Mũi cần được biết toàn diện, các khí cần được biết toàn diện... (nt)... Lưỡi cần được biêt toàn diện, các vị cân được biêt toàn diện... (nt)...Thân cân được biêt toàn diện, các xúc cần được biết toàn diện... (nt)... Y cần được biết toàn diện, các pháp cân được biêt toàn diện, ý thức..., ý xúc..., cảm thọ nào được sanh lên do duyên y xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng cân được biết toàn diện. Sac cân được biêt toàn diện, thọ..., tưởng..., các hành..., thức..., mat..., lão tử... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc cần được biết toàn diện... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu những pháp nào, thì những pháp ấy là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, những pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự thoát ly, sự thoát ly là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự không sân độc, sự không sân độc là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

26 Sáu nội xứ (cha ajjhattikāni āyatanāni) là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ (PsA. I. HO). 27 Bảy trụ xứ của thức (yiññānatthitiyo) được giải thích ở PsA. L Í10-13. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là ubảy thức trú." Xem D. 33, Kinh Phúng tụng (Sañgītisuttam). (ND) 28 Tám pháp thế gian (lokadhammā) là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, khen, chê, sướng, khổ (P^. L 113). 29 Chín trú xứ của chúng sinh (sattāvāsā) được giải thích ở PsA. I. 1Í3-14. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín hữu tình trú." Xem D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttam). (ND) 30 Mười xứ (āyatanāni) là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ (s4I. il4).

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự nghĩ tưởng về ánh sáng là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự không tản mạn, sự không tản mạn là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh càn nhằm mục đích thành tựu sự xác định pháp, sự xác định pháp là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu trí, trí là được thành tựu...(nt).. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự hân hoan, sự hân hoan là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền, Sơ thiền là được thành tựu [cho vi ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu Nhị thiên,... Tam thiền,... Tứ

thiền, Tứ thiền là được thành tựu... (nt).. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Không vô biên xứ, sự chứng đạt Không vô biên xứ là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên XÚT, sự chứng đạt Thức vô biên xứ là được thành tựu...(nt).. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu sự quán xét vê vô thường, sự quán xét về vô thường là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về kho não, quán xét ve kho não là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô ngã, quán xét vê vô ngã là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về nhàm chán, sự quán xét ve nhàm chán là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về ly tham ái, sự quán xét về ly tham ái là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về diệt tận, sự quán xét về diệt tận là được... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về từ bỏ, sự quán xét về từ bỏ là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về đoạn tận, sự quán xét về đoạn tận là được... (nt)... Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu sự quán xét vê biến hoại, sự quán xét về biến hoại là được thành tựu...(nt)... Đối với [hành giả] dang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về chuyển biến, sự quán xét vê chuyên biên là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô tướng, sự quán xét về vô tướng là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về vô nguyện, sự quán xét về vô nguyện là được thành tựu [cho vi ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về không tánh, sự quán xét về không tánh là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ, sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự biết và thấy đúng theo thực thể, sự biết và thấy đúng theo thực thể là được thành tựu... (nt)... Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về tai hại, sự quán xét ve tai hại là được thành tựu... (nt)... Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục

đích thành tựu sự quán xét vê phân biệt rõ, sự quán xét về phân biệt rõ là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu sự quán xét về ly khai, sự quán xét về ly khai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu, đạo Nhập lưu là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu đạo Nhát lai, đạo Nhất lai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành.

PHÂN TÍCH ĐẠO 775

Đôi với [hành giả] đang tinh cân nhăm mục đích thành tựu đạo Bát lai, đạo Bất lai là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán, đạo A-la-hán là được thành tựu [cho vị ấy]. Như vậy, pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Đối với [hành giả] đang tinh cần nhằm mục đích thành tựu những pháp nào, thì những pháp ấy là được thành tựu [cho vi ấy]. Như vậy, những pháp ấy chẳng những được biết toàn diện mà còn được hoàn thành. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: uSự nhận đinh ở tai là 'Các pháp này cần được biết toàn diện9, tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.” Dứt phần giải thích về "cần được biết toàn diện.59

(3) Sự nhận đinh ở tai là "Các pháp này cân được dứt tuệ do sự nhận biêt điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điêu đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Một pháp cần được dứt bỏ là: Ngã mạn. Hai pháp cần được dứt bỏ là: Vô minh và hữu ái. Ba pháp cần được dứt bỏ là: Ba ái. Bốn pháp cần được dứt bỏ là: Bốn pháp cuốn trôi.31 Năm pháp cần được dứt bỏ là: Năm pháp ngăn che.32 Sáu pháp cần được dứt bỏ là: Sáu nhóm ái.33 Bảy pháp cần được dứt bỏ là: Bảy pháp ngủ ngầm.34 Tám pháp cần được dứt bỏ là: Tám tính chất sai trái.35 Chín pháp cần được dứt bỏ là: Chín pháp có nguồn cội là ái.36 Mười pháp cần được dứt bỏ là: Mười tính chất sai trái.37

31 Bốn pháp cuốn trôi (cattāro oghā) là tứ bộc, gồm có dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc (PsA. L 117). . 32 Năm pháp ngăn che (pañca nīvaranānī) là năm triền cái, gồm có: Tham dục, sân độc, hôn trầm, hoài nghi, phóng dạt (P^. L 117-18). 33 Sáu nhóm ái (cha tanhãkãyã) là sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái, pháp ái (PsA. L 118).

34 Bảy pháp ngủ ngầm (sattānusayā) là thất tiềm miên,Ạgồm có ái dục ngủ ngầm, bất bình ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngâm, vô minh ngủ ngâm (PsA. L 118). 3 Tám tính chất sai trái (atthā micchattā) gồm có: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định (PsA. L 118). 36 Chín pháp có nguồn cội là ái (nava tanhā mũlakã) được giải thích ở PsA. I. 118-20. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín ái căn pháp.” Xem D. 34, Kinh Thập

thượng (Dasuttarasuttam). (ND) 37 Tám tính chất sai trái ở trên được thêm vào tà trí và tà giải thoát (PsA. L 120).

Hai sự dứt bỏ: Sự dứt bỏ do đoạn trừ và sự dứt bỏ do tĩnh lặng. Sự dứt bỏ do đoạn trừ là đối với [hành giả] đang tu tập đạo đưa đến sự đoạn tận là [đạo] tối thượng ở đời, và sự dứt bỏ do tĩnh lặng là ở vào sát-na quả. Ba sự dứt bỏ: Đối với các dục sự xuất ly này tức là sự thoát ly, đối với các sắc sự xuất ly này tức là trạng thái vô sắc, hơn thế nữa bất cứ hiện hữu nào là pháp hữu vi và tùy thuận sanh khởi, sự diệt tận là sự xuất ly khỏi điều ấy. Đoi với [hành giả] đã thành tựu sự thoát ly, các dục không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ. Đối với [hành giả] đã thành tựu trạng thái vô sắc, các sắc không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ. Đối với [hành giả] đã thành tựu sự diệt tận, các hành không những đã được dứt bỏ mà còn đã được buông bỏ. Bốn sự dứt bỏ: Trong khi thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của biết toàn diện, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lỵ về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của dứt bỏ, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lý về sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của tác chứng, [hành giả] dứt bỏ; trong khi thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của tu tập, [hành giả] dứt bỏ. Năm sự dứt bỏ: Sự dứt bỏ do áp chế, sự dứt bỏ do thay thế, sự dứt bỏ do đoạn trừ, sự dứt bỏ do tĩnh lặng, sự dứt bỏ do xuất ly. Sự dứt bỏ do áp chế đối với các pháp ngăn che của [hành giả] đang tu tập sơ thiền, sự dứt bỏ do thay thế đối với các khuynh hướng tà kiên của [hành giả] đang tu tập đinh đưa đên sự thấu triệt, sự dứt bỏ do đoạn trừ của [hành giả] đang tu tập đạo tối thượng ở đời đưa đen sự đoạn tận, sự dứt bỏ do tĩnh lặng là ở vào sát-na quả, và sự dứt bỏ do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn.

—

Này các Tỳ-khiru5 tất cả cần được dứt bỏ. Và này các Tỳ-khmi, điều gì là tất cả cần được dứt bỏ? Này các Tỳ-khưu, mắt cần được dứt bỏ, các sắc cần được dứt bỏ9 nhãn thức cần được dứt bỏ, nhãn xúc cần được dứt bỏ, cảm thọ nào được sanh lên do y 7 2 duyên nhãn xúc dâu là lạc, hoặc là khô, hoặc là không khô không lạc; cảm thọ ây cũng cân được dứt bỏ. Tai cần được dứt bỏ, các thinh càn được dứt bỏ,... (nt)... Mũi cần được dứt bỏ? các khí cần được dứt bỏ,... (nt) Lưỡi cần được dứt bỏ, các vị cần được dứt bỏ,... (nt)... Thân cần được dứt bỏ? các xúc cần được dứt b6, (nt)... Ý cần được dứt bỏ, các pháp cân được dứt bỏ, ý thức cân được dứt bỏ? ý xúc cân được dứt bỏ, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ9 hoặc là không khô không lạc; cảm thọ ây cũng cân được dứt bỏ. Trong khi nhận thấy sắc, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy thọ, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy tưởng, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy các hành, [hành giả] dứt bỏ. Trong khi nhận thấy thức, [hành giả] dứt bỏ. Trong

khi nhận thấy mắt,... (nt)... lão (nt).. Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [hành gia] dứt bỏ. Các pháp nào là đã được dứt bỏ, các pháp ấy là đã được buông

bỏ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được dứt bỏ\ tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe." Dứt phần giải thích về 6cần được dứt b6." Dứt tụng phẩm thứ ba.

Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được tu tập'\ tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Một pháp cần được tu tập là: Niệm hướng đến thân có sự thoải mái đi cùng. Hai pháp cần được tu tập là: Chỉ tịnh và minh sát. Ba pháp cần được tu tập là: Ba định.38 Bốn pháp cần được tu tập là: Bốn sự thiết lập niệm. Năm pháp cần được tu tập là: Chánh định năm chi phần. Sáu pháp cần được tu tập là: Sáu tùy niệm xứ.39 Bảy pháp cần được tu tập là: Bảy giác chi. Tám pháp cần được tu tập là: Thánh đạo tám chi phần. Chín pháp cần được tu tập là: Chín chi phần nỗ lực thanh tịnh.40 Mười pháp cần được tu tập là: Mười nền tảng của đề mục [thiền].41* Hai sự tu tập: Sự tu tập thuộc thê gian và sự tu tập xuất thê gian. Ba sự tu tập: Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi sắc giới, sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi vô sắc giới, sự tu tập về các thiện pháp không bị lệ thuộc. Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi sắc giới có loại thấp kém, có loại trung bình, có loại cao quý. Sự tu tập về các thiện pháp đưa đến cõi vô sắc giới

38 Ba định (tayo samādhī)'. Định có tầm có tứ, định không tầm có tứ, và định không tầm không tứ (PsA. L 125) 39 Sáu tùy niệm xứ (cha anussatitthānānī)'. Tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm thí, tuy niệm thiên (PsA. L 126). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "sáj niệm x&." Xem D. 33, Kỉnh Phung tụng (Sangītisuttam). (ND) 40 Chín chi phần nỗ lực thanh tịnh (navapārisuddhi-padhāniyañgānī) được giải thích ở PsA. L 127-28. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là/4chín thanh tịnh cần chi: Giới hạnh thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tâm thanh Hnh thanh tịnh cần chi, kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đoạn nghi thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, đạo tri kiến thanh tỉnh thanh tịnh cần chi, tri kiến thanh tịnh thanh tịnh cần chi, tuệ thanh tịnh thanh tịnh cần chi, giải thoát thanh tịnh thanh tịnh cần chi.^, Xem D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttarn). (ND) 41 Mười nền tảng của đề mục thiền (dasa kasỉnãyatanãnỉ)'. Đất, nước, lửa, gió, xanhvvàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng (PsA. L 128-29). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch ỉa 44mười biến xứ.^, Xem D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttam). (ND)

CÓ loại thấp kém, có loại trung bình, có loại cao quý. Sự tu tập về các thiện pháp không bi lệ thuộc là cao quý. Bốn sự tu tập: Trong khi thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt của sự biết toàn diện, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý về nhân sanh [khổ] với sự thấu triệt của sự dứt bỏ, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý vê sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt của sự tác chứng, [hành giả] tu tập; trong khi thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt của sự tu tập, [hành giả] tu tập. Đây là bốn sự tu

tập. Bốn sự tu tập khác nữa: Tầm cầu là sự tu tập, thành đạt là sự tu tập, nhất vi là sự tu tập, rèn luyện là sự tu tập. Tầm cầu gì là sự tu tập? uĐối với các vị đang thể nhập định thuộc mọi [đề mục], các pháp sanh khởi vào thời điểm ấy là có nhất vị.^, Tầm cầu này là sự tu tập. Thành đạt gì là sự tu tập? uĐối với các vị đang thể nhập định thuộc mọi [đề mục], các pháp sanh khởi vào thời điểm nhập định ấy không vượt trội lẫn nhau." Thành đạt này là sự tu tập. Nhát vi gì là sự tu tập? uĐôi với vị đang tu tập tín quyên theo ý nghĩa cương quyết, do tác động của tín quyền bốn quyền [còn lại] là có nhất vị^, [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vi đối với các quyền. "E)6i với vị đang tu tập tấn quyền theo ý nghĩa ra sức, do tác động của tấn quyền... uĐối với vị đang tu tập niệm quyền theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của niệm quyền... "Đối với vị đang tu tập định quyền theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của định quyền... uĐối với vi đang tu tập tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức, do tác động của tuệ quyền bốn quyền [còn lại của vị ấy] là có nhất [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền. uĐối với vị đang tu tập tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, do tác độnệ của tín lực bốn lực [còn lại] là có nhất [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các lực. uĐối với vị đang tu tập tấn lực theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, do tác động của tấn lực... uĐối với vị đang tu tập niệm lực theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, do tác động của niệm lực... "Đối với vị đang tu tập định lực theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, do tác động của định lực... "Đối với vị đang tu tập tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt, do tác động của tuệ lực bốn lực [còn lại] là có nhất vị9\ [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các lực. uĐối với vị đang tu tập niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của niệm giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhát [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi. "Đôi với vị đang tu tập trạch pháp giác chi theo ý nghía suy xét, do tác động của trạch pháp giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhát vị9\ [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi. "Đối với vi đang tu tập cần giác chi theo ý nghĩa ra sức, do tác động của cần giác chi sáu giác chi [còn lại]... "Đối với vị đang tu tập hỷ giác chi theo ý nghĩa lan tỏa,

do tác động của hỷ giác chi sáu giác chi [còn lại]... atĐối với vi đang tu tập tịnh giác chi theo ý nghĩa an tinh, do tác động của tịnh giác chi sáu giác chi [còn lại]... "Đối với vị đang tu tập định giác chi theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của đinh giác chi sáu giác chi [còn lại]...(nt)..."E)6i với vị đang tu tập xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ, do tác động của xả giác chi sáu giác chi [còn lại] là có nhất vf\ [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các giác chi. "Đôi với vị đang tu tập chánh kiên theo ý nghĩa nhận thức, do tác động của chánh kiến bảy chi đạo [còn lại] là có nhất vj", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các chi đạo. uĐối với vị đang tu tập chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], do tác động của chánh tư duy bảy chi đạo [còn lại]... (nt).. "Đôi với vị đang tu tập chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, do tác động của chánh ngữ bảy chi đạo [còn lại]... (nt).. "d6ì với vi đang tu tập chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, do tác động của chánh nghiệp bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... "Đối với vị đang tu tập chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, do tác động của chánh mạng bảy chi

đạo [còn lại]... (nt)... uĐối với vị đang tu tập chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, do tác động của chánh tinh tấn bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... uĐối với vị đang tu tập chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, do tác động của chánh niệm bảy chi đạo [còn lại]... (nt)... uĐôi với vị đang tu tập chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, do tác động của chánh định bảy chi đạo [còn lại] là có nhất vj", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các chi đạo. Nhát vị này là sự tu tập. Rèn luyện gì là sự tu tập? ở đây, vi Tỳ-khưu rèn luyện vào buổi sáng, rèn luyện luôn cả vào giữa trưa, rèn luyện luôn cả vào buổi tối, rèn luyện luôn cả trước bữa ăn, rèn luyện luôn cả sau bữa ăn, rèn luyện luôn cả vào canh đầu, rèn luyện luôn cả vào canh giữa, rèn luyện luôn cả vào canh cuối, rèn luyện luôn cả ban đêm, rèn luyện luôn cả ban ngày, rèn luyện luôn cả ban đêm và ban ngày, rèn luyện luôn cả trong nửa tháng đâu, rèn luyện luôn cả trong nửa tháng cuối, rèn luyện luôn cả trong mùa mưa, rèn luyện luôn cả trong mùa lạnh, rèn luyện luôn cả trong mùa nóng, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn đầu của cuộc đời, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn giữa của cuộc đời, rèn luyện luôn cả trong giai đoạn cuối của cuộc đời. Rèn luyện này là sự tu tập. Đây là bốn sự tu tập. Bốn sự tu tập khác nữa: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vi đôi với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy là [có ý nghĩa] thế nào? "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ ước muốn trong các dục, các pháp sanh lên do tác động của sự thoát ly không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy.

"Đôi với [hành giả] đang dứt bỏ sân độc, các pháp sanh lên do tác động của sự không sân độc không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, các pháp sanh lên do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng không vượt frội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đoi với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ phóng dật, các pháp sanh lên do tác động của sự không tản mạn, không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ hoài nghi, các pháp sanh lên do tác động của sự xác định pháp không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nệhĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đôi với [hành giả] đang dứt bỏ vô minh, các pháp sanh lên do tác động của trí không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ sự không hứng thú, các pháp sanh lên do tác động của sự hân hoan không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. t6Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các pháp ngăn che, các pháp sanh lên do tác động của Sơ thiền không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. tcĐối với [hành giả] đang dứt bỏ tầm tứ,

các pháp sanh lên do tác động của Nhị thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt ừội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ hỷ, các pháp sanh lên do tác động của Tam thiền không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Bối với [hành giả] đang dứt bỏ lạc và khổ, các pháp sanh lên do tác động của Tứ thiền không vượt trội lẫn nhau"[đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ây. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất binh, sự nghĩ tưởng về khác biệt, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Không vô biên xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Thức vô biên xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ, các pháp sanh lên do tác động của sự chứng đạt

PHÂNTÍCHĐẠO* 781

Phi tưởng phi phi tưởng xứ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐôi với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng vê thường còn, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô thường không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đôi với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về khổ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô ngã không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự vui thích, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về nhàm chán không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ tham ái, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về ly tham ái không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ nhân sanh khởi, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về diệt tận... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nắm lấy, các pháp sanh lên do tác độnệ của việc quán xét vê tư bỏ... uĐôi với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng vê tiêp diễn, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về đoạn tận... "Đối [hành giả] đang dứt bỏ [nghiệp] tích lũy, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về biến hoại... "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nghĩ tưởng về bền vững, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về chuyển biển các pháp sanh lên không vượt trội lẫn

nhau”[đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ hiện tướng, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô tướng không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự nguyện ước, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về vô nguyện không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về không tánh không vượt trội lẫn nhau9\ [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cố chấp về thực chất [của thường còn, của tự ngã], các pháp sanh lên do tác động của sự minh sát các pháp bằng thắng tuệ không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ cố chấp vào sự lâm lân, các pháp sanh lên do tác động của sự biết và thấy đúng theo thực thể không vượt trội lẫn nhau”[đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối

với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cô chấp vào sự lệ thuộc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về tai hại không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. í6Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự không phân biệt rõ? các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về phân biệt rõ không vượt trội lẫn nhaiT, [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ sự cô chấp vào sự ràng buộc, các pháp sanh lên do tác động của việc quán xét về ly khai không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐôi với [hành giả] đang dứt bỏ các phiên não thuần vê tà kiên, các pháp sanh lên do tác động của đạo Nhập lưu không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. "Đối với [hành giả] đang dứt bỏ các phiền não thô thiển, các pháp sanh lên do tác động của đạo Nhất lai không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đôi với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. uĐối với [hành giả] đang dứt bỏ các phiền não có tính chất vi te, các pháp sanh lên do tác động của đạo Bất lai không vượt trội lẫn nhau", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. 4tĐối với [hành giả] đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, các pháp sanh lên do tác động của đạo A-la-hán không vượt trội lẫn nhau", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đôi với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đôi với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy. Sự tu tập theo ý nghĩa nhất vi đối với các quyền là [có ý nghĩa] thế nào? uĐôi với [hành giả] đang dứt bỏ ước muôn trong các dục, do tác động của sự thoát ly khiến năm quyền là có nhất vi", [dây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền. uĐôi với [hành giả] đang dứt bỏ sân độc, do tác động

của sự không sân độc... (nt)... uĐối vơi [hành giả] đang dứt bỏ toàn bộ phiền não, do tác động của đạo A-la-hán khiến năm quyền là có nhất vị9\ [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa nhất vi đối với các quyền. Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền. Sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn là [có ý nghía] thế nào? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, do tác động của sự thoát ly [hành ẹiả] khởi động sự tinh tấn95, [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nham đạt đến giải thoát Niết-bàn. "Trong khi dứt bỏ sân độc, do tác động của sự không sân độc [hành giả] khởi động sự tinh tấn", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn... (nt)... "Trong khi

dứt bỏ toàn bộ phiên não, do tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khởi động sự tinh tấn"? [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn. Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàïi. Sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? "Trong khi dứt bỏ ước muôn trong các dục, vị ây rèn luyện sự thoát ly", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. "Trong khi dứt bỏ sân độc, vị ấy rèn luyện không sân dQc”[dây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, vị ấy rèn luyện đạo A-la-hán", [đây là] sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Như vậy là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. Đây là bốn sự tu tập. Trong khi nhận thây săc? [vi áy] tu tập; trong khi nhận thây thọ, [vi áy] tu tập; trong khi nhận thấy tưởng, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy các hành, [vị ấy] tu tập; trong khi nhận thấy thức, [vi ấy] tu tập. Trong khi nhận thấy mắt,... (nt)... lão (nt).. Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [vị ấy] tu tập. Các pháp nào là đã được tu tập, các pháp ây là có nhát vị. Điêu ây, theo y nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: “Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này cần được tu tập\ tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.” Dứt phần giải thích về "cần được tu tập?9 Dứt tụng phẩm thứ tư.

(6) Sự nhận định ở tai là "Các pháp này cần được tác chứng" tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điêu đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Một pháp cần được tác chứng là: Tâm giải thoát là không chuyển đổi. Hai pháp cần được tác chứng là: Minh và giải thoát. Ba pháp cần được tác chứng là: Ba minh.42 43 Bôn pháp cân được tác chứng là: Bôn quả vị của Sa-môn.44 Năm pháp cần được tác chứng là: Năm pháp uẩn.45 Sáu pháp cần được tác chứng là: Sáu thắng trí.46

42 Tham khảo D. 34, Kinh Thập thượng (Dasuttarasuttani). 43 Ba minh (tisso vijjā): Trí nhớ về các kiếp sống trước là minh, trí về sự chết và tái sanh của chúng sanh là minh, trí về sự đoạn tận các lậu hoặc la minh (PsA. L 135). 44 Bốn quả vị của Sa-môn (cattāri sāmañña phalāni): Quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai và quả A-la-hán (P^. L 135). 45 Năm pháp uẩn (pañca dhammakkhandhā) : Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn và tri kiến giải thoát uan (PsA. I. 135-36). 46 Sáu thắng trí (cha abhiññā)'. Trí về các thể loại thần thông, ọi về thiên nhĩ, trí nhớ về các kiếp sống trước, trí biêt được tâm của người khác, trí về thiên nhãn, trí về sự đoạn tận các lậu hoặc (PsA. L 136).

Bảy pháp cần được tác chứng là: Bảy lực của bậc Lậu tận.47 Tám pháp cần được tác chứng là: Tám giải thoát.48 Chín pháp cần được tác chứng là: Chín sự diệt tận theo tuần tự.49 Mười pháp can được tác chứng là: Mười pháp của bậc Vô học.50

(7) Này các Tỳ-khưu, tất cả cần được tác chứng. Và này các Tỳ-khưu, điều gì là tất cả cần được tác chứng? Này các Tỳ-khưu, mắt càn được tác chứng, các sắc cần được tác chứng, nhãn thức cần được tác chứng, nhãn xúc cần được tác chứng, cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng cần được tác chứng. Tai cần được tác chứng, các thinh cần được tác chứng,... (nt)... Mũi cần được tác chứng, các khí cân được tác chứng,... (nt)... Lưỡi cân được tác chứng, các vị cần được tác chứng,... (nt)... Thân cần được tác chứng, các xúc cần được tác chứng,...(nt) Y cân được tác chứng, các pháp cân được tác chứng, ý thức cần được tác chứng, ý xúc cần được tác chứng, cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc dầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng cân được tác chứng. Trong lúc nhận thấy sắc, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy thọ, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy tưởng, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy các hành, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy thức, [hành giả] tác chứng; trong lúc nhận thấy mắt... (nt)... lão tử... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc, [hành giả] tác chứng. Các pháp nào đã được tác chứng, các pháp ấy là đã được chạm đến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thê, được nói răng: “Sịt nhận định ở tai là 'Các pháp này cân được tác chứng', tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe." Dứt phần giải thích về wcần được tác chứng."

47 Bảy lực của bậc Lậu tận (satta khĩnãsavabalãnỉ) được giải thích ở PsA. L 136-37. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là t4bảy lậu tận Iịtc." Xem 4tbảy pháp cần được tác chứng,, ở D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttarn). (ND) 48 Tám giải thoát (atthā vimokkhā) được giải thích ở l 137. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "tám gii thoẩt." Xem "'tẩm pháp cần được chưng ngO" ở D. 34, Kỉnh Thập thượng (Dasuttarasuttarn). (ND) 49 Chín sự diệt tận theo tuần tự (nava anupubbanirodhā) là chín sự diệt tận các pháp theo tuần tự do việc chứng đắc tam tầng định và biệt thọ tương định là thư chín (PsA. L 137-38). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là "chín thư đệ diệt.,; Xem D. 33, kỉnh Phúng tụng (Sañgītisuttam). (ND) 50 Mười pháp của bậc Vô học (dasa asekkhā dhammā) được giải thích ở PsA. L 138. Hòa thượng Thích Minh Chau dịch là 4tmười pháp vô học,,j gồm có: Vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vo học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Xem D. 34, Kinh Thập thượng (Dasuttarasuttarn). (ND)

(8) Sự nhận định ở tai là "Các pháp này đưa đên thoái h6a, các pháp này đưa đến bền vững, các pháp này đưa đến thù thắng, các pháp này đưa đến thông suốf\ tuệ do sự

nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đã đắc Sơ thiền, tưởng và tác ý đi cùng với dục sanh khởi là pháp đưa đen thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý không đi cùng với tầm sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác y đi cùng với nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đên thông suốt. Đối với vi đã đắc Nhị thiền, tưởng và tác ý đi cùng với tầm sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với xả và lạc sanh khởi là pháp đưa đen thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt. Đối với vi đã đắc Tam thiền, tưởng và tác ý đi cùng với hỷ và lạc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đên bên vững, tưởng và tác ý đi cùng với không khô và không lạc sanh khởi là pháp đưa đên thù thăng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt. Đối với vị đã đắc Tứ thiền, tưởng và tác ý đi cùng với xả và lạc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Không vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt. Đối với vị đã đắc Không vô biên xứ, tưởng và tác ý đi cùng với sắc sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Thức vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ưng với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt. Đối với vị đã đắc Thức vô biên xứ, tưởng và tác ý đi cùng với Không vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiên] ây được an trụ là pháp đưa đên bên vững, tưởng và tác ý đi cùng với Vô sở hữu xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý đi cùng với sự nhàm chán sanh khởi và tương ung với ly tham ái là pháp đưa đến thông suốt. Đôi với vi đã đác Vô sở hữu xứ, tưởng và tác ý đi cùng với Thức vô biên xứ sanh khởi là pháp đưa đến thoái hóa, niệm có bản chất thuận theo pháp [thiền] ấy được an trụ là pháp đưa đến bền vững, tưởng và tác ý đi cùng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ sanh khởi là pháp đưa đến thù thắng, tưởng và tác ý... (nt)... là pháp đưa đến thông suốt.

786 KINH TIÊU Bộ

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Các pháp này đưa đến thoái hóa, các pháp này đưa đến bền vững, các pháp này đưa đến thù thắng, các pháp nàỵ đưa đến thông suốt\ tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.” Dứt phần giải thích nhóm bốn về ÍÉĐưa đến thoái h6a.”

(9) Sự nhận đinh ở tai là "Tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ não, tất cả các pháp là vô ngã9\ tuệ do sự rủiận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? Sự nhận định ở tai là "Sắc là vô thường theo ý nghĩa

đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vo ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi?5 Tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe. Sự nhận định ở tai là "Th". Tưởng... Các hành... Thức... Mắt... Lão tử là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nậhĩa không có cốt 16i." Tuệ do sự nhận biết điêu ấy là trí về yếu tố tạo thành điêu đã được nghe. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sự nhận định ở tai là 'Tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ não, tất cả các pháp là vô ngã\ Tuệ do sự nhận biết điêu ấy là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe." Dứt phần giải thích nhóm ba về 6iHien tướng.”

(10) Sự nhận đinh ở tai là "Bây là chân lý cao thượng về khổ, đây là chan lý cao thượng về nhân sanh khổ, đây là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ, đây là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ95; tuệ do sự nhận biết điều ấy là trí ve yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] thế nào? ở đây, chân lý cao thượng về khổ là [có ý nghĩa] thế nào?51 Sanh là khổ, già cũng là khô, chét cũng là khô, sự sâu muộn... than vãn... khô đau... ưu phiền... thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích là khổ, sự xa lìa với những gì yêu thích là khổ, mong muốn mà không đạt được cũng là khổ; tóm tắt lại năm thủ uẩn là khổ. ở dây, sanh là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự sanh ra, sự sanh khởi, sự hạ sanh, Sự tái sanh, sự hiện khởi của các uân, sự thành tựu của các xứ đôi với các chúng sanh ây ở tập thê của các chúng sanh ây; sự việc này được gọi là sanh. ở đây, già là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự già nua, sự hư hoại, sự rụng răng,

51 Xem M. 14ì,Kinh Phân biệt về sự thật {Saccavibhañgasuttani}.

tình trạng bạc tóc, da nhăn, sự rút ngắn tuổi thọ, sự suy nhược các căn đối với các chúng sanh ấy ở tập thể của các chúng sanh ấy; sự việc này được gọi là già. ơ dây, chét là [có ý nghĩa] thê nào? Là sự từ trân, sự tiêu hoại, sự phân rã, sự biến mất, sự tử, sự chết, sự hết thời kỳ, sự tan rã các uẩn, sự bỏ lại xác thân, Sự gián đoạn các quyên đôi với các chúng sanh ây ở tập thê của các chúng sanh ấy; sự việc này được gọi là chết. ở dây, sầu muộn là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự sầu muộn, sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, nỗi ưu phiền do trạng thái bực bội ở tâm, sự sầu muộn ví như mũi tên của người bị tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bị tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bi tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bi gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi sự khổ đau này hoặc sự khổ đau khác; điều này được gọi là sầu muộn. ở đây, than vãn là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự phàn nàn, sự than vãn, sự kể lể, sự kêu gào, trạng thái kể lể, trạng thái kêu gào, lời nói lảm nhảm, sự lải nhải, sự rên rỉ, sự khóc than, trạng thái khóc than của người bi tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bị tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bi tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi sự khổ đau này hoặc sự kho đau khác; điều này được gọi là than vãn. ở dây, khổ đau là [có ý nghĩa] thế

nào? Điều nào là sự không thoải mái thuộc thân, khổ đau thuộc thân, được nhận biết là không thoải mái và khổ đau sanh lên do thân xúc, là cảm thọ không thoải mái và khổ đau sanh lên do thân xúc; điều này được gọi là khổ đau. ở dây, ưu phiền là [có ý nghĩa] thế nào? Điều nào là sự không thoải mái 2 ve. . Ye. 9 thuộc tâm, khô đau thuộc tâm, được nhận biêt là không thoải mái và khô đau sanh lên do ý xúc, là cảm thọ không thoải mái và khổ đau sanh lên do ý xúc; điều này được gọi là ưu phiền. ở đây, thất vọng là [có ý nghĩa] thế nào? Điều nào là sự lo âu, sự thất vọng, sự bồn chồn, sự tuyệt vọng, trạng thái bồn chồn, trạng thái tuyệt vọng của người bị tác động bởi sự rủi ro về thân quyến, bi tác động bởi sự rủi ro về của cải, bị tác động bởi sự rủi ro về tật bệnh, bị tác động bởi sự rủi ro về giới hạnh, bi tác động bởi sự suy giảm ve kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc rủi ro khác, bị tác động bởi khổ đau này hoặc khổ đau khác; điều này được gọi là thất vọng. ở đây, sự liên hệ với những gì không yêu thích là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Trong trường hợp này, điều nào sự giao tiếp, sự kết hợp, sự liên kết, tình trạng dính líu với các sắc, các thinh, các khí, các vị, các xúc khó chịu, khó ưa, không hợp ý; hoặc là với những người không tầm cầu điều hữu ích, không tầm cầu điều có lợi, không tầm cầu sự an lạc, không tầm cầu sự yên ổn khỏi các vướng bận; điêu này được gọi là sự liên hệ với những gì không yêu thích là khô.

ở dây, sự xa lìa với những gì yêu thích là khổ là [có ý nghía] thế nào? Trong trường hợp này, điều nào là sự không giao tiếp, sự không két hợp, sự không liên kết, tình trạng không dính líu với các săc? các thinh, các khí, các vi, các xúc dê chịu, đáng ưa? hợp ý; hoặc là với những người tầm cầu điều hữu ích, tầm cầu điều có lợi, tầm câu sự an lạc, tâm câu sự yên ôn khỏi các vướng bận, hoặc là với mẹ, với cha, với anh em trai, với chị em gái, với bạn bè, với thân hữu, với họ hàng, hay là với quyến thuộc; điều này được gọi là sự xa lìa với những gì yểu thích là khổ. ở dây, mong muốn mà không đạt được cũng là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với các chúng sanh là đối tượng của sự sanh, có mong muôn khởi lên như vầy: "Oi, ước sao chúng ta không là đối tượng của sự sanh! Và ước sao sự sanh không thể tác động đến chúng ta!" Tuy nhiên, điều ấy không thể đạt được do mong muốn, điều này chính là mong muốn mà không đạt được cũng là khổ. Đối với các chúng sanh là đối tượng của sự già.,, (nt)... là đối tượng của sự bệnh... (nt)... là đối tượng của sự chết... (nt)... là đối tượng của sầu muộn... than vãn... khổ đau... ưu phiên..thất vọng, có mong muốn khởi lên như vầy: "Oi, ước sao chúng ta không là đối tượng của sự sầu muộn... than vãn... khổ đau... ưu phiền.thất vọng! Và ước sao sự sầu muộn... than vãn... khổ đau... ưu phiền... thất vọng không thể tác động đến chúng ta!" Tuy nhiên, điều ấy không thể đạt được do mong muốn; điều này chính là mong muốn mà không đạt được cũng là kho. ở đây, tóm tắt lại năm thủ uẩn là khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Tức là: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn; các điều này tóm tắt lại được gọi là năm thủ uẩn là khổ. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về khổ. Dứt phần giải thích “Chân lý về khổ?5

ở dây, chân lý cao thượng về nhân sanh khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Điều này là ái đưa đen tái sanh, đi cùng với sự vui thích và tham ái, có sự thích thú nơi này nơi nọ9 tức là

dục ái, hữu ái, phi hữu ái.52 Vậy ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở đâu? Khi trụ lại thì trụ lại ở đâu? ở đời, vật nào được yêu thích, vật nào đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. Vậy ở đời, vật được yêu thích, vật đem lại sảng khoái là gì? ở đời5 mắt là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. ở đời, tai... (nt)... ở đời, mũi... (nt)... ở đời, lưỡi... (nt)... ở đời, thân... (nt)... ở đời, ý là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy.

52 Dục ái (kãmataụhã) là sự hạm thích về năm loại ngũ dục. Hữu ái (bhavatanhã) là ái đi cùng với thường kiên, là sự ham thích về cõi sắc giới và vô sắc giới. Và phi hữu ái (vibhavatanhā) là ái đi cùng fl

ở đời, các sắc là vật được yêu thích, là vật đem lại sảnệ khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. ở đời, các thinh... (nt)... ở đời, các pháp... (nt)... ở đời, nhãn thức... (nt)... ở đời, ý thức... (nt)... ơ đời, nhãn xúc... (nt)... ơ đời, ý xúc... (nt)... ơ đời, cảm thọ sanh lên do nhãn xúc... (nt)... ở đời, cảm thọ sanh lên do ý xúc... (nt)... ở đời, sắc tưởng... (nt)... ở đời, pháp tưởng... (nt)... ở dời, sắc tư... (nQ... ở đời, pháp tư... (nt)... ở đời, sắc ái... (nt)... ở đời, pháp ái... (nt)... ở đời, sắc tầm... (nt)... ở đời, pháp tầm... (nt)... ở đời, sắc tứ... (nt)... ở đời, pháp tứ là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi sanh lên thì sanh lên ở nơi ấy, khi trụ lại thì trụ lại ở nơi ấy. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ. Dứt phần giải thích 64Chân lý về nhân sanh [khổ]?5

ở đây, chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự ly tham ái và sự diệt tận hoàn toàn, là sự xả bỏ? là sự từ bỏ, là sự thoát khỏi, là sự không dính líu đối với chính ái ấy. Vậy ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở đâu? Khi được diệt tận thì được diệt tận ở đâu? ở đời, vật nào được yêu thích, vật nào đem lại sảng khoái, ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ấy, khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy. Vậy ở đời, vật được yêu thích, vật đem lại sảng khoái là gì? ở đời, mắt là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ấy khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ẩy5 khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy... (nt)... ở đời, pháp tứ là vật được yêu thích, là vật đem lại sảng khoái, ái ây khi được dứt bỏ thì được dứt bỏ ở nơi ấy, khi được diệt tận thì được diệt tận ở nơi ấy. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về sự diệt tận khổ. Dứt phần giải thích 4íChân lý về sự diệt tận [khổ].^

ơ đây, chân lý cao thượng vê sự thực hành đưa đên sự diệt tận khô là [có ý nghĩa] the nào? Điều này chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh đinh. ở đây, chánh kiến là [có ý nghĩa] thế nào? Là trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ; điều này được gọi là chánh kiến. ở dây, chánh tư duy là [có ý nghĩa] thế nào? Là tư duy về sự thoát ly, tư duy về không sân độc, tư duy vê không hãm hại; điều này được gọi là chánh tư duy. ở dây,

chánh ngữ là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự ngăn ngừa việc nói láo, sự ngăn ngừa việc nói đâm thọc, sự ngăn ngừa việc nói độc ác, sự ngăn ngừa việc nói nhảm nhí; điều này được gọi là chánh ngữ. ở đay, chánh nghiệp là [có ý nghĩa] thế nào? Là sự ngăn ngừa việc giết hại mạng sông, sự ngăn ngừa việc trộm cap, sự ngăn ngừa hành động sai trái trong các dục; điêu này được gọi là chánh nghiệp.

ở đây, chánh mạng là [có ý nghĩa] thế nào? Trong giáo pháp này, vị đệ tử Phật dứt bỏ sự nuôi mạng sai trái và duy trì mạng sống bằng sự nuôi mạng chân chánh; điều này được gọi là chánh mạng. ở dây, chánh tinh tấn là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này khởi lên ước muốn về việc không làm sanh khởi của các ác, bất thiện pháp chưa được sanh khởi, [vị ấy] cần mẫn, khởi sự tinh tấn, quyết tâm, nỗ lực, khởi lên ước muốn về việc dứt bỏ các ác, bất thiện pháp đã được sanh khởi... (nt)..., khởi lên ước muốn về việc làm sanh khởi các thiện pháp chưa được sanh khởi... (nt)...khởi lên ước muôn vê việc duy trì, vê sự không tiêu hoại, vê tình trạng tăng trưởng, về sự lớn mạnh, về sự phát triển, về sự toàn vẹn của các thiện pháp đã được sanh khởi, [vị ấy] cần mẫn, khởi sự tinh tấn, quyết tâm, nỗ lực; điều này được gọi là chánh tinh tấn. ở đây, chánh niệm là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này sống có sự quán xét thân trên thân, với nhiệt tâm, tỉnh giác, có niệm, [vị ấy] có thể chế ngự tham đắm và ưu phiền ở chính bản thân... có sự quán xét thọ trên các thọ,... có sự quán xét tâm trên tâm,... có sự quán xét pháp trên các pháp, với nhiệt tâm, tỉnh giác, có niệm, [vị ấy] có thể chế ngự tham đắm và ưu phiền ở chính bản thân; điều này được gọi là chánh niệm. ở đây, chánh định là [có ý nghĩa] thế nào? Vi Tỳ-khưu trong giáo pháp này ngay sau khi tách ly các dục, tách ly các bất thiện pháp, [vi ấy] đạt đến và an trú sơ thiên có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự văng lặng của tầm và tứ, [vị ấy] đạt đến và an tru nhị thiền với nội phần tĩnh lặng, có trạng thái nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; ly hỷ và ly tham ái, [vị ấy] an tru xả, có niệm và tỉnh giác, và [vi ấy] cảm nhận lạc bằng thân, các bậc Thánh gọi điều ấy là: "C6 xả, có niệm, tru vào lạc", [vỉ ấy] đạt đến và an trú tam thiền ấy; do sự dứt bỏ lạc và do sự dứt bỏ khổ, do sự biến mất của hỷ và ưu ngay trước đây, [vị ấy] đạt đến và an tru tứ thiền không khổ không lạc, có sự thanh tịnh của xả và niệm; điều này được gọi là chánh định. Điều này được gọi là chân lý cao thượng về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ. Dứt phần giải thích “Chân ly về đạo.59

Điều ấy, theo y nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: "Đây là chân lý cao thượng về khổ, đây là chân lý cao thượng về nhân sanh khổ, đây là chân lý cao thượng về sự diệt tận khô, đây là chân lý cao thượng vê sự thực hành đưa đên sự diệt tận khô, tuệ do sự nhận biết điều áy là trí về yêu tố tạo thành điều đã được nghe.,, Tuệ về sự ghi nhận ở tai là trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe là [có ý nghĩa] như thế. Dứt phần giải thích về í6Bốn chân lý?5 Dứt phần giải thích "Trí về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.55

2. TRÍ VỀ YẾU TÓ TẠO THÀNH GIỚI (Sīlamayañānam) Sau khi đã nghe, tuệ về sự thu thúc là trí về yếu tố tạo thành giới là [có ý nghĩa] thế nào? Có năm loại giới: Giới có sự thanh tịnh giới hạn, giới có sự thanh tịnh không ẹiới hạn, giới có sự thanh tịnh toàn vẹn, giới có sự thanh tịnh chưa được tuyệt đôi? giới có sự thanh tịnh tĩnh lặng. ở dây, giới có sự thanh tinh giới hạn là thế nào? Là đối với các điều học đã được giới hạn của những người chưa tu lên bậc trên; đây là giới có sự thanh tịnh giới hạn. Giới có sự thanh tịnh không giới hạn là thế nào? Là đối với các điều học không được giới hạn của những người đã tu lên bậc trên; đây là giới có sự thanh tịnh không giới hạn. Giới có sự thanh tịnh toàn vẹn là thê nào? Là của các phàm nhân hoàn thiện, gắn bó với các thiện pháp, có sự thực hành đầy đủ các phần đã được giới hạn dành cho bậc Hữu học, không xem trọng thân thể và sanh mạng, có mạng sống đã được buông bỏ; đây là giới có sự thanh tịnh toàn vẹn. Giới có sự thanh tịnh chưa tuyệt đôi là thê nào? Là của bảy hạng Hữu học; đây là giới có sự thanh tinh chưa tuyệt đối. Giới có sự thanh tịnh tĩnh lặng là thế nào? Là của các vi Thinh văn, của đức Như Lai có các lậu hoặc đã được đoạn tận, của các vị Phật Độc Giác, của các đức Như Lai A-la-hán Chánh Đẳng Giác; đây là giới co sự thanh tinh tĩnh lặng. Có loại giới bi hạn chế, có loại giới không bị hạn chế. ở đây, loại giới bi hạn chế ấy là thế nào? Có loại giới bị hạn chế vì lợi, có loại giới bị hạn chế vì danh, có loại giới bị hạn chế vì thân quyến, có loại giới bi hạn chế vì chi phần [thân thể], có loại giới bị hạn chế vì mạng sống. Giới bị hạn chế vì lợi ấy là thế nào? ở dây, có người do nhân lợi, do duyên lợi, do động cơ lợi vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì lợi. Giới bị hạn chế vì danh ấy là thế nào? ở dây, có người do nhân danh vọng, do duyên danh vọng, do động cơ danh vọng vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bi hạn chế vì danh. Giới bị hạn chế vì thân quyến ấy là thế nào? ở đây, có người do nhân thân quyến, do duyên thân quyến, do động cơ thân quyến vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì thân quyến. Giới bị hạn chế vì chi phần [thân thể] ấy là thế nao? ở đây, có người do nhân chi phần [thân thể], do duyên chi phần [thân thể], do động cơ chi phần [thân thể] vi phạm điều học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì chi phần [than the]. Giới bị hạn chế vì mạng sống ấy là thế nào? ở đây, có người do nhân mạng

sông, do duyên mạng sông, do động cơ mạng sông vi phạm điêu học đã được thọ trì; đây chính là giới bị hạn chế vì mạng sống. Các giới có hình thức như vậy là bị sứt mẻ, bị đổ vỡ, có các vết lấm, có các đom nhơ, không làm cho giải thoát, không được bậc trí ngợi khen, bị tiêm nhiễm, không đưa đến định, không là các nền tảng cho sự không ăn năn, không là các nền tảng cho sự hân hoan, không là các nen tảng cho hỷ, không là các nền tảng cho tịnh, không là các nền tảng cho lạc, không là các nền tảng cho định, không là các nền tảng cho sự biết và thấy đúng theo thực thể, không đưa đến sự nhàm chán toàn diện, sự ly tham ái, sự diệt tận, sự an tịnh, thắng trí, sự giác ngộ hoàn toàn, Niết-bàn; đây là giới bị hạn chế ấy. Giới không bị hạn chế ấy là thế nào? Có giới không bị hạn chế vì lợi, có giới không bị hạn chế vì danh, có giới không bị hạn chế vì thân quyến, có giód không bị hạn chê vì chi phân [thân thê], có giới không bị hạn chê vì mạng sông. Giới không bị hạn chê vì lợi ây là thê nào? ơ đây, có người do nhân lợi, do

duyên lợi, do động cơ lợi vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì lợi. Giới không bị hạn chê vì danh ây là thê nào? ơ đây, có người do nhân danh vọng, do duyên danh vọng, do động cơ danh vọng vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn che vì danh. Giới không bị hạn chế vì thân quyến ấy là thế nào? ở dây, có người do nhân thân quyến, do duyên thân quyến, do động cơ thân quyến vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì thân quyến. Giới không bị hạn chế vì chi phần [thân thể] ấy là thế nào? ở dây, có ngươi do nhân chi phần [thân thể], do duyên chi phần [thân thể], do động cơ chi phần [thân thể] vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ trì, vậy vị ấy sẽ vi phạm điều gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì chi phần [thân thể]. Giới không bị hạn chế vì mạng sống ấy là thế nào? ở đây, có người do nhân mạng sống, do duyên mạng sống, do động cơ mạng sốnệ vẫn không khởi tâm vi phạm điều học đã được thọ tri, vậy vị ây sẽ vi phạm điêu gì? Đây chính là giới không bị hạn chế vì mạng sống. Các giới có hình thức như vậy là không bị sứt mẻ, không bị đổ vỡ, không có các vết lấm, không có các đốm nhơ, làm cho giải thoát, được các bậc trí ngợi khen, không bị tiêm nhiễm, đưa đến định, là các nền tảng cho sự không ăn năn, là các nền tảng cho sự hân hoan, là các nền tảng cho hy, là các nền tảng cho tịnh, là các nền tảng cho lạc, là các nền tảng cho đinh, là các nền tảng cho sự biết và thấy đúng theo thực thể, đưa đến sự nhàm chán toàn diện, sự ly tham ái, sự diệt tận, sự an tịnh, thăng trí, sự giác ngộ hoàn toàn, Niêt-bàn. Đây là giới không bi hạn chế ấy.

PHÂN TÍCH ĐẠO 793

Giới là gì? CÓ bao nhiêu loại giới? Giới có nguồn sanh khởi là gì? Giới có sự liên kết với bao nhiêu pháp? Giới là gì? Sự cố ý là giới, thuộc về tâm là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới. Có bao nhiêu loại giới? Có ba loại giới: Thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. Giới có nguồn sanh khởi là gì? Thiện giới có nguồn sanh khởi là các tâm thiện, bất thiện giới có nguồn sanh khởi là các tâm bất thiện, vô ký giới có nguồn sanh khởi là các tâm vô ký. Giới có sự liên kết với bao nhiêu pháp? Giới có sự liên kết với sự thu thúc, giới có sự liên kết với sự không vi phạm, giới có sự liên kết với sự cố ý đã sanh lên trong trường hợp như thê. Sự giết hại sanh mạng theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Trộm cáp theo ý nghĩa thu thúc là giói, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Hành động sai trái trong các dục theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói láo theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói đâm thọc theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói độc ác theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Nói nhảm nhí theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Tham ác theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Sân độc theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Tà kiến theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do sự thoát ly, sự ước muốn trong các dục theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do sự không sân độc, sự sân độc theo ý nệhĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do sự nghĩ tưởng đên ánh sáng, sự lờ đờ buôn ngủ... (nt).. Do sự không tản mạn, sự phóng

dật... (nt)... Do sự xác định pháp, sự hoài nghi... (nt)... Do trí, vô minh... (nt)... Do sự hân hoan, sự không hứng thú theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Do Sơ thiên, các pháp ngăn che... (nt).. Do Nhị thiên, tâm tứ... (nt)... Do Tam thiền, hỷ... Do Tứ thiền, lạc và kho... Do sự chứng đạt Không vô biên xứ, sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về sự khác biệt... Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ9 sự nghĩ tưởng vê Không vô biên xứ... Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ... Do sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ... (nt).. Do quán xét vê vô thường, sự nghĩ tưởng vê thường còn... (nt)... Do quán xét về khô, sự nghĩ tưởng về lạc... (nt)... Do quán xét về vô ngã, sự nghĩ tưởng vê ngã... Do quán xét vê nhàm chán, sự vui thích... Do quán xét về ly tham ái, tham ái... Do quán xét về diệt tận, nhân sanh khởi... Do quán xét về từ bỏ, sự nắm giữ...Do quán xét về đoạn tận, sự nghĩ tưởng về sự tiep nối... Do quán xét về biển hoại, [nghiệp] tích lũy... Do quán xét về chuyển biến, sự nghĩ tưởng về

vững chắc... Do quán xét về vô tướng, hiện tướng... Do quán xét về vô nguyện, sự nguyện ước... Do quán xét về không tánh, sự cố chấp... Do minh sát các pháp băng thăng tuệ, sự cô châp trong việc châp giữ mãnh lực [của lòng ham muốn là thường còn]... Do quán xét vê sự biêt và thây đúng theo thực thê, sự cố chấp vào sự lầm lẫn... Do quán xét về tai hại, sự cố chấp vào sự nương tựa... Do quán xét về phân biệt rõ, sự không phân biệt rõ... (nt)... Do quán xét về ly khai, sự cố chấp vào sự ràng buộc... (nt)... Do đạo Nhập lưu, các phiền não thuần về tà kiến... (nt)... Do đạo Nhất lai, các phiền não thô thiên... Do đạo Bát lai, các phiên não có tính chát vi tế... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não theo ý nghĩa thu thúc là giới, theo ý nghĩa không vi phạm là giới. Năm loại giới: Đối với việc giết hại mạng sống, sự dứt bỏ là giới, sự ngăn ngừa là giới, sự cố ý là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới. Các giới có hình thức như vậy đưa đến sự không ăn năn của tâm, đưa đến sự hân hoan, đưa đến hỷ5 đưa đến tịnh, đưa đến tâm vui mừng, đưa đến sự rèn luyện, đưa đến sự tu tập, đưa đến hành động được sung mãn, đưa đến việc thực hiện được đầy đủ, đưa đến điều thiết yếu, đưa đến điều phụ trợ, đưa đến sự vẹn toàn, đưa đến sự nhàm chán toàn diện, đưa đến ly tham ái, đưa đến sự diệt tận, đưa đên sự an tịnh, đưa đên thăng trí, đưa đên sự giác ngộ hoàn toàn, đưa đên Niết-bàn. Sự thanh tịnh do thu thúc đối với các giới có hình thức như vậy là thắng giới. Tâm trụ vào sự thanh tịnh do thu thúc không đi đến tản mạn, sự thanh tịnh do không tản mạn là thắng tâm. [Hành giả] nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do thu thúc, nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do không tản mạn, sự thanh tịnh trong sự nhận thay là thắng tuệ. ở đây, việc nào có ý nghĩa thu thúc, việc ấy là sự học tập vê thăng giới, ơ dây, việc nào có ý nghĩa không tản mạn, việc ấy là sự học tập về thắng tâm. ở đây, việc nào có ý nghĩa nhận thấy, việc ấy là sự học tập ve thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đên ba sự học tập này, vi ây học tập. Trong khi nhận biết, vị ấy học tập. Trong khi nhận thây, vị ây học tập. Trong khi quán xét lại, vi ấy học tập. Trong khi khẳng định tâm, vị ấy học tập. Trong khi hướng đến đức tin, vị ấy học tập. Trong khi ra sức tinh tấn, vị ấy học tập. Trong khi thiết lập niệm, vi ấy học tập. Trong khi tập trung tâm, vi ấy học tập. Trong khi nhận biết bởi tuệ, vị ấy học tập. Trong

khi biết rõ điều cần được biết rõ, vị ấy học tập. Trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện, vi ấy học tập. Trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ, vị ấy học tập. Trong khi tu tập điều cần được tu tập, vị ấy học tập. Trong khi tác chứng điều cần được tác chứng, vị ấy học tập. Năm loại giới: Đối với trộm cắp... (nt)... Đối với hành động sai trái trong các dục... (nt)... Đối với lời nói láo... Đối với lời nói đâm thọc... Đối với lời nói độc ác... Đối với lời nói nhảm nhí... Đối với tham ác... Đối với sân độc... Đối

với tà kiên... (nt).. Do sự thoát ly, đôi với ước muôn trong các dục... (nt).. Do sự khôn^ sân độc, đối với sân độc... Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, đối với sự lờ đờ buôn ngủ... Do sự không tản mạn, đối với sự phóng dật... Do sự xác định pháp, đối với sự hoài nghi...Do trí, đối với vô minh... Do sự hân hoan, đối với sự không hứng thú ...(nt)... Do Sơ thiền, đối với các pháp ngăn che... (nt)... Do Nhị thiền, đối với tầm tứ... (nt)... Do Tam thiền, đối với hỷ... Do Tứ thiền, đối vơi lạc và khổ... Do sư chứng đạt Không vô biên xứ, đối với sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về sự khác biệt... Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ, đôi với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ... Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, đối với sự nghi tưởng về Thức vô biên xứ... Do sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đôi với sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ... (nt)... Do quán xét vê vô thường, đôi với sự nghĩ tưởng vê thường còn... (nt)... Do quán xét về khổ não, đối với sự nghĩ tưởng về lạc... Do quán xét về vô ngã, đối với sự nghĩ tưởng về ngã... Do quán xét về nhàm chán, đối với sự vui thích... Do quán xét về ly tham ái, đối với tham ái... Do quán xét về diệt tận, đối với nhân sanh khởi... Do quán xét về từ bỏ5 đối với sự nắm giữ... Do ạuán xét về đoạn tận, đối với sự nghĩ tưởng về sự tiếp nối... Do quán xét về biên hoại, đối với [nghiệp^ tích lũy... Do quán xét về chuyển biến, đối với sự nghĩ tưởng về sự vững chác... Do quán xét về vô tướng, đối với hiện tướng... Do quán xét về vô nguyện, đối với sự nguyện ước... Do quán xét về không tánh, đối với sự cố chấp... Do minh sát các pháp bằng thắng tuệ, đối với sự cố chấp trong việc chấp giữ mãnh lực [của lòng ham muôn là thường còn]... Do quán xét ve sự biết và thấy đúng theo thực thể, đối với cố chấp vào sự lầm lẫn... Do quán xét về tai hại, đối với sự cố chấp vào sự nương tưa... Do qu xét về phân biệt rõ, đối với sự không phân biệt rõ... Do quán xét về ly khai, đối với sự cố chấp vào sự ràng buộc... (nt)... Do đạo Nhập lưu, đôi với các phiên não thuần vê tà kiên... (nt)... Do đạo Nhất lai, đối với các phiền não thô thiển... (nt)...Do đạo Bất lai, đối với các phiền não có tính chất vi tế... (nt)... Do đạo A-la-hán, đối với toàn bộ phiền não, sự dứt bỏ là giới, sự ngăn ngừa là giới, sự cố ý là giới, sự thu thúc là giới, sự không vi phạm là giới. Các giới có hình thức như vậy đưa đến sự không ăn năn, đưa đến sự hân hoan, đưa đến hỷ, đưa đến tịnh, đưa đến tâm vui mừng, đưa đến sự rèn luyện, đưa đến sự tu tập, đưa đến hành đông được sung mãn, đưa đến việc thực hiện được đầy đủ, đưa đến điều thiết yếu, đưa đến điêu phụ trợ, đưa đến sự vẹn toàn, đưa đên sự nhàm chán toàn diện, đưa đến ly tham ái, đưa đến sự diệt tận, đưa đến sự an tịnh, đưa đến thắng trí, đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn, đưa đến Niết-bàn. Đối với các giới có hình thức như vậy, sự thanh tinh do thu thúc là thắng giới. Tâm đã được trụ vào sự thanh tinh do thu thúc không đi đến tản mạn, sự thanh tịnh do không tản mạn là thắng tâm. [Hành giả] nhận thấy một cách đúng đắn sự thanh tịnh do thu thúc, nhận

thấy một cách đúng đắn sự thanh tinh do

không tản mạn, sự thanh tinh trong sự nhận thấy là thắng tuệ. ở dây, việc nào có ý nghĩa thu thúc, việc ấy là sự học tập về thắng giới, ở đây, việc nào có ý nghĩa không tản mạn, việc ấy là sự học tập về thắng tâm. ở đây, việc nào có ý nghĩa nhận thấy, việc ấy là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, vị ấy học tập. Trong khi nhận biết, vi ấy học tập. Trong khi nhận thấy,... Trong khi quán xét lại,... Trong khi khẳng đinh tâm,... Trong khi hướng đến đức tin,... Trong khi ra sức tinh tấn,... Trong khi thiết lập niệm,... Trong khi tập trung tâm,... Trong khi nhận biết bởi tuệ,... Trong khi biết rõ điều cần được biết rõ,... Trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện,... Trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ,... Trong khi tác chứng điều cần được tác chứng, vị ấy học tập. Trong khi tu tập điều cần được tu tập, vị ấy học tập. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ỵ nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Sau khi đã nghe, tuệ ve sự thu thúc là trí về yểu tố tạo thành gi&i.' Dứt phần giải thích 6Trí về yếu tố tạo thành giới.59

3. TRÍ VÈ YẾU TỐ TẠO THÀNH VIỆC TU TẬP ĐỊNH (Samādhibhāvanāmayañānam) Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định là [có ý nghĩa] thế nào? Một loại đinh: Là trạng thái chuyên nhất của tâm. . r r

Hai loại định: Là định thuộc thê gian và định vượt trên thê gian. Ba loại định: Là định có tầm có tứ, định không tầm có tứ, định không tầm không tư. ỉ r e 9 r Bôn loại định: Là định đưa đên giảm thiêu (định đưa đên thoái hóa), định đưa đến bền vững, định đưa đến thù thắng, định đưa đến thấu triệt. Năm loại định: Là trạng thái lan tỏa của hỷ, trạng thái lan tỏa của lạc, trạng thái lan tỏa của xả, trạng thái lan tỏa của ánh sáng, hiện tướng của sự quán xét lại. Sáu loại định: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Phật, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Pháp, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [ân đức] Tăng, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] giới, đinh có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] sự xả bỏ, định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhát của tâm do năng lực của việc tưởng niệm đến [đức tính của] chư thiên.

Bảy loại định: Là thiện xảo trong định, thiện xảo trong việc thể nhập định, thiện xảo trong việc duy trì đinh, thiện xảo trong việc ra khỏi định, thiện xảo vê thê chát của định, thiện xảo vê hành xứ của định, thiện xảo vê sự quả quyêt của định. Tám loại định: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhát của tâm do năng lực của đề mục đất,... do năng lực của đe mục nước,... do năng lực của đề mục lửa,...do năng lực của đề mục gió,... do năng lực của đề mục xanh,... do năng lực của đề mục vàng,... do năng lực của đề mục đỏ,... do năng lực của đề mục trắng. Chín loại định: Là

đinh săc giới có hạng tháp kém, có hạng trung bình, có hạng cao quý; định vô sắc giới có hạng thấp kém, có hạng trung bình, có hạng cao quý; không tánh định, vô tướng định, vô nguyện định. Mười loại đinh: Là định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của tưởng về sự sình trương [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự đổi màu xanh [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự chảy nước vàng [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự nứt nẻ [của xác chết],...do năng lực của tưởng về sự bị [thú] gặm nhấm [của xác chết],... do năng lực của tưởng về sự bị hoại rã [của xác chết],... do năng lực của tưởng về Sự bị căt đứt lìa [của xác chét],... do năng lực của tưởng vê máu me [của xác chét],... do năng lực của tưởng vê giòi bọ [của xác chét], định có sự không tản mạn và có trạng thái chuyên nhất của tâm do năng lực của tưởng ve bộ xương khô [của xác chét]. Đây là năm mươi lăm loại đinh. Hơn nữa, còn có hai mươi lăm ý nghĩa vê định của đinh: Định theo ý nghĩa gìn giữ, định theo ý nghĩa hoàn bị, (định theo ý nghĩa phụ trợ) định theo ý nghĩa chuyên nhất, đinh theo ý nghĩa không tản mạn, đinh theo ý nghĩa ra sức, định theo ý nghĩa không tán loạn, định theo ý nghĩa không xao động, định theo ý nghĩa không loạn động, đinh theo ý nghĩa giải thoát, định có sự trụ vững của tâm do năng lực thiết lập tính nhất thể, "tầm cầu sự thuần chung^ là đinh, "không tầm cầu sự không thuần chủng^, là định, trạng thái đã tầm cầu sự thuần chủng là định, trạng thái đã không tầm cầu sự không thuần chủng là đinh, "nắm giữ sự thuần chủng” là đinh, "không nắm giữ sự không thuần chiỉng" là định, trạng thái đã nắm giữ sự thuần chủng là định, trạng thái đã không nắm giữ sự không thuần chủng là định, "thực hành sự thuần chủng,, là định, "không thực hành sự không thuần chỉing" là định, trạng thái đã thực hành sự thuần chủng là định, trạng thái đã không thực hành sự không thuần chủng là định, "tham thiền sự thuần chủng" là định, Tàm cho thiêu đốt sự không thuần chủng" là định, trạng thái đã tham thiền sự thuần chủng là định, trạng thái đã làm cho thiêu đốt sự không thuần chủng là định. Đây là hai mươi lăm ý nghĩa về định của định. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì

gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập djnh." Dứt phần giải thích “Trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định.95

4. TRÍ VÈ Sự HIỆN DIỆN CỦA CÁC PHÁP (Dhammatthitiñānam) Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? "Đối với các hành, vô minh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyOn"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, đối với các hành, vô minh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của

[nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyOn"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. uĐối với thức, các hành... (nt)...Đối với danh sắc, thức... (nt)... Đối với sáu xứ, danh sắc... (nt)... Đối với xúc, sáu xứ... (nt)... Đối với thọ5 xúc... (nt)... Đối với ái, thọ... (nt)... Đối với thủ, ái... (nt)... Đối với hữu, thủ... (nt).. Đối với sanh, hữu... (nt)... Đối với lão tử, sanh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên55; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, đối với các hành, sanh là sự hiện diện của sự sanh lên, là sự hiện diện của sự vận hành, là sự hiện diện của hiện tướng, là sự hiện diện của [nghiệp] tích lũy, là sự hiện diện của sự ràng buộc, là sự hiện diện của sự vướng bận, là sự hiện diện của sự sanh khởi, là sự hiện diện của nhân và là sự hiện diện của duyên. Do chín biểu hiện này, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên9\ tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "V6 minh là nhân, các hành được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhân,,; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của

các pháp là vậy. “Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, vô minh là nhân, các hành được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nhan"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. “Các hành là nhân, thức được sanh lên do nhân,..."Thức là nhân, danh sắc được sanh lên do nhân,…“Danh sắc là nhân, sáu xứ được sanh lên do nhân,... "Sáu xứ là nhân, xúc được sanh lên do nhân,... UXÚC là nhân, thọ được sanh lên do nhân,…"Thlà nhân, ái được sanh lên do nhân,... "Ái là nhân, thủ được sanh lên do nhân,... "Thủ là nhân, hữu được sanh lên do nhân,…“Hữu là nhân, sanh được sanh lên do nhân,... "Sanh là nhân, lão tử được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do ĩlhân^,; tuệ vê việc năm giữ duyên là trí vê sự hiện diện của các pháp là vậy. “Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, sanh là nhân, lão tử được sanh lên do nhân, luôn cả hai pháp này được sanh lên do nh2n"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Tùy thuận vô minh, các hành được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh 18n”; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, tùy thuận vô minh, các hành được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh 18n"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Tùy thuận các hành, thức được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận thức, danh sắc được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận danh sắc, sáu xứ được tùy thuận sanh lên,... (nt)... “Tùy thuận sáu xứ, xúc được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận xúc, thọ được tùy thuận sanh

lên,... (nt).. "Thy thuận thọ, ái được tùy thuận sanh lên,... (nt)... "Tùy thuận ái, thủ được tùy thuận sanh lên?... (nt)... "Tùy thuận thủ, hữu được tùy thuận sanh lên,... (nt).. "Thy thuận hữu, sanh được tùy thuận sanh lên,... (nt)... uTùy thuận sanh, lão tử được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh 14n"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, tùy thuận sanh, lão tử được tùy thuận sanh lên, luôn cả hai pháp này được tùy thuận sanh len^; tuệ ve việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "V6 minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyen"; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. “Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, vô minh là duyên, các hành được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên,,; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. uCac hành là duyên, thức được sanh lên do duyên,... (nt)... "Thức là duyên, danh sắc được sanh lên do duyên,... (nt).. “Danh sắc là duyên, sáu xứ được sanh lên do duyên,... (nt).. "SAu xứ là duyên, xúc được sanh lên do duyên,... (nt).. "Xúc là duyên, thọ được sanh lên do duyên,... (nt).. "ThQ là duyên, ái được sanh lên do duyên,... (nt).. "Ai là duyên, thủ được sanh lên do duyên,...

(nt)... “Thít là duyên, hữu được sanh lên do duyên,... (nt)... “Hữu là duyên, sanh được sanh lên do duyên,... (nt)... “Sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên,?; tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, sanh là duyên, lão tử được sanh lên do duyên, luôn cả hai pháp này được sanh lên do duyên,,; tuệ vê việc năm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp là vậy. về sự hiện hữu ở nghiệp quá khứ, si là vô minh, [nghiệp] tích lũy là các hành, sự ham thích là ái, sự đạt đến là thủ, sự cố ý là hữu; năm pháp này hiện diện ở nghiệp quá khứ [và] là duyên cho sự tái sanh ở thời hiện tại. Trong thời hiện tại, sự tái sanh là thức, sự hạ sanh là danh sắc, sự hiển hiện là xứ, [hiện tượng] được chạm đến là xúc, [hiện tượng] được cảm nhận là thọ; năm pháp này hiện hữu trong sự sanh lên ở thời hiện tại [và] do duyên của nghiệp đã tạo trong quá khứ. Do trạng thái chín muôi của các xứ trong thời hiện tại, si là vô minh, [nghiệp] tích lũy là các hành, sự ham thích là ải, sự đạt đên là thủ, sự cô ý là hữu; năm pháp này hiện diện ở nghiệp hiện tại [và] là duyên cho sự tái sanh ở thời vị lai. Trong thời vị lai, sự tái sanh là thức, sự hạ sanh là danh sắc, sự hiển hiện là xứ, [hiện tượng] được chạm đến là xúc, [hiện tượng] được cảm nhận là thọ; năm pháp này hiện hữu trong sự sanh lên ở thời vi lai [và] do duyên của nghiệp đã tạo trong hiện tại. Như thế [hành giả] biết, thấy, nhận biết, thấu triệt bốn phần tổng hợp này,53 ba thời kỳ,54 ba sự tiếp nối5355 là tùy thuận sanh khởi theo hai mươi biểu hiện.56 54 Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thể, được nói rằng: "Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp.” Dứt phần giải thích "Trí về sự hiện diện của các pháp.”

5. TRÍ VỀ Sự THẤU HIỂU (Sammasanañānam) Sau khi đã tong hợp các pháp trong [ba thời] quá khứ, hiện tại, vị lai5 tuệ ve sự xác đinh là trí về sự thấu hiểu là [co y nghĩa] thế nào? Bát cứ sác nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nội phân hoặc ngoại phân, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc ở gàn, [hành giả] xác định toàn bộ sắc ấy là vô thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ sắc

53 Bốn phần tổng hợp (catusaùkhepè) là nhân quá khứ, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả vị lai (PsA. L 243). 54 Ba thời kỳ (tayo addhè) là quá khứ, hiện tại, vị lai (S.). 55 Ba sự tiếp nối (tỉ sandhỉnì) là nhân quá khứ và quả hiện tại, quả hiện tại và nhân hiện tại, nhân hiện tại và quả vị lai L 243). 56 Hai mươi biểu hiện (yĩsatỉyã ākārehi) được liệt kê ở 4 phần tổng hợp, mỗi phần có 5 biểu hiện; tổng cộng là 20 L 243). “ “

ấy là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ sắc ấy là vo ngã, [đây la] mọt sự thau hiểu. Bất cứ thọ nào... (nt)... Bất cứ tưởng nào... (nt)... Bất cứ các hành nào... (nt)... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, nội phan hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, [hành giả] xác định toàn bộ thức ấy là vo thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định toàn bộ thức ấy là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác đinh toàn bộ thức ấy là vô ngã, [đây là] một sự thấu hiểu. Mắt... (nt)... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai,... [hành giả] xác định là vô thường, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác đinh là khổ não, [đây là] một sự thấu hiểu; [hành giả] xác định là vô ngã, [đây là] một Sự thâu hiêu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt 16i”, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Thọ... (nt).. "Tưởng... (nt)... "Các hành... (nt)... "Thức... (nt).. "Mắt... (nt)... Sau khi đã tông hợp răng: uLão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là kho não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi9\ tuệ về sự xác đinh là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: “Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biên hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận", tuệ vê sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Thọ... (nt)... "Tưởng... (nt)...uCác hành... (nt).. "Thức... (nt)... "Mắt...(nt).. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận9\ tuệ về sự xác đinh là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tông họp răng: uLão tử do duyên là sanh, nêu không có sự sanh thì không có lão tử", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Ngay cả trong thời quá khứ, ngay cả trong thời vị lai, lão tử do duyên là sanh, nếu không có sự sanh thì không có lão tử", tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu. Sau khi đã tổng hợp rằng: "Sanh do duyên là hữu, nếu không có... (nt)... “Hữu do duyên là thủ, nếu không có... (nt).. "Thiỉ do duyên là ái5 nếu không có... (nt).. "Ai do duyên là thọ, nếu không có... (nt)..."Thọ do duyên là xúc, nếu không có... (nt)... "Xúc do duyên là sáu xứ, nếu không có... (nt)...“Sáu xứ do duyên là danh săc, nêu không có...

(nt).. "Danh sác do duyên là thức, nêu không có... (nt)... "Thức do duyên là các hành, nếu không có các hành... (nt)... "Các hành do duyên là vô minh, nếu không có vô minh thì không có các hSnh", tuệ về sự xác đinh là trí về sự thấu hiểu.

802 > KINH TIÊU Bộ

Sau khi đã tổng hợp rằng: "Ngay cả trong thời quá khứ xa xăm, ngay cả trong thời vi lai xa xăm, các hành do duyên là vô minh, nếu không có vô minh thì không có các hành,\ tuệ về sự xác đinh là trí về sự thấu hiểu. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Sau khi đã tổng hợp các pháp trong quá khứ, hiện tại, vị lai, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hieu?5 Dứt phần giải thích “Trí về sự thấu hiểu” là phần thứ năm.

6. TRÍ VÈ Sự SANH DIỆT (Udayabbayañānam) Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí quán xét sự sanh diệt là [có ý nghĩa] thế nào? Sắc được sanh lên là đang hiện hữu, hiện tướng tái tạo của pháp ấy là sự sanh, hiện tướng chuyển biến là sự diệt, sự quán xét là trí. Thọ được sanh lên... (nt)... Tưởng được sanh lên... (nt)... Các hành được sanh lên... (nt).. Thức được sanh lên... (nt)... Mắt được sanh lên... (nt)... Hữu được sanh lên là đang hiện hữu, hiện tướng tái tạo của pháp ấy là sự sanh, hiện tướng chuyển biến là sự diệt, sự quán xét là trí. Đối với năm uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng? Đối với năm uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy năm mươi hiện tướng. Đôi với sác uân, [hành giả] trong khi nhận thây sự sanh thì nhận thây bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy bao nhiêu hiện tướng? Đối với thọ uẩn,... (nt)... Đối với tưởng uẩn,... (nt)... Đối với hành uẩn,... (nt)... Đối với thức uẩn,... (nt)... Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng, trong khi nhận thây sự diệt thì nhận thây năm hiện tướng, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy mười hiện tướng. Đối với thọ uẩn,... (nt)... Đối với tưởng uẩn,... (nt)... Đối với hành uẩn,... (nt) Đối với thức uẩn,... (nt)... Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của sắc", [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: “Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của sac", [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của sắc9\ [hành giả] nhận thay sự sanh của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vật thực,

PHÂN TÍCH ĐẠO* 803

CÓ Sự sanh khởi của sắc9\ [hành giả] nhận thấy sự sanh của sắc uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự tái tạo. Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự

sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này. [Đối với sắc uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự diệt của sác uân theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của sắc", [hành giả] nhận thây sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của sắc", [hanh giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vật thực, có sự diệt tận của sc", [hnh giả] nhận thấy sự diệt của sắc uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự chuyển biên. Đối với sắc uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng này. [Đối với sắc uẩn], trong khi nhận thấy sự sanh diệt, [hành giả] nhận thấy mười hiện tướng này. Đôi với thọ uân9 [hành giả] trong khi nhận thây sự sanh thì nhận thây năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của thọ uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của thQ”,.. "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của th",... "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của tw,. "Do sự sanh khởi của xúc, có sự sanh khởi của th?”[hành giả] nhận thấy sự sanh của thọ uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện tướng của sự tái tạo. Đối với thọ uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này. [Đối với thọ uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thây sự diệt của thọ uân theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thọ,\... "Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thọ,\... "Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thQ”,... "Do sự diệt tận của xúc, có sự diệt tận của thq”[hành giả] nhận thấy sự diệt của thọ uân ngay cả trong khi nhận thay hiện tướng của sự chuyển biên. Đôi với thọ uân, [hành giả] trong khi nhận thây sự diệt thì nhận thây năm hiện tướng này. [Đôi với thọ uân], trong khi nhận thây sự sanh diệt, [hành giả] nhận thây mười hiện tướng này. Đối với tưởng uẩn,... (nt)... Đối với hành uẩn,... (nt)... Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự sanh của thức uẩn theo ý nghĩa của sự sanh khởi là do duyên: "Do sự sanh khởi của vô minh, có sự sanh khởi của "Do sự sanh khởi của ái, có sự sanh khởi của thức",.. "Do sự sanh khởi của nghiệp, có sự sanh khởi của thức",... “Do sự sanh khởi của danh và sắc, có sự sanh khởi của thức", [hành giả] nhận thấy sự sanh của thức uẩn ngay cả trong khi nhận thấy hiện

tướng của sự tái tạo. Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự sanh thì nhận thấy năm hiện tướng này. [Đối với thức uẩn], [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng gì? [Hành giả] nhận thấy sự diệt của thức uẩn theo ý nghĩa của sự diệt tận là do duyên: "Do sự diệt tận của vô minh, có sự diệt tận của thiic”... “Do sự diệt tận của ái, có sự diệt tận của thức",..."Do sự diệt tận của nghiệp, có sự diệt tận của thức”,..."Do sự diệt tận của danh và sắc, có sự diệt tận của : r 2 r thiic", [hành giả] nhận thây sự diệt của thức uân ngay cả trong khi nhận thây hiện tướng của sự chuyển biến. Đối với thức uẩn, [hành giả] trong khi nhận thấy sự diệt thì nhận thấy năm hiện tướng này. [Đối với thức uẩn], trong khi nhận thấy sự sanh diệt, [hành giả]

nhận thấy mười hiện tướng này. Đôi với năm uân, [hành giả] trong khi nhận thây sự sanh thì nhận thây hai mươi lăm hiện tướng này, trong khi nhận thay sự diệt thì nhận thấy hai mươi lăm hiện tướng này, trong khi nhận thấy sự sanh diệt thì nhận thấy năm mươi hiện tướng này. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí quán xét sự sanh diet." Sắc uẩn có sự sanh khởi là vật thực. Ba uẩn thọ, tưởng, hành có sự sanh khởi là xúc. Thức uẩn có sự sanh khởi là danh sắc. Dứt phần giải thích “Trí về sự sanh diệt.55

7. TRÍ QUÁN XÉT VÈ sự TAN RÃ (Bhañgānupassanāñānam) Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát là [có y nghĩa] thế nào? Với sắc là đối tượng, tâm sanh lên rồi bị phân hủy. Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng ấy, [hành giả] quán xét về sự tan rã của tâm ấy. [Hành giả] quán xét: Quán xét là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường, không phải là thường. Quán xét là kho não, không phải là lạc. Quán xét là vô ngã, không phải là ngã. [Hành giả] nhàm chán, không vui thích. [Hành giả] ly tham ái, không tham ái. [Hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khơi. [Hành giả] từ bo, không nắm giư. Trong khi quán xét là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét là kho não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Với thọ là đôi tượng,... (nt)... Với tưởng là đôi tượng,... (nt)... Với các hành

là đối tượng,...(nt)... Với thức là đối tượng,...(nt)... Với mắt là đối tượng,... (nt)... Với lão tử là đối tượng, tâm sanh lên rồi bị phân hủy. Sau khi đã phân biệt rõ đôi tượng áy, [hành giả] quán xét sự tan rã của tâm áy. [Hành giả] quán xét, quán xét là [có ý nghĩa] thế nào? Quán xét là vô thường, không phải là thường. Quán xét là khổ não, không phải là lạc. Quán xét là vô ngã, không phải là ngã. [Hành giả] nhàm chán, không vui thích. [Hành giả] ly tham ái, không tham ái. [Hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi. [Hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi quán xét là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi quán xét là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. 1. Do tiếp cận sự việc, Và ly khai bằng tưởng, Với lực do hướng tâm, Phân rõ là minh sát. 2. Với sự tiếp nối cảnh, Xác định chung cả hai, Quyết đoán về diệt tận, Minh sát tướng hoại diệt. 3. Do phân biệt rõ cảnh, Quán xét sự tan rã, Và thiết lập không tánh, Thăng tuệ là minh sát. 4. Thiện xảo ba quán xét,5758 Và về bốn minh sát,58 Thiện xảo ba thiết lập,59 Không động vì tà kiến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vi thế, được nói rằng: "Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát." Dứt phần giải thích "Trí quán xét về sự tan râL”

8. TRÍ VỀ ĐIỀU TAI HẠI (Ādīnavañānam) Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại là [có ý nghĩa] thế nào? Tuệ về sự thiết lâp của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là kinh hâd" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: uSự vận hành là kinh hãi59... "Hiện tướng là kinh hãf\.. "[Nghiệp] tích lũy là kinh hi".. "Mầm tái sanh là kinh hài"..."Cảnh giới tái sanh là kinh hi”... "Sự tái tạo là kinh hi”.. "Sịt sanh lên là kinh hâd”.. "Sịt sanh [ra] là kinh hãi55... uSự già là kinh hi”... "Sịt bệnh là kinh hi”.. "Sịt chết là kinh hai".. "Sự sầu muộn là kinh hi”.. "Sịt than vãn là kinh hai"...“Su thất vọng là kinh hài' là trí về điều tai hại. Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là an 6n." Trí về trạng

57 Quán xét về vô thường, khổ não và vô ngã (PsA. L 260). 58 Minh sát về nhàm chán, ly tham ái, làm cho diệt tận và từ bỏ (Sđd.Ỵ 59 Thiện xảo về sự đoạn tận, sự biến hoại và không tánh (Sđd.y

thái bình yên rằng: “Sịt không vận hành là an 6n."... (nt).. Trí về trạng thái bình yên rằng: uSự không thất vọng là an ổn.,, Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sịt tái sanh là kinh hãi, sự không tái sanh là an ổn/5 Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự vận hành là kinh hãi, sự không vận hành là an 6n." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự thất vọng là kinh hãi, sự không thất vọng là an 6n." Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sụ* tái sanh là kh6" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là kh6”... (nt)... uSự thất vọng là khổ55 là trí về điều tai hại. Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là lạc." Trí về trạng thái bình yên rằng: ÍCSự không vận hành là 1@C." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: “Su khòng thất vọng la lạc." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sịt tái sanh là khổ, sự không tái sanh là lạc." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sịt vận hành là khổ, sự không vận hành là [ạc." ... (nt).. Trí về trạng thái bình yên rằng: “Su thất vọng là khổ, sự không thất vọng là íạc." Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là hệ lụy vật chất” là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là hệ lụy vật chất." ... (nt)... “Sịt thất vọng là hệ lụy vật chất” là trí về điều tai hại. Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự không tái sanh là không hệ lụy vật chat/9 Trí về trạng thái bình yên rằng: “Sịt không vận hành là Iđiông hệ lụy vật chất." ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên ràng: "Sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất.^ Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sự tái sanh là hệ lụy vật chất, sự không tái sanh là không hệ lụy vật chất." Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sịt vận hành là hệ lụy vật chất, sự không vận hành là không hệ lụy vật chất.^,... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: “Sụ* thất vọng là hệ lụy vật chất, sự không thất vọng là không hệ lụy vật chất.” Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự tái sanh là pháp hữu vi" là trí về điều tai hại. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sự vận hành là pháp hữu vf\.. (nt)... Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi rằng: "Sịt thất vọng là pháp hữu vi" là trí về điều tai hại. Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sịt không tái sanh là Niết-bàn.^, Trí về trạng thái bình yên rằng: “Sự không vận hành là Niet-ban.^ ... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: uSự không thất vọng là Niết-bàn?9 Trí vê trạng thái bình yên răng: "Sịt tái sanh là pháp hữu vi, sự không tái sanh là Niết-bàn.95 Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sụ* vận

hành là pháp hữu vi, sự không vận hành là Niết-bàn.,,... (nt)... Trí về trạng thái bình yên rằng: "Sụ* thất vọng là pháp hữu vi, sự không thất vọng là Niết-bàn.,,

PHÂN TÍCH ĐẠO* 807

1. Vị nhận thức tái sanh, Vận hành, tướng, tích nghiệp, Mầm tái sanh là "kh6", Trí này là tai hại. 2. Không sanh, không vận hành, Không tướng, không tích nghiệp, Không mầm sanh la Tạc", Trí này là bình yên. 3. Đây trí về tai hại, Sanh lên ở năm chốn,60 Bình yên về năm nơi,6061 Vị nhận ra mười trí.6263 Người thiện xảo hai trí,63 Không động vì tà kiến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì ệọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ ve sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại.” Dứt phần giải thích “Trí về điều tai hại?5

9. TRÍ VÈ CÁC TRẠNG THÁI XẢ ĐỐI VỚI CÁC PHÁP HỮU VI ^Sañkhārupekkhāñānam) Tuệ vê sự mong muôn giải thoát, vê sự phân biệt rõ và vê sự bình thản là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là [có ý nghĩa] thế nào? Tuệ vê sự mong muôn giải thoát, vê sự Ị)hân biệt rõ và vê sự bình thản đôi với sự tái sanh là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với sự vận hành...(nt)... đối với hiện tướng... (nt)... đối với [nghiệp] tích lũy... (nt)... đối với mầm tái sanh... (nt)... đối với cảnh giới tái sanh... (nt)... đối với sự tái tạo... (nt)... đối với sự sanh lên... (nt)... đối với sự sanh [ra]... (nt)... đối với sự già... (nt).. đối với sự bệnh... (nt)... đối với sự chết... (nt).. đối với sự sầu muộn... (nt)... đối với sự than vãn... (nt)... Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sụ*phân biệt rõ và vê sự bình thản đôi với sự thát vọng là trí về các trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối vơi “sự tái sanh là khổ99 là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với "su vận hành là kh6"...(nt)... “SỊT thất vọng là khổn là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với “SỊT tái sanh là kinh hãi95 là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với

60 "Sanh lên ở năm ch&n" được đề cập ở câu kệ thứ nhất, gồm có: Sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, (nghiệp) tích lũy và mầm tái sanh. 61 “Binh yên về năm noi'' được đề cập ở câu kệ thứ hai, gồm có: Sự không tái sanh, sự không vận hành, không hiền tướng, sự không (nghiệp) tích lũy và không mầm tái sanh. 62 "VỊ nhận ra mười trí" là nhận biết năm sự việc làm cho sanh khởi và năm sự việc không làm cho sanh khởi đã được liệt kê. l 63 "Người thiện xảo hai trí" là trí về sự tai hại và trí về trạng thái bình yên (PsA. L 263-64).

808 KINH TIỂU Bộ

“SỊT vận hành là kinh hãf\.. (nt).. "SỊT thất vọng là kinh hai" là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ vê sự mong muôn giải thoát, vê sự phân biệt rõ, và vê sự bình thản đôi với “SỊT tái sanh là hệ lụy vật chất” là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối

với usự vận hành là hệ lụy vật chất”...(nt).. "sịt thất vọng là hệ lụy vật chất” là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với “sự tái sanh là pháp hữu vi” là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ và về sự bình thản đối với “SỊT vận hành là pháp hữu vi”... (nt)... "sự thất vọng là pháp hữu vi” là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Sịt tái sanh là pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy”, như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Các pháp hữu vi và trạng thái xả, cả hai điều này đều là các pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Sịt vận hành là pháp hữu (nt)... "Hiên tướng là pháp hữu vi,. "[Nghiệp] tích lũy... "Mầm tái sanh... "Cảnh giới tái sanh... uSự tái tạo... uSự sanh lên... "Sự sanh [ra]... uSự già... "Sịt bệnh... uSự chết... sầu muộn... "Sự than vãn... "Sự thất vọng là pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy", như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. "Các pháp hữu vi và trạng thái xả, cả hai điều này đều là các pháp hữu vi, [hành giả] dửng dưng đối với các pháp hữu vi ấy”, như thế là trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với tám biểu hiện. Đôi với phàm nhân, sự quả quyêt của tâm ở trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với bao nhiêu biểu hiện? Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với hai biểu hiện. Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện. Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là với ba biểu hiện. Đôi với phàm nhân, sự quả quyêt của tâm ở trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi là với hai biểu hiện gì? Phàm nhân hoặc là thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi hoặc là minh sát [trạng thái ấy]. Đối với phàm nhân, sự quả quyết của tâm... là với hai biêu hiện này.

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 809

Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện gì? Vị Hữu học hoặc là thích thú, hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả. Đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện này. Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện gì? Vị đã lìa tham ái hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả, hoặc là dửng dưng với điều ấy rồi an tru với sự an tru không tánh, với sự an trú vô tướng, hoặc với sự an trú vô nguyện. Đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là với ba biểu hiện này. Đôi với phàm nhân và đôi với vi Hữu học, sự quả quyêt của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi có cùng một bản chất là thế nào? Đối với phàm nhân, trong khi thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, tâm sẽ bị ô nhiễm, là sự ngăn trở cho việc tu tập, là chướng ngại cho sự thấu triệt, là duyên cho mầm tái sanh trong tương lai. Ngay cả đối với vị Hữu học, trong khi thích thú trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, tâm sẽ bi ô nhiễm, là sự ngăn trở cho việc tu tập,... là

duyên cho mầm tái sanh trong tương lai. Đối với phàm nhân và đối với vị Hữu học, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất theo ý nghĩa thích thú là như vậy. Đôi với phàm nhân, đôi với vị Hữu học và đôi với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Vị Hữu học cũng minh sát... là vô thường, là khổ não5 là vô ngã. Vi đã lìa tham ái cũng minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Đối với phàm nhân, đối với vi Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có cùng một bản chất theo ý nghĩa quả quyết là như vậy. Đôi với phàm nhân, đôi với Vị Hữu học và đôi với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là có bản chất khác biệt như the nào? Đoi với phàm nhân, trạng thái xả đoi với các pháp hữu vi là thiện. Đối với vị Hữu học, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện. Đối với vị đã lìa tham ái, trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô ký. Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa thiện và vô ký là như vậy. Đoi với phàm nhân, đoi với vị Hữu học và đoi với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm ở trạng thái xả đoi với các pháp hữu vi có bản chất khác biệt là thê nào? Đối với phàm nhân, trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi có lúc biết được rõ rệt, có lúc không biết được rõ rệt. Luôn cả đối với vi Hữu học, trạng thái xả... Đoi với vị đã lìa tham ái, trạng thái xả đoi với các pháp hữu vi là biết được hoàn toàn rõ rệt. Sự quả quyết của tâm... của phàm nhân, của vị Hữu học và của vị đã lìa tham ái có bản chất khác biệt theo ý nghĩa đã được biết và theo ý nghĩa đã không được biết là như vậy. Đối với phàm nhân, đối với vi Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả

quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi không được toàn vẹn. Vi Hữu học minh sát... cũng không được toàn vẹn. Vị đã lìa tham ái minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi được toàn vẹn. Đối với phàm nhân, đối với vị Hữu học và đối với vi đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt theo ý nghĩa được toàn vẹn và theo ý nghĩa không được toàn vẹn là như vậy. Đôi với phàm nhân, đôi với vi Hữu học và đôi với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Phàm nhân minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu để dứt bỏ ba sự ràng buộc.64 Vị Hữu học minh sát... nham mục đích thành tựu cao hơn do trạng thái đã được dứt bỏ ba sự ràng buộc. Vi đã lìa tham ái minh sát... nhằm mục đích lạc tru trong hiện tại do trạng thái đã được dứt bỏ toàn bộ phiền não. Sự quả quyết của tâm... của phàm nhân, của vị Hữu học và của vi đã lìa tham ái là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa đã được dứt bỏ và theo ý nghĩa chưa được dứt bỏ là như vậy. Đối với vị Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm... có bản chất khác biệt là thế nào? Vị Hữu học hoặc là thích thú, hoặc là minh sát trạng thái xả đối với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả. Vi đã lìa tham ái hoặc là minh sát trạng thái xả đoi với các pháp hữu vi, hoặc là phân biệt rõ rồi thể nhập thiền quả, hoặc là dửng dưng đối với điều ấy rồi an trú với sự an tru không tánh, với sự an tru vô tướng, hoặc với sự an trú vô nguyện. Đối với vi Hữu học và đối với vị đã lìa tham ái, sự quả quyết của tâm

ở trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là có bản chất khác biệt theo ý nghĩa an trú và thể nhập là như vậy. Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tinh? Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát? Có tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh. Có mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát. Tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh là gì? Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ các pháp ngăn che nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ tầm tứ nhằm mục đích thành tựu Nhị thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ hỷ nhằm mục đích thành tựu Tam thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ lạc và khổ nhằm mục đích thành tựu Tứ thiền là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về sắc, sự nghĩ tưởng về bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt

64 Là sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức (PsA. L 272).

Không VÔ biên xứ là trí về các trạng thái xả... Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Thức vô biên xứ là trí vê các trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi. Tuệ do Sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng vê Thức vô biên xứ nhăm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Đây là tám trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của chỉ tịnh. Mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát là gì? Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già, sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập liru là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Tuệ do sự bình thản sau khi phân biệt rõ sự tái sanh,... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhập lưu... nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai... nhăm mục đích chứng đạt quả Nhát lai... nhăm mục đích thành tựu đạo Bất lai... nhằm mục đích chứng đạt quả Bất lai... nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hán... nhằm mục đích chứng đạt quả A-la-hán... nhằm mục đích chứng đạt sự an tru Không tánh... nhằm mục đích chứng đạt sự an tru Vô tướng là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi. Đây là mười trạng thái xả đối với các pháp hữu vi sanh lên do năng lực của minh sát. Có bao nhiêu trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện? Có bao nhiêu là bất thiện? Có bao nhiêu là vô ký? Có mười lăm trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là thiện. Có ba trạng thái xả đối với các pháp hữu vi là vô ký. Không có trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi là bát thiện. 1. Tuệ phân biệt,

bình thản, Tám hành xứ của tâm: Hai thuộc vê phàm nhân, Hữu học ba hành xứ, Vi lìa ái có ba, Tâm ly khai với chúng. 2. Tám do duyên của định, Mười hành xứ của trí, Mười tám xả các hành, Là duyên ba giải thoát.65 3. Mười tám biểu hiện này, Vi có tuệ hiểu rõ, Thiện xảo trong xả hành, Không động vì tà kiến. Điều ấy, theo ỷ nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thê, được nói răng: uTuệ vê sự mong muôn giải thoát, vê sự phân biệt rõ và vê sự bình thản là trí vê các trạng thái xả đôi với các pháp hữu vi." Dứt phần giải thích í6Trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi."

65 Ba giải thoát (tinnam vimokkhanani)'. Vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, không tánh giải thoát (PsA. L 272). J

10. TRÍ CHUYỂN TỘC (Gotrabhūñānam) Tuệ vê sự thoát ra và ly khai ngoại phân là trí chuyên tộc là [có ý nghĩa] thể nào? "Vượt trên sự tái sanh" là chuyển tộc. "Vượt trên sự vận hanh" là chuyển tộc. "Vượt trên hiện tướng".. "Vượt trên [nghiệp] tích lũy,\.. "Vượt trên mầm tái sanh"... "Vượt trên cảnh giới tái sanh"..."Vượt trên sự tái tạo".. "Vượt trên sự sanh 10n".. "Vượt trên sự sanh [ra],\.. "Vượt trên sự già".. "Vượt trên sự benh".. "Vượt trên sự cpết"... "Vượt trên sự sầu muộn,\.. "Vượt trên sự than vẩn,\.. "Vượt trên sự thất vẹ)ng" là chuyển tọc. uVượt trên hiện tướng cua các hành ở ngoại phần" là chuyển tộc. "Dự phần vào66 sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Dịt phần vào sự không vận hành,, là chuyển tộc... (nt)... "Dự phần vào sự diệt tận Niết-bMi" là chuyển tộc. "Sau khi đã vượt trên sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Sau khi đã vượt trên sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành..."Sau khi đã vượt trên hiện tướng rồi dự phàn vào không hiện tướng" l chuyển tOc... (nt)..."Sau khi đã vượt trên hiện tướng của các hành ở ngoại phần rồi dự phần vao sự diệt tận NiếtbZii" là chuyển tộc. 'Thoát ra khỏi sự tái sanh,, là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi sự vận hnh" là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi hiện tướng"... "Thoát ra khỏi [nghiệp] tích lRy".. "Thoát ra khỏi mầm tái sanh"..."Thoát ra khỏi cảnh giới tái sanh"... "Thoát ra khỏi sự tái tạo"..."Thoát ra khỏi sự sanh ien"... "Thoát ra khỏi sự sanh [ra]"... "Thoát ra khỏi sự già"..."Thot ra khỏi sự bênh"..."Thoát ra khỏi sự chết"... "Thoát ra khỏi sự sau muộn,\.. "Thoát ra khỏi sự than vn".. "Thoát ra khỏi sự thất vQĩig" là chuyển tộc. "Thoát ra khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần^, là chuyển tộc. "Dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Dự phàn vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)..."Dụ* phần vào sự diệt tận Ni&t-bàn" là chuyển tộc. "Sau khi thoát ra khỏi sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. "Sau khi thoát ra khỏi sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc. "Sau khi thoát ra khỏi hiện tướng... không hiện tướng... (nt)... [nghiệp] tích lũy... không [nghiệp] tích lũy... (nt)... mầm tái sanh... không mầm tái sanh... (nt)... cảnh giới tái sanh... không cảnh giới tái sanh... (nt)... sự tái tạo... sự không tái tạo... (nt)... sự sanh lên... sự không sanh lên... (nt)... sự sanh [ra]... sự không sanh [ra]... (nt)... sự già... sự không già... (nt)... sự bệnh... sự không bệnh... (nt)... sự chết... sự không chết... (nt)... sự sau muộn... sự không sầu muộn... (nt)... sự than vãn... sự không than vãn... (nt)... sự thất vọng... sự không thất vọng... "Sau khi thoát ra khỏi hiện tướng

của các hành ở ngoại phần rồi dự phần vào sự diệt tận Niết-bn" là chuyển tộc. "Ly khai khỏi sự tái sanh" là chuyển tộc. "Ly khai khỏi sự vận hành" là

66 “Dự phần vào" được dịch từ pakkhandati hàm ý nhảy vào, lao vào, tiến vào. (ND)

chuyên tộc... (nt).. "Ly khai khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phân^, là chuyển tộc. "Dịt phân vào sự không tái sanh" là chuyên tộc. “Dịt phân vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)... "Dự phần vào sự diệt tậnNiết-bàn,, là chuyển tộc. "Sau khi đã ly khai khỏi sự tái sanh rồi dự phần vào sự không tái sanh" là chuyển tộc. uSau khi đã ly khai khỏi sự vận hành rồi dự phần vào sự không vận hành" là chuyển tộc... (nt)... "Sau khi đã ly khai khỏi hiện tướng của các hành ở ngoại phần rồi dự phàn vào sự diệt tận Niếtbàn" là chuyển tộc. Có bao nhiêu sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh? Có bao nhiêu sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát? Có tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh. Có mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát. Tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tịnh là gì? "Vượt trên các pháp ngăn che nhằm mục đích thành tựu Sơ thiền^, là chuyển tộc. "Vượt trên tầm tứ nhằm mục đích thành tựu Nhi thiền"... "Vượt trên hỷ nhằm mục đích thành tựu Tam thiên,\.. "Vượt trên lạc và khô nhăm mục đích thành tựu Tứ thi”..."'Vượt trên sự nghĩ tương về sắc9 sự nghĩ tưởng vế bất bình, sự nghĩ tưởng về khác biệt nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Không vô biên xứ”.. “Vượt trên sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chưng đạt Thức vô biên xứ".. "Vượt trên sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Vô sở hữu xứ“.. “Vượt trên sự nghĩ tưởng ve Vô sở hữu xứ nham mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ,9 là chuyển tộc. Đây là tám sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của chỉ tinh. Mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát là gì? "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mâm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già5 sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng, hiện tướng của các hành ở ngoại phần nhằm mục đích thành tựu đạo Nhập lưu" là chuyên tộc. "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh,...(nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Nhập (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo Nhất lai... (nt)... nhăm mục đích chứng đạt quả Nhất lai... (nt)... nham mục đích thành tựu đạo Bất lai... (nt)... nhằm mục đích chứng đạt quả Bất lai... (nt)... nhằm mục đích thành tựu đạo A-la-hn"... (nt).. nhằm mục đích chứng đạt quả A-la-hán... (nt).. nhằm mục đích chứng đạt sự an trú Không tánh... (nt)... "Vượt trên sự tái sanh, sự vận hành, hiện tướng, [nghiệp] tích lũy, mầm tái sanh, cảnh giới tái sanh, sự tái tạo, sự sanh lên, sự sanh [ra], sự già, sự bệnh, sự chết, sự sầu muộn, sự than vãn, sự thất vọng, hiện tướng của các hành ở ngoại phần nhằm mục đích chứng đạt sự an tru Vô tướng" là chuyển tộc. Đây là mười sự chuyển tộc được sanh lên do năng lực của minh sát. Có bao nhiêu sự chuyển tộc là thiện? Có bao nhiêu là bất thiện? Có bao

nhiêu là vô ký? Có mười lăm sự chuyển tộc là thiện. Có ba sự chuyển tộc là vô ký. Không có sự chuyển tộc là bất thiện. l. Vật chất, không vật chất, Có nguyện và vô nguyện, Ràng buộc, không ràng buộc, Thoát được và không thoát. 2. Tám do duyên của định, Mười hành xứ của trí, Mười tám sự chuyển tộc, Là duyên ba giải thoát. 3. Mười tám biểu hiện này, Vi có tuệ hiểu rõ, Khéo ly khai, thoát khỏi, Không động vì tà kiến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về sự thoát ra và ly khai ngoại phần là tri chuyển toe?9 Dứt phần giải thích “Trí chuyển tộc?5

n. TRÍ VỀ ĐẠO (Maggañānam) Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo là [có ý nghĩa] thế nao? Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiên, theo ý nghĩa nhận thức, thoát ra khỏi tà kiến, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo/9 Chánh tư duy, theo ý nghĩa găn chặt [tâm vào cảnh], thoát ra khỏi tà tư duy, thoát ra khỏi các phiên não xu hướnệ theo điêu ây và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phan; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phân] là trí vê đạo?9 Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, thoát ra khỏi tà ngữ, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về dạo." Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, thoát ra khỏi tà nghiệp, thoát ra khỏi các phiền não xu hướĩiệ theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phan; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phân] là trí vê dạo." Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, thoát ra khỏi tà mạng, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy... Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, thoát ra khỏi tà tinh tấn, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy... Chánh niệm, theo ý nghĩa thiêt lập, thoát ra khỏi tà niệm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: uTuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về d@0."

PHÂN TÍCH ĐẠO* 815

Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi tà định, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vi thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về dạo." Vào sát-na đạo Nhát lai: Chánh kiên, theo ý nghĩa nhận thức,...(nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất tho thiên, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều áy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phan] là trí về /ạo.' Vào sát-na đạo Bất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh đinh, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi

tế, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phan] là trí về đạo? Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, thoát ra khỏi ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uân, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phân; vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phân] là trí về dạo.” 1. Sanh thiêu đốt vô sanh, Vì thế gọi tham thiền, Thiện xảo thiền, giải thoát, Không động vì tà kiến. 2. Như thế định rồi quán, Cũng vậy quán ở đinh, r Khi ây quán và chí, Hành bình đẳng tương hợp. 3. Thấy "Các hành là khổ, Diệt tận là an lạc95, Tuệ thoát khỏi cả hai, Đạt được đạo bất tử. 4. Vị biết hành giải thoát, Rành rẽ dị và đồng,, Thiện xảo về hai trí, Không động vì tà kiến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì ệọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ ve sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về dạo." Dứt phần giải thích “Trí về dạo.”

12. TRÍ VỀ QUẢ (Phalañānam) Tuệ về sự tĩnh lặng của việc thực hành67 là trí về quả là [có ý nghĩa] thế nào?

67 Ajjhattabahiddhā vutthānapayogassa". Của việc thực hành thoát ra khỏi nội ngoại phần (PsA. L 284).

Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, thoát ra khỏi tà kiến, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh kiến được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh tư duy, theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], thoát ra khỏi tà tư duy, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh tư duy được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, thoát ra khỏi tà ngữ, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh ngữ được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, thoát ra khỏi tà nghiệp, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh nghiệp được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, thoát ra khỏi tà mạng, thoát ra khỏi các phiên não xu hướng theo điêu ây và [ra khỏi] các uân, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh mạng được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, thoát ra khỏi tà tinh tấn, thoát ra khỏi các phiên não xu hướng theo điêu ây và [ra khỏi] các uân, thoát ra khỏi tát cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh tinh tấn được sanh lên từ trạng thái tinh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo.

Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, thoát ra khỏi tà niệm, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phan. Chánh niệm được sanh lên từ trạng thái tinh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi tà định, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ây; điêu này là quả của đạo. Vào sát-na đạo Nhất lai: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức,...(nt)... Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bát bình có tính chát thô thiên, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngâm và bất bình ngiỉ ngầm có tính chất thô thiển, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Vào sát-na đạo Bát lai: Chánh kiên, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh

định, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, thoát ra khỏi ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, thoát ra khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phần. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tịnh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiên, theo ý nghĩa nhận thức,... (nt)... Chánh đinh, theo ý nghĩa không tản mạn, thoát ra khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, thoát ra khỏi ngã mạn ngủ ngầm, hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, thoát ra khỏi các phiên não xu hướng theo điêu ây và [ra khỏi] các uẩn, thoát ra khỏi tất cả các hiện tướng ngoại phân. Chánh định được sanh lên từ trạng thái tinh lặng của việc thực hành ấy; điều này là quả của đạo. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự tịnh lặng của việc thực hành là trí vế qua?9 Dứt phần giải thích “Trí về qu”

13. TRÍ VỀ GIẢI THOÁT (Vimuttiñānam) Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Nhờ vào đạo Nhập lưu, sự nhận thức sai trái vê thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và nghi thức, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi năm tùy phiên não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì ệọi] là trí, theo ý nẹhĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ ve việc quán xét phiên não đã được cắt lìa là trí về giải thoát? Nhờ vào đạo Nhất lai, sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngam là các tùy phiền não có tính chất thô thiển thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi bốn tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gói] là trí, theo ý nậhĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ ve việc quán xét

phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát." Nhờ vào đạo Bất lai, sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi bốn tùy phiền não nay và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đả được cắt lia la trí về giải thoát.'

818 KINH TIỂU Bộ

Nhờ vào đạo A-la-hán, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngàm, hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm là các tùy phiền não thuộc tâm của hành giả được đoạn trừ hoàn toàn. Tâm được giải thoát, được hoàn toàn giải thoát khỏi tám tùy phiền não này và các sự xâm nhập [của chúng]. Việc giải thoát ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì ỊỌÌ] là trí, theo ý nghía nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ vê việc quán xét phiên não đã được cắt Ha là trí về giải thoát.” Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt Ha là trí về giải thoat?5 Dứt phần giải thích “Trí về giải thoát/9

14. TRÍ VỀ VIỆC QUÁN XÉT LẠI (Paccavekkhanañānam) Tuệ vê việc nhìn thây các pháp đã được sanh khởi vào khi ây là trí vê việc quán xét lại là [có ý nghĩa] thê nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tư duy, theo ý nghĩa gan chặt [tâm vào cảnh], đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh ngữ, theo ý nghĩa gìn giữ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh nghiệp, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh mạng, theo ý nghĩa trong sạch, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tinh tấn, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh niệm, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh định, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm giác chi, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Trạch pháp giác chi, theo ý nghĩa suy xét, đã được sanh khởi vào khi ấy. cần giác chi, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ây. Hỷ giác chi, theo ý nghĩa lan tỏa, đã được sanh khởi vào khi ây. Tịnh giác chi, theo ý nghĩa an tịnh, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định giác chi, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Xả giác chi, theo ý nghĩa phân biệt rõ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tín lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tấn lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự buông lung, đã được sanh khởi vào khi ấy. Đinh lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ lực, theo ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tín quyền, theo ý nghĩa cương quyết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tấn quyền, theo ý nghĩa ra sức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm quyền, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định quyền, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ quyền, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy.

Các quyền, theo ý nghĩa pháp chủ dạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các lực, theo ý nghĩa không dao động, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các ẹiác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], đã được sanh khởi vào khi ẩy. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực, đã được sanh khởi vào khi ấy. Các nền tảng của thần thông, theo ý nghĩa thành tựu, đã được sanh khởi vào khi ây. Các chân lý, theo ý nghĩa của thực thể, đã được sanh khởi vào khi ây. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt trội, đã được sanh khởi vào khi ấy. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, đã được sanh khởi vào khi ấy. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa được phóng thích, đã được sanh khởi vào khi ấy. Minh, theo ý nghĩa thâu triệt, đã được sanh khởi vào khi ây. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, đã được sanh khởi vào khi ấy. ƯỚC muôn, theo ý nghĩa nguôn cội, đã được sanh khởi vào khi ây. Tác ý5 theo ý nghĩa nguôn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ây. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định, theo ý nghĩa dẫn dầu, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm, theo ý nghĩa pháp chủ đạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa cốt lõi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy. Vào sát-na quả Nhập lưu: Chánh kiên, theo, nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy. Chánh tư duy, theo ý nghĩa găn chặt [tâm vào cảnh], đã được sanh khởi vào khi ấy.... (nt)... Trí về sự vô sanh, theo ý nghĩa tĩnh lặng, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tác ý? theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, đã được sanh khởi vào khi ấy. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Định, theo ý nghĩa dẫn dầu, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niệm, theo ý nghĩa pháp chủ dạo, đã được sanh khởi vào khi ấy. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sự giải thoát, theo ý nghĩa cốt lõi, đã được sanh khởi vào khi ấy. Niết-bàn liên quan đên bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vi ây quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy. Vào sát-na đạo Nhất lai: ... (ĩit).. Vào sát-na quả Nhất lai: ... (nt)... Vào sát-na đạo Bất lai: ... (nt)... Vào sát-na quả Bất lai: ... (nt)... Vào sát-na đạo A-la-hán: Chánh kiến, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy.

... (nt)... Trí vê sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ỵ nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. ... (nt)... Niêt-bàn liên quan đên bát tử, theo ý nghĩa két thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vi ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy. er Vào sát-na quả A-la-hán: Chánh kiên, theo ý nghĩa nhận thức, đã được sanh khởi vào khi ấy.... (nt)... Trí về sự vô sanh, theo ý nghĩa tĩnh lặng, đã được sanh khởi vào khi ấy. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, đã được sanh khởi vào khi ấy. ... (ĩ!t).. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, đã được sanh khởi vào khi ấy. Sau khi đã thoát ra vị ấy quán xét lại. Đây là các pháp đã được sanh khởi vào khi ấy. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc nhìn thấy các pháp đã được sanh khơi vào khi ấy là trí về việc quan xét lại." Dứt phần giải thích wTrí về việc quán xét lại."

15. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC VẬT NƯƠNG (Vatthunānattañānam) Tuệ vê việc xác đinh nội phân là trí vê tính chát khác biệt của các vật nương là [có y nghĩa] thế nào? Xác định các pháp thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định mat thuộc nội phân, xác đinh tai thuộc nội phân, xác định mũi thuộc nội phần, xác định lưỡi thuộc nội phần, xác định thân thuộc nội phần, xác đinh ý thuộc nội phần. Xác định mắt thuộc nội phần là [có nghĩa] thế nào? Xác đinh rằng: "Mắt được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do pghiep", xác định rằng: "Mắt được hiện hữu do vật thục", xác đinh rằng: uMắt nương vào tứ dai", xác định rằng: "Mắt được sanh ISĭT, xác định rằng: "Mắt được hiện khởf \ xác đinh rằng: "Mắt đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tạf\ xác định mắt có sự hạn chế, xác định rằng: "Mắt là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác đinh rằng: "Mắt là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tan." Đối với mắt, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác đinh là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong

khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hanh giả] dứt bỏ sự nắm giư. Xác định mắt thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế. Xác định tai thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác đinh rằng: "Tai được hiện hữu do vô minh." ... (nt)...Xác định tai thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế. Xác định mũi thuộc nội phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Mũi được hiện hữu do vô minh." ...(nt)... Xác định mũi thuộc nội phàn là [có ý nghĩa] như thế. Xác định lưỡi thuộc nội phần là [có ỵ nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do vô minh", xác định răng: "Lưỡi được hiện hữu do

ái", xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do nghiep", xác định rằng: "Lưỡi được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: "Lưỡi nương vào tứ dại", xác định rằng: "Lưỡi được sanh lên"xác định rằng: "Lưỡi được hiện khởi95, xác đinh rằng: "Lu&i đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không t8n tại"xác định lưỡi có sự hạn che, xác định rang: 'Tươi là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến"xác định rằng: "Lưỡi là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biên hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận/9 Đối với lưỡi, [hành giả] xác đinh là vô thường, không phải là thường;... (nt)... [hành giả] từ bỏ5 không năm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng;... (nt)... trong khi từ bỏ? [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định lưỡi thiioc nội phần la [có ý nghĩa] như thế. Xác định thân thuộc nội phần là [có ỵ nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Thân được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do ái", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do ĩighiep", xác định rằng: "Thân được hiện hữu do vật thúc", xác định rằng: "Thân nương vào tứ dại", xác đinh rằng: "Thân được sanh lên",...(nt)... Đối với thân, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc;... (nt)... [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác đinh là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng;... (lít)...trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nam giữ. Xác đinh thân thuộc nội phan là [co ý nghĩa] như thế. Xác định ý thuộc nội phần là [có ý nghia] thế nào? Xác định rằng: "Ý được hiện hữu do vô minh", xác định rang: "Y được hiện hữu do ái", xác định rằng: "V được hiện hữu do nghiep", xác đinh rằng: "Ý được hiện hữu do vật thúc", xác định răng: "Ý được sanh lên5\ xác định răng: "V được hiện khỏi", xác định rằng: "V đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định ý có sự hạn chế, xác định rằng: "V là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: UÝ là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận

sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt lận." Đối với ý? [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không năm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định ý thuộc nội phần là [có ý nghĩa] như thế. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác đinh nội phần là trí về tính chất khác biệt của các vật nương?9 Dứt phần giải thích "Trí về tính chất khác biệt của các vật nirơng."

16. TRÍ VỀ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC HÀNH xứ (Gocaranānattañānam) Tuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định các sắc thuộc ngoại phần, xác đinh các thinh thuộc ngoại phần, xác định các khí thuộc ngoại phần, xác định các vị thuộc ngoại phần, xác định các xúc thuộc ngoại phần, xác định các pháp thuộc ngoại phần. Xác định các sắc thuộc ngoại phần là [có ý nghía] thế nào? Xác định rằng: “Các sắc được hiện hữu do vô minh”, xác định răng: "Các sắc được hiện hữu do ắi9\ xắc định rằng: "Các sắc được hiện hữu do nghiep", xác định rằng: “Các sắc được hiện hữu do vật thụrc", xác định rằng: uCác sắc nương vào tứ dại", xác đinh rằng: uCác sắc được sanh lên", xác định rằng: "Các sắc được hiện khởi5\ xác định rằng: uCác sắc đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác đinh các sắc có sự hạn chế, xác định rằng: “Các sắc là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: "Các sắc là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biên hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tận.,, Đối với các sắc, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác đinh là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác đinh là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; [hành giả] từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong

PHÂN TÍCH ĐẠO« 823

khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định các sắc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thê. w A f y

Xác định các thinh thuộc ngoại phân là [có ý nghĩa] thê nào? Xác định răng: “Các thinh nương vào tứ dại", xác định rằng: "Các thinh được sanh xác định rằng: “Các thinh được hiện khởiy, xác định rằng: "Các thinh đã là không hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác đinh các thinh có sự hạn chê, xác định rằng: 44Các thinh là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biến", xác định rằng: “Các thinh là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận5 là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt tan." Đối với các thinh, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường;... (nt)... Xác đinh các thinh thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế. Xác định các khí thuộc ngoại phân là [có ý nghĩa] thê nào? Xác đinh răng: “Các khí được hiện hữu do vô minh”, xác định rằng: "Các khí được hiện hữu do (nt)... Xác định các khí thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế. Xác định các vị thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: “Các vị được hiện hữu do vô minh",...(nt).. Xác đinh các vi thuộc ngoại phần là [có y nghĩa] như thế. y f \

Xác định các xúc thuộc ngoại phân là [có ý nẹhĩa] thê nào? Xác định răng: "Các xúc được hiện hữu do vô minh”, xác định răng: "Các xúc được hiện hữu do Ai", xác định

rằng: "Các xúc được hiện hữu do nghiệp,\ xác định rằng: "Các xúc được hiện hữu do vật thực", xác định rằng: uCác xúc được sanh 16n", xác định rằng: “Các xúc được hiện kh&i",...(nt).. Xác định các xúc thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như thế. Xác đinh các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do vô minh", xác định rằng: “Các pháp được hiện hữu do ái“, xác định rằng: uCác pháp được hiện hữu do nghiep", xác định rằng: "Các pháp được hiện hữu do vật thực99, xác định răng: "Các pháp nương vào tứ dại", xác đinh rằng: uCác pháp được sanh n", xác đinh rằng: “Các pháp được hiện khgi", xác đinh rằng: "Các pháp đã là khônệ hiện hữu, sau khi hiện hữu sẽ không tồn tại", xác định các pháp có sự hạn che, xác định rằng: "Các pháp là pháp không vững chắc, không thường còn, có sự chuyển biên,\ xác đinh răng: “Các pháp là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp của sự đoạn tận, là pháp của sự biến hoại, là pháp của sự ly tham ái, là pháp của sự diệt t*n.” Đối với các pháp, [hành giả] xác định là vô thường, không phải là thường; [hành giả] xác định là khổ não, không phải là lạc; [hành giả] xác định là vô ngã, không phải là ngã; [hành giả] nhàm chán, không vui thích; [hành giả] ly tham ái, không tham ái; [hành giả] làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi;

[hành giả] từ bỏ5 không nắm giữ. ... (nt)... Trong khi xác định là vô thường, [hành giả] dứt bỏ thường tưởng; trong khi xác định là khổ não, [hành giả] dứt bỏ lạc tưởng; trong khi xác định là vô ngã, [hành giả] dứt bỏ ngã tưởng; trong khi nhàm chán, [hành giả] dứt bỏ sự vui thích; trong khi ly tham ái, [hành giả] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [hành giả] dứt bỏ sự sanh khởi; trong khi từ bỏ, [hành giả] dứt bỏ sự nắm giữ. Xác định các pháp thuộc ngoại phần là [có ý nghĩa] như the. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ. Dứt phần giải thích “Trí về tính chất khác biệt của các hành xú*.”

17. TRÍ VÈ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC HÀNH VI (Cariyānūnattañānam) Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi là [có ý nghĩa] thế nào? Hành vi: Có ba hành vi: Hành vi của thức, hành vi của vô trí, hành vi của trí. Hành vi của thức là gì? Hành động hướng tâm có tính chất vô kỵ nhằm mục đích nhìn thấy các sắc là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nhìn thấy các sắc, tức là nhãn thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã nhìn thấy các sắc, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các sắc, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. r A

Hành động hướng tâm có tính chát vô ký nhăm mục đích nghe các thinh là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nghe các thinh, tức là nhĩ thức, là hành vi của thức. Bản thê của việc đã nghe được các thinh, tức là ý giới tiêp thâu két quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gan chặt vào các thinh, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. Hành động hướng tâm có tính chát vô ký nhăm mục đích ngửi các khí là hành vi của thức. Y nghĩa của việc ngửi các khí, tức là tỷ thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã ngửi được các khí tức là M giới tiếp

thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các khí, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. Hành động hướng tâm có tính chát vô ký nhăm mục đích nêm các vị là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc nếm các vị, tức là thiệt thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã nếm được các vi tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản the của việc đã được gan chặt vào các vị, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. r x Hành động hướng tâm có tính chát vô ký nhăm mục đích đụng chạm các xúc là hành vi của thức. Ý nghĩa của việc đụng chạm các xúc, tức là thân thức,

là hành vi của thức. Bản thể của việc đã đụng chạm các xúc, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gan chặt vào các xúc, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. Hành động huớng tâm có tính chát vô ký nhăm mục đích nhận biêt các pháp là hành vi của thức. Y nghĩa của việc nhận biết các pháp, tức là ý thức, là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được nhận biết các pháp, tức là ý giới tiếp thâu kết quả việc gắn chặt [tâm vào cảnh], là hành vi của thức. Bản thể của việc đã được gắn chặt vào các pháp, tức là ý thức giới quan sát kết quả, là hành vi của thức. Hành vi của thức: Hành vi của thức theo ý nghĩa gì? "Hành xử không có tham ái” là hành vi của thức. "Hành xử không có s2n" là hành vi của thức. "Hành xử không có si” là hành vi của thức. "Hành xử không có ngã mạn,^ là hành vi của thức. "Hành xử không có tà ki8n” là hành vi của thức. "Hành xử không có phóng dāf9... "Hành xử không có hoài nghi" là hành vi của thức. "Hành xử không có [yếu tố] ngủ ngầm,\.. "Hành xử không có liên kết với tham i".. "Hành xử không có liên kết với sân”... "Hành xử không có liên kết với si".. "Hành xử không có liên kết với ngã mạn"..."Hành xử không có liên kết với tà kiến,\.. "Hành xử không có liên kết với phóng dậf\.. "Hành xử không có liên kết với hoài nghi95... "Hành xử không có liên kết với [yếu tố] ngủ ngầm,\.. uHành xử không có liên kết với các nghiệp thiên"... "Hàgh xử không có liên kết với các nghiệp bất thiên"..."Hành xử không có liên kết với các nghiệp có tộf5... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp không có "Hành xử không có liên kết với các nghiệp deĩT..., "Hành xử không có liên kết với các nghiệp trắng"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng lạc95... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng khổ,\.. "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả lac"... "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả khổ59... "Hành xử khi đã biết [cảnh]^, là hành vi của thức. "Hành vi có hình thức như thế của thức" là hành vi của thức. "Tâm này thanh tịnh ở trạng thái tự nhiên theo ý nghĩa xa lìa phiền lũo” là hành vi của thức. Đây là hành vi của thức. Hành vi của vô trí là gì? r Hành động hướng tâm có tính chát vô ký bởi mục đích thôi thúc của tham ái đối với các sắc thích ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tham ái là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của sân đối với các sắc không thích ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của sân là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của si đối với đối tượng không có sự quan tâm bởi một trong hai [tham ái hoặc sân] là hành vi của thức, do sự

thôi thúc của si là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngã mạn cố chấp là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngã mạn là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tà kiến

đã tiêm nhiễm là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tà kiến là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của phóng dật đưa đến sự tản mạn là hành vi của thức, do sự thôi thúc của phóng dật là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của hoài nghi đưa đến không quyết đoán là hành vi của thức, do sự thôi thúc của hoài nghi là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngủ ngầm đưa đến động lực là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngủ ngầm là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục dh thôi thúc của tham ái đối với các thinh họp ý... (nt)... đối với các khí hợp ý... (nt)... đối với các vị hợp ý... (nt)... đối với các xúc hop ý... (nt)... đối với các pháp hợp ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tham ái là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của sân đối với các pháp không hợp ý là hành vi của thức, do sự thôi thúc của sân là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của si đối với đối tượng không có sự quan tâm bởi một trong hai [tham ái hoặc sân] là hành vi của thức, do sự thôi thúc của si là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngã mạn cố chấp là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngã mạn là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của tà kiến đã tiêm nhiễm là hành vi của thức, do sự thôi thúc của tà kiên là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chát vô ký bởi mục đích thôi thúc của phóng dật đưa đến sự tản mạn là hành vi của thức, do sự thôi thúc của phóng dật là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của hoài nghi đưa đên không quyết đoán là hành vi của thức, do sự thôi thúc của hoài nghi là hành vi của vô trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký bởi mục đích thôi thúc của ngủ ngầm đưa đến động lực là hành vi của thức, do sự thôi thúc của ngủ ngam là hành vi của vô trí. Hành vi của vô trí: Với ý nghĩa gì là hành vi của vô trí? “Hành xử do tham ái" là hành vi của vô trí. "Hành xử do s2n" là hành vi của vô trí. "Hành xử do si" là hành vi của vô trí. "Hành xử do ngã mạn” là hành vi của vô trí. “Hành xử do tà kiến,^ là hành vi của vô trí. “Hành xử do phóng dát” là hành vi của vô trí. "Hành xử do hoài nghi" là hành vi của vo trí. "Hành xử do [yếu tố] ngủ ngầm" là hành vi của vô trí. "Hành xử do liên kết với tham ái" là hành vi của vô trí. "Hành xử do liên kết với sān".. "Hanh xử do liên kết với si59... "Hành xử do liên kết với ngã man95... "Hành xử do liên kết với tà kiến”... "Hành xử do liên kết với ph6ng dát”..."Hành xử do liên kết với hoài nghi”... "Hành xử do liên kết với [yếu to] ngủ ngm“.. “Hành xử không có liên kết với các nghiệp thiên”..."Hành xử do liên két với các nghiệp bất thien,\.. "Hành xử do liên kết với các nghiệp có "Hành xử không có liên kết với các nghiệp không có tộr\.. “Hành xử do liên kết với các nghiệp den".. "Hành xử không có liên kết với các nghiệp trắng"..."Hành xử không có liên kết với các nghiệp

tăng

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 827

trưởng lạc”..."Hanh xử do liên kết với các nghiệp tăng trưởng kh6" là hành vi của vô trí. "Hành xử không có liên kết với các nghiệỊ) có kết quả l@c" là hành vi của vô trí. “Hành xử do liên kết với các nghiệp có kết quả kh6” là hành vi của vô trí. "Hành xử khi chưa biết [cảnh],, là hành vi của vô trí. uHành vi có hình thức như thế của vô trí” là hành vi của vô trí. Đây là hành vi của vô trí. Hành vi của trí là gì? Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về vô thường là hành vi của thức, sự quán xét về vô thường là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về khổ não là hành vi của thức, sự quán xét về khổ não là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chất vô ký nhằm mục đích quán xét về vô ngã là hành vi của thức, sự quán xét vê vô ngã là hành vi của trí. Hành động hướng tâm có tính chát vô ký nhằm mục đích quán xét về nhàm chán...nhằm mục đích quán xét về lỵ tham ái..., nhằm mục đích quán xét về diệt tận..., nhằm mục đích quán xét về từ bỏ..., nhằm mục đích quán xét về đoạn tận..., nhằm mục đích quán xét về biên hoại..., nhăm mục đích quán xét vê chuyên biên..., nhăm mục đích quán xét về vô tướng..., nhằm mục đích quán xét về vô nguyện..., nhằm mục đích quán xét vê không tánh..., nhăm mục đích quán xét các pháp băng thăng tuệ..., nhằm mục đích của sự biết và thấy đúng theo thực thể..., nhằm mục đích quán xét vê sự tai hại... nhăm mục đích quán xét vê phân biệt rõ là hành vi của thức, sự quán xét vê phân biệt rõ là hành vi của trí. Sự quán xét vê ly khai là hành vi của trí. Đạo Nhập lưu là hành vi của trí. Sự chứng đạt quả Nhập lưu là hành vi của trí. Đạo Nhất lai... Sự chứng đạt quả Nhất lai... Đạo Bất lai... Sự chứng đạt quả Bất lai... Đạo A-la-hán là hành vi của trí. Sự chứng đạt quả A-la-hán là hành vi của trí. Hành vi của trí: Với ý nghĩa gì là hành vi của trí? "Hành xử không có tham ái" là hành vi của trí. "Hành xử không có s2n" là hành vi của trí. "Hành xử không có si" là hành vi của trí. "Hành xử không có ngã mạn" là hành vi của trí. "Hành xử không có tà kiến" là hành vi của trí. ... (nt).. "Hành xử do liên kết với các nghiệp thiên"..."Hành xử không có liên kết với các nghiệp bất tlỊien"..."Hành xử không có liên kết với các nghiệp có tộf5... "Hành xử do liên kết với các nghiệp không co t0i".. "Hành xử không có liên kết với các nghiệp den".. "Hnh xử do liên kết với các nghiệp trắng"... "Hàrựi xử do liên kết với các nghiệp tăng trưởng lạc".. "HAnh xử không có liên kết với các nghiệp tăng trưởng khổ,5... "Hành xử do liên kết với các nghiệp có kết quả lạc".. "Hành xử không có liên kết với các nghiệp có kết quả khổ,5... "Hành xử khi đã biết”..."Hành vi có hình thức như thế của trí" là hành vi của trí. Đây là hành vi của trí. Như thế, hành vi của thức là loại khác; hành vi của vô trí là loại khác; hành vi của trí là loại khác [nữa]. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí,

828 KINH TIỀU BÔ

theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi.” Dứt phần giải thích “Trí về tính chất khác biệt của các hành vi."

18. TRÍ VÈ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC LÃNH vực (Bhūminānattañānam) Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực là [có ý nghĩa] the nào? Có bon lãnh vực: Lãnh vực dục giới, lãnh vực sắc giới, lãnh vực vô sác giới, lãnh vực không bị lệ thuộc. Lãnh vực dục giới là gì? Lấy ranh giới bên dưới là địa ngục Vô Gián và lấy giới hạn bên trên là chư thiên Tha Hóa Tự Tại, khoảng giữa này là nơi mà các uẩn, các giói, các xứ, các sắc, các thọ, các tưởng, các hành, và thức có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bị giới hạn ở nơi ấy; đây là lãnh vực dục giới. Lãnh vực săc giới là gì? Lây ranh giới bên dưới là thê giới Phạm thiên và lấy giới hạn bên trên là chư thiên sắc Cứu Cánh, khoảng giữa này là nơi mà các pháp về tâm và sở hữu tâm của vị đang thể nhập, hoặc của vị đã được sanh lên, hoặc của vị có sự an trú lạc trong hiện tại có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bi giới hạn ơ nơi ây; đay la lãnh vực sác giới. Lãnh vực vô sắc giới là gì? Lấy ranh giới bên dưới là chư thiên đạt đến Không vô biên xứ và lây giới hạn bên trên là chư thiên đạt đên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, khoảng giữa này là nơi mà các pháp về tâm và sở hữu tâm của vị đang thể nhập, hoặc của vị đã được sanh lên, hoặc của vị có sự an trú lạc trong hiện tại có sự sinh hoạt ở nơi ấy, bị giới hạn ở nơi ấy; đây là lãnh vực vô sắc giới. Lãnh vực không bị lệ thuộc là gì? Các đạo, các quả của đạo, và Niết-bàn là không bị lệ thuộc; đây là lãnh vực không bi lệ thuộc. Đây là bốn lãnh vực. Còn có bốn lãnh vực khác nữa là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn như ý túc, bốn thiền, bốn vô lượng [tâm], bốn sự chứng đạt vô sắc, bốn phân tích, bốn sự thực hành,68 bốn cảnh,69 bốn tniyền thốnệ của bậc Thánh,70 bon sự việc thâu phục,71 bốn bánh xe [đưa đến tiến hóa]/2 bốn nền tảng trong pháp;73 đây là bốn lãnh vực.

68 Bốn sự thực hành (catasso patỉpadă)'. Hành khổ đắc chậm, hành khổ đắc nhanh, hành lạc đắc chậm, hành lạc đắc nhanh (PsA. L 299). 69 Bốn cảnh (cattāri ārammanāni)'. Nhỏ thành cảnh nhỏ, nhỏ thành cảnh vô lượng, vô lượng thành cảnh nhỏ, vô lượng thành cảnh vô lượng L 299). 70 Bốn truyền thống của bậc Thánh (cattāro ariyavarnsã)\ Hài lòng với y phục, hài lòng với đồ ăn khất thực, hài lòng nơi tni ngụ, thỏa thích trong việc tham thiền (PsA. L 299). 7\Bốn sự việc thâu phục (cattāri sañgahavatthūnī): Bố thí, lời nói hòa ái, làm việc lợi ích, bản tính hòa d8ng (Ps4 i. 299). 72 Bốn bánh xe [đưa đến tiến hóa] (cattāri cakkāni)'. Ngụ nơi thích hợp, sống gần bậc chân nhân, bản thân có ước nguyện đúng đắn, phước đã tạo trong quá khứ (PsA. I. 299-300). 73 Bốn nền tảng trong pháp (cattāri dhammapadāni): Không tham lam, không sân độc, chánh niệm, chánh định (PsA. I. 300).

PHÂN TÍCH ĐẠO« 829

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực? Dứt phần giải thích “Trí về tính chất khác biệt của các lãnh vục”

19. TRÍ VÈ TÍNH CHẤT KHÁC BIỆT CỦA CÁC PHÁP (Dhammānānattañānam) Tuệ về việc xác định chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Xác định các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? về các pháp dục giới, [hành giả] xác định thiện, xác đinh bất thiện, xác định vô ký. về các pháp sắc giới, [hành giả] xác đinh thiện, xác định vô ký. về các pháp vô sắc giới, [hành giả] xác đinh thiện, xác định vô ký.

về các pháp không bi lệ thuộc, [hành giả] xác định thiện, xác định vô ký. về các pháp dục giới, xác định thiện, xác đinh bất thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] the nào? Ve mười phương thức của nghiệp thiện, [hành giả] xác định là thiện, về mười phương thức của nghiệp bất thiện, [hành giả] xác đinh là bất thiện, về sắc, nghiệp quả và duy tác, [hành giả] xác định là vô ký. về các pháp dục giới, xác định thiện, xác định bất thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thể. về các pháp sắc giới, xác định thiện, xác định vồ ký là [có ý nghĩa] thế nào? về bốn thiền của vị hiện ở thế gian này, [hành giả] xác định là thiện, về bốn thiền của vi đã tái sanh đến nơi ấy, [hành giả] xác định là vô ký. về các pháp sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế. Vê các pháp vô sác giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thê nào? về bốn sự chứng đạt vô sắc giới của vị hiện ở thế gian này, [hành giả] xác định là thiện, về bốn sự chứng đạt vô sắc giới của vi đã tái sanh đến nơi ấy5 [hành giả] xác định là vô ký. về các pháp vô sắc giới, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế. Vê các pháp không bị lệ thuộc, xác định thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] thế nào? về bốn Thánh đạo, [hành giả] xác định là thiện, về bốn quả tương ứng và Niết-bàn, [hành giả] xác định là vô ký. về các pháp không bị lệ thuộc, xác đinh thiện, xác định vô ký là [có ý nghĩa] như thế. Như vậy là xác định các pháp. Chín cội nguồn của sự hân hoan: Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về vô thường. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tinh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được đinh. Khi tâm được định, [hành giả] nhận biết và thấy đúng theo thực thể. Khi nhận biết và thấy đúng theo thực thể, [hành giả] nhàm chán. Khi nhàm chán, [hành giả] ly tham ái. Do ly tham ái, [hành giả] được giải thoát. Hân hoan

sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về khổ não. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về vô ngã,... (nt)... r \ r Hân hoan sanh khởi đên [hành giả] đang tác ỵ vê sác là vô thường. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý vê sác là khô não. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý về sắc là vô ngã. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý vê thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác y về lão tử là khổ não.... (nt)... Hân hoan sanh khởi đên [hành giả] đang tác ý vê lão tử là vô ngã. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tinh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định. Khi tâm được đinh, [hành giả] nhận biết và thấy đúng theo thực thể. Khi nhận biết và thấy đúng theo thực thể, [hành giả] nhàm chán. Khi nhàm chán, [hành giả] ly tham ái. Do ly tham ái? [hành giả] được giải thoát. Đây là chín cội nguồn của sự hân hoan. Chín cội nguồn của sự tác ý dUng đường lối: Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lôi vê vô thường. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tịnh. Khi thân được tinh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lạc, tâm được định, do tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng. uĐay la kho9\ nhận biết đung theo thực the rằng: "Đây là nhân sanh khổ,\ nhận biết đung theo thực thể rằng: “Bây là sự diệt tận kh6", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Bây là sự thực hành đưa đến sự diệt

tận khổ.^ Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về khổ não. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ, thân trở nên tinh. Khi thân được tịnh, [hành giả] nhận biêt lạc. Khi có lạc, tâm được định, do tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng: yĐây là kh6”,... "E)ây là nhân sanh kh8",.. "EMy là sự diệt tận kh8”nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ? Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về vô ngã.... (nt)... Hân hoan sanh khởi đên [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là vo thường. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là khổ não. ... (nt).. Hân hoan sanh khởi đen [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về sắc là vô ngã. ... (nt)... Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường....(nt).. Hân hoan sanh khởi đến [hành giả] đang tác ý đúng đường lôi vê lão tử là khô não. ... (nt).. Hân hoan sanh khởi đên [hành giả] đang tác ý đúng đường lối về lão tử là vô ngã. Khi [hành giả] được hân hoan, hỷ sanh khởi. Khi tâm có hỷ? thân trở nên tịnh. Khi thân được tinh, [hành giả] nhận biết lạc. Khi có lác, tâm được định. Khi tâm được định, [hành giả] nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là kh6",..."Đây là nhân sanh kh6",.. "Dây là sự diết tận khổ9\ nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Dây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6." Đây là chín cội nguồn của sự tác ý đúng đường lối.

PHÂN TÍCH ĐẠO 831

Chín tính chất khác biệt: Tùy thuận vào tính chất khác biệt của giới (như mắt, tai, v.v...), tính chất khác biệt của xúc được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của xúc, tính chất khác biệt của thọ được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của thọ, tính chất khác biệt của tưởng được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tưởng, tính chát khác biệt của tư được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tư, tính chất khác biệt của ước muốn được sanh lên. Tùy thuận vào tính chát khác biệt của ước muốn, tính chất khác biệt của Uạng thái bực bội được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của trạng thái bực bội, tính chất khác biệt của tầm câu được sanh lên. Tùy thuận vào tính chất khác biệt của tầm cầu, tính chát khác biệt của sự thành tựu được sanh lên. Đây là chín tính chất khác biệt. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về việc xác đinh chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp." Dứt phần giải thích wTrí về tính chất khác biệt của các pháp.w

20-24. NĂM LOẠI TRÍ (Ñānapañcakam) Tuệ về sự biết rõ là trí về ý nghĩa của điều đã được biết, tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyết đoán, tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ, tuệ về sự tu tập là trí ve ý nghĩa của nhất vị, tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến là [có ý nghĩa] thế nào? Những pháp nào đã được biết rõ, những pháp ấy là đã được biết; những pháp nào đã được biết toàn diện, những pháp ây là đã được quyết đoán; những pháp nào đã được dứt bỏ, những pháp áy là đã được buông bỏ; những pháp nào đã được tu tập, những pháp ấy là có nhất vi; những pháp nào đã được tác chứng, những pháp ây là đã được chạm đến. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghía nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được

nói rằng: "Tuệ về sư biết rõ là trí vê ý nghĩa của điều đã được biết, tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyet đoán, tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ, tuệ về sự tu tập là trí về ý nghĩa của nhất vị, tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến.,, Dứt phần giải thích về "Năm loại trí.95

25-28. TRÍ VỀ sự PHÂN TÍCH (Patisambhidāñānam) Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa, tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp, tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sư phân tích các ngôn từ, tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải là [có ý nghĩa] thế nào? Tín quyền là pháp, tấn quyền là pháp, niệm quyền là pháp, định quyền là pháp, tuệ quyền là pháp. Tín quyên là pháp khác, tấn quyền là pháp khác, niệm

quyên là pháp khác [nữa], đinh quyên là pháp khác [nữa], tuệ quyên là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thau triệt. Vì thế, được nói rằng: acTuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các ph” Ý nghĩa của sự cương quyết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự cương quyết là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự thiêt lập là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa?9 Nói lên văn tự và ngôn từ đe chỉ rõ năm pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ đe chỉ rõ năm ý nghĩa. Các ngôn từ của các pháp là khác, các ngôn từ của các ý nghĩa là khác. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ." CÓ các trí vê năm pháp, có các trí vê năm ý nghĩa, có các trí vê mười ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về ngôn tò là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí ve sự phân tích các phép biện giải." Tín lực là pháp, tấn lực là pháp, niệm lực là pháp, đinh lực là pháp, tuệ lực là pháp. Tín lực là pháp khác, tấn lực là pháp khác, niệm lực là pháp khác [nữa], đinh lực là pháp khác [nữa], tuệ lực là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chát khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp.59 Ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự buông lung là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật là ý nghĩa, ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt là ý nghĩa. Y nghĩa không dao động ở sự không có đức tin là ý nghĩa khác, ý nghĩa không dao động ở sự biếng nhác là ý nghĩa khác, ý

nghĩa không dao động ở sự buông lung là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa không dao động ở sự phóng dật là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa không dao động ở sự không sáng suốt là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghil" Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ năm ý nghĩa. Các ngôn từ của các pháp là khác, các ngôn từ của các

ý nghĩa là khác [nữa]. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thâu triệt. Vì thê, được nói răng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ." Có các trí về năm pháp, có các trí về năm ý nghĩa, có các trí về mười ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về nẹôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biêt, cũng do chính trí ây các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện gii." Niệm giác chi là pháp, trạch pháp giác chi là pháp, cần giác chi là pháp, hỷ giác chi là pháp, tịnh giác chi là pháp, định giác chi là pháp, xả giác chi là pháp. Niệm giác chi là pháp khác, trạch pháp giác chi là pháp khác, cân giác chi là pháp khác [nữa], hỷ giác chi là pháp khác [nữa], tịnh giác chi là pháp khác [nữa], định giác chi là pháp khác [nữa], xả giác chi là pháp khác [nữa]. Do trí nào các pháp khác biệt nay được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thau triệt. Vì thế, được nói ràng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp." Ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự suy xét là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự lan tỏa là ý nghĩa, ý nghĩa của sự an tịnh là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa, ý nghĩa của sự phân biệt rõ là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự suy xét là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự lan tỏa là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự an tịnh là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự phân biệt rõ là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biêt, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa/5 Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ bảy pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ bảy ý nghĩa. Các ngôn từ của pháp là khác, các ngôn từ của ý nghĩa là khác [nữa]. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ." Có các trí về bảy pháp, có các trí về bảy ỵ nghĩa, có các trí về mười bốn ngôn từ. Các trí ve các pháp là khác, các trí ve các ý nghĩa là khác, các trí ve ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải? Chánh kiến là pháp, chánh tư duy là pháp, chánh ngữ là pháp, chánh nghiệp là pháp, chánh mạng là pháp, chánh tinh tấn là pháp, chánh niệm là pháp, chánh định là pháp. Chánh kiên là pháp khác, chánh tư

duy là pháp khác, chánh ngữ là pháp khác [nữa], chánh nghiệp là pháp khác [nữa], chánh mạng là pháp khác [nữa], chánh tinh tấn là pháp khác [nữa], chánh niệm là pháp khác [nữa], chánh

định là pháp khác [nữa], Do trí nào các pháp khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các pháp khác biệt này được thâu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ vê tính chát khác biệt của các pháp là trí vê sự phân tích các pháp." r r Y nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự găn chặt [tâm vào cảnh] là ý nghĩa, ý nghĩa của sự gìn giữ là ý nghĩa, ý nghĩa của nguồn sanh khởi là ý nghĩa, ý nghĩa của sự trong sạch là ý nghĩa, ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa, ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa. Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là ý nghĩa khác, ý nghĩa của sự gìn giữ là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của nguồn sanh khởi là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự trong sạch là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự ra sức là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự thiết lập là ý nghĩa khác [nữa], ý nghĩa của sự không tản mạn là ý nghĩa khác [nữa]. Do trí nào các ý nghĩa khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ý nghĩa khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: uTuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa/9 Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ tám pháp. Nói lên văn tự và ngôn từ để chỉ rõ tám ý nghĩa. Các ngôn từ của pháp là khác, các ngôn từ của ý nghĩa là khác. Do trí nào các ngôn từ khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các ngôn từ khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ." Có các trí về tám pháp, có các trí về tám ý nghĩa, có các trí về mười sáu ngôn từ. Các trí về các pháp là khác, các trí về các ý nghĩa là khác, các trí về các ngôn từ là khác [nữa]. Do trí nào các trí khác biệt này được biết, cũng do chính trí ấy các trí khác biệt này được thấu triệt. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải?5 Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa, tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp, tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ, tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải?9 Dứt phần giải thích wTrí về sự phân tích.”

29-31. BA LOẠI TRÍ (Ñānattayam) Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an tru là trí về ý nghĩa của các sự an trú, tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng dạt, tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng đạt là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô tướng là sự an tru.

Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an tru. Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết- bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biển hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an tru và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thây rõ hiện tướng của sác là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đên vô tướng và nhìn thây sự biên hoại môi khi đạt đên; vô tướng là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an trú. Tronệ khi nhận thấy rõ hiện tướng của sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đên vô tướng. Sau khi dửng dimg [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hai, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt.

836 KINH TIÊU Bộ

Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đên vô tướng và nhìn thây sự biên hoại môi khi đạt đên. Sau khi dửng dưng [có trạng thái xả] với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an tru và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi

đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thây rõ cô chập vào sắc là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của thọ... (nt)... hiện tướng của tưởng... (nt)... hiện tướng của các hành... (nt)... hiện tướng của thức... (nt)... hiện tướng của mắt... (nt)... hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô tướng là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; vô nguyện là sự an trú. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào lão tử là kinh h tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến; không tánh là sự an tru. Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô tướng. Sau khi dửng dưng với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước ve lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến vô nguyện. Sau khi... hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn? [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp vào lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh. Sau khi dửng dimg với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ hiện tướng của lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đên vô tướng và nhìn thây sự biên hoại mỗi khi đạt đên. Sau khi dửng dimg với sự vận hành và hướng tâm đến vô tướng là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô tướng là sự an trú và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ nguyện ước vê lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đên vô nguyện và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi... hướng tâm đến vô nguyện là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; vô nguyện là sự an tru và chứng đạt. Trong khi nhận thấy rõ cố chấp về lão tử là kinh hãi, tự thân [hành giả] hướng đến không tánh và nhìn thấy sự biến hoại mỗi khi đạt đến. Sau khi... hướng tâm đến không tánh là sự tịch diệt Niết-bàn, [hành giả] chứng đạt; không tánh là sự an tru và chứng đạt. Vô tướng là sự an trú khác, vô nguyện là sự an trú khác, không tánh là sự

an trú khác [nữa]. Sự chứng đạt vô tướng là khác, sự chứng đạt vô nguyện là khác, sự chứng đạt không tánh là khác [nữa]. Sự an trú và chứng đạt vô tướng là khác, sự an trú và chứng đạt vô nguyện là khác, sự an trú và chứng đạt không tánh là khác [nữa]. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú là trí về ý nghĩa của các sự an trú, tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng đạt, tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng dạt.” Dứt phần giải thích “Ba loại trí.”

32. TRÍ VỀ ĐỊNH KHÔNG GIÁN ĐOẠN (Ānantarikasamādhiñānam) Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn là [có ý nghĩa] thế nào? Do tác động của sự thoát ly5 có trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là đinh. Do tác động của định ấy, trí được sanh lên. Do trí ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt. Như thế, trước tiên là chỉ tịnh, sau đó là trí. Do trí ấy, có sự đoạn tận của các lậu hoặc. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về đinh không gián đoạn?9 Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu. Các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây. Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây. Do đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cung ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây. Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt; các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đây. Do tác động của sự không sân độc,... (nt)... Do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng,... Do tác động của sự không tản mạn,... Do tác động của sự xác định pháp,... Do tác động của trí,... Do tác động của sự hân hoan,... Do tác động của Sơ thiền,... của Nhi thiền,... của Tam thiền,... của Tứ thiền,... của sự chứng đạt Không vô biên xứ,...của sự chứng đạt Thức vô biên xứ,... của sự chứng đạt Vô sở hữu xứ,... của sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... của đề mục

đất,... của đề mục nước,... của đề mục lửa,...của đề mục gi6,.. của đề mục xanh,... của đề mục vàng,... của đề mục đỏ,... của đề mục trang,... của đề mục hư không,... của đề mục thức,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Phật,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Pháp,... của việc tưởng niệm đến [ân đức] Tăng,... của việc tưởng niệm đến [đức tính của] giới,... của việc tưởng niệm đến [đức tính của] sự xả bb,. của việc tưởng niệm đến [đức tính của] chư thiên,... của việc niệm hơi thở ra vào,...Do tác động của việc niệm sự chết,... Do tác động của việc niệm [ba mươi hai thể trược của] thân,... Do tác động của việc niệm sự an tịnh,... Do tác động của tưởng về sự sình trương [của xác chết],...Do tác động của tưởng về sự đổi màu xanh [của xác chết],... Do tác động của tưởng về sự chảy nước vàng [của xác chết],... của tưởng về sự nứt nẻ [của xác chết],... của tưởng về sự bị [thú] gặm nhấm [của xác chết],...của tưởng về sự bị hoại rã [của xác chết],... của tưởng về sự bị cắt đứt lìa [của xác chết],... của tưởng về máu me [của xác chết],...của tưởng về giòi bọ [của xác chết],... của tưởng về bộ xương khô [của xác chết],... Do tác động của hơi thở vào dài,... của hơi thở ra dài,... của hơi thở vào ngăn,... của hơi thở ra ngăn,... Cảm giác toàn thân do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác toàn thân do tác động của hơi thở ra,. Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân do tác động của hơi thở vào,... Làm cho an tịnh sự tạo tác của thân do tác động của hơi thở ra,... Cảm giác hỷ do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác hỷ do tác động của hơi thở ra5... Cảm

giác lạc do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác lạc do tác động của hơi thở ra9... Cảm giác sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở ra?... Làm an tịnh sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở vào,... Làm an tinh sự tạo tác của tâm do tác động của hơi thở ra,...Cảm giác tâm do tác động của hơi thở vào,... Cảm giác tâm do tác động của hơi thở ra,... Làm cho tâm được hân hoan do tác động của hơi thở vào,...Làm cho tâm được hân hoan do tác động của hơi thở ra,. Làm cho tâm được đinh tĩnh... Làm cho tâm được giải thoát... Quán xét vê vô thường... Quán xét vê ly tham ái.... Quán xét vê diệt tận... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào,... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là định. Do tác động của định ấy, trí được sanh lên. Do trí ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt. Như thê, trước tiên là chỉ tịnh, sau đó là trí. Do trí ay5 có sự đoạn tận của các lậu hoặc. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về định không gián đoạn." Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu. Các lậu hoặc này được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đên khô cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đên khô cảnh được cạn kiệt. vô minh lậu ••7 • đưa đến khổ cảnh được • cạn • kiệt; «7 các lậu • hoặc • ấy được cạn kiệt tại đây.

PHÂN TÍCH ĐẠO 839

Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt,... (nt)... Do đạo Bất lai, toàn thể dục lậu được cạn kiệt,... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt; các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tản mạn là trí về đinh không gián đoạn.” Dứt phần giải thích 6Tri về đinh không gián đoạn.”

33. TRÍ VỀ Sự AN TRÚ KHÔNG UẾ NHIỄM (Aranaviharañānam) Là pháp chủ đạo trong việc nhận thức và có sự an trú đắc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an trú không uế nhiễm là [có ý nghĩa] thể nào? Pháp chủ đạo trong việc nhận thức: Quán xét về vô thường là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét về khổ não..., quán xét về vô ngã..., quán xét về vô thường ở sắc..., quán xét về khổ não ở sắc..., quán xét về vô ngã ở sắc..., quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét về vô thường ở lão tử là pháp chủ đạo trong việc nhận thức, quán xét ve kho não ở lão quán xét ve vô ngã ở lão tử là pháp chủ đạo trong việc nhận thức. Sự an trú đắc chứng thanh tinh: An tru không tánh là sự an trú đắc chứng thanh tịnh, an trú vô tướng là sự an trú đắc chứng thanh tinh, an trú vô nguyện là sự an trú đắc chứng thanh tinh. Khuynh hướng cao quý: Khuynh hướng về không tánh là khuynh hướng cao quý, khuynh hướng vê vô tướng là khuynh hướng cao quý, khuynh hướng về vo nguyện là khuynh hướng cao quý. Sự an trú không uế nhiễm: Sơ thiền là sự an tru không uế nhiễm, Nhi thiên là sự an tru không uê nhiễm, Tam thiên là sự an tru không uê nhiêm, Tứ thiền là sự an tru không uế

nhiễm, sự chứng đạt Không vô biên xứ là sự an trú không uế nhiễm,... (nt)... sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là sự an trú không uế nhiễm. Sự an trú không uế nhiễm: Sự an trú không uế nhiễm theo ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền loại bỏ các pháp ngăn che" là sự an tru không uế nhiễm. uNhờ vao Nhi thiền loại bỏ tầm và tứ" là sự an tru không uế nhiễm. "'Nhờ vào Tam thiền loại bỏ hỷ" là sự an trủ không uế nhiễm. "Nhờ vào Tứ thiền loại bỏ lạc và kh6" là sự an trú không uế nhiễm. uNhờ vào sự chứng đạt Kh6ng vô biên xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng ve sự khác biêt" là sự an trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ" là sự an tru không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là sự an

trú không uế nhiễm. "Nhờ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ loại bỏ sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ" là sự an trú không uế nhiễm. Đây là sự an trú không uế nhiễm. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: “Là pháp chủ đạo trong việc nhận thức và có sự an trú đắc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an tru không uế nhiễm.,, Dứt phần giải thích “Trí về sự an trú không uế nhiễm.”

34. TRÍ VỀ Sự CHỨNG ĐẠT THIỀN DIỆT (Nirodhasamāpattiñānam) Tuệ có tính chát hội đủ với hai lực và có ưu thê với sự tịnh lặng của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của đinh là trí ve sự chứng đạt thiền diệt là [có ý nghĩa] thế nào? Với hai lực: Hai lực là lực của chỉ tịnh và lực của minh sát. Lực của chỉ tịnh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. ... (nt)... Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhát không tản mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Lực của chỉ tinh: Lực của chỉ tịnh theo ý nghĩa gì? "Nhờ vào Sơ thiền, [hành giả] không rung động đối với các pháp ngăn che" là lực của chỉ tịnh. uNhờ vào Nhị thiền, [hành ẹiả] không rung động đối với tầm ya tứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tam thiên, [hành giả] không rung động đối với hy” là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào Tứ thiền, [hành giả] không rung động đối với lạc và kh6" là lực của chỉ tịnh. uNhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biêt" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ” là lực của chỉ tinh. "Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ" là lực của chỉ tịnh. "Nhờ vào sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu x" là lực của chỉ tinh. "[Hành giả] không rung động, không chuyển động, không chao động đối với các sự phóng dật, đối với các phiền não và các uẩn đi cùng với phóng dát” là lực của chỉ tinh. Đây là lực của chỉ tịnh. Lực

của minh sát là gì? Quán xét vê vô thường là lực của minh sát, quán xét về khổ não là lực của minh sát, quán xét về vô ngã là lực của minh sát, quán xét về nhàm chán là lực của minh sát, quán xét ve ly tham ái là lực của minh sát,

quán xét vê diệt tận là lực của minh sát, quán xét vê từ bỏ là lực của minh sát. Quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh s...(nt).. quán xét về từ bỏ ở sắc là lực của minh sát, quán xét về từ bỏ ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử là lực của minh sát. Lực của minh sát: Lực của minh sát theo ý nghĩa gì? “Do quán xét về vô thường, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường,, là lực của minh sát. "Do quán xét vê khổ não, [hành giả] khôn^ rung động đối với sự nghĩ tưởng về lạc" là lực của minh sát. “Do quán xét vê vô ngã, [hành giả] khônệ rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã95 là lực của minh sát. "Do quán xét vê nhàm chán, [hành giả] không rung đong đôi với sự nghĩ tưởng vê sự vui thích^, là lực của minh sát. "Do quán xét về ly tham ái, [hành giả] không runệ động đối với sự nghĩ tưởng vê tham ải" là lực của minh sát. "Do quán xét vê diệt tận, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khỏi" là lực của minh sát. "Do quán xét vê từ bỏ, [hành giả] không rung động đôi với sự nghĩ tưởng về nắm giữ" là lực của minh sát. “[Hành giả] không rung động, không chuyển động, không chao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh và đoi với các uẩn" là lực của minh sát. Điều này được gọi là lực của minh sát. Với sự tinh lặng của ba hành: Với sự tinh lặng của ba hành nào? Đối với [hành giả] thể nhập nhị thiền, các hành của khẩu là tầm và tứ được tịnh lặng. Đối với [hành giả] thể nhập tứ thiền, các hành của thân là hơi thở ra và hơi thở vào được tịnh lặng. Đối với [hành giả] thể nhập sự diệt tận của thọ và tưởng, các hành của tâm là tưởng và thọ được tịnh lặng. Là với sự tịnh lặng của ba hành này. Vói mười sáu hành vi của trí: Với mười sáu hành vi gì của trí? Quán xét về vô thường là hành vi của trí, quán xét về khổ não là hành vi của trí, quán xét về vô ngã là hành vi của trí; quán xét về nhàm chán là hành vi của trí, quán xét về ly tham ái là hành vi của trí, quán xét về diệt tận là hành vi của trí, quán xét về từ bỏ là hành vi của trí, quán xét về ly khai là hành vi của trí; đạo Nhập lưu là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Nhập lưu là hành vi của trí; đạo Nhất lai là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Nhất lai là hành vi của trí; đạo Bất lai là hành vi của trí, sự chứng đạt quả Bát lai là hành vi của trí; đạo A-la-hán là hành vi của trí, sự chứng đạt quả A-la-hán là hành vi của trí. Là với mười sáu hành vi này của trí. Với chín hành vi của đinh: Với chín hành vi gì của định? Sơ thiền là hành vi của định, Nhị thiền là hành vi của đinh, Tam thiền là hành vi của định, Tứ thiền là hành vi của định, sự chứng đạt Không vô biên xứ..., sự chứng đạt Thức vô biên xứ..., sự chứng đạt Vô sở hữu xứ..., sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là hành vi của định, tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sơ thiền... (nt)... tầm tứ hỷ lạc và sự chuyên nhất của tâm nhằm mục đích thành tựu sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ [là hành vi của định]. Là với chín hành vi này của định.

Sự thuần thục: Có năm sự thuần thục: Sự thuần thục về hướng tâm, sự thuân thục vê thê nhập, sự thuần thục vê chú nguyện, sự thuần thục vê thoát ra, sự thuần thục về quán xét lại. [Hành giả] hướng tâm đến sơ thiền ở bất cứ đâu theo ước muốn, bất cứ khi nào theo ước muốn, và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc hướng tâm,, là sự thuần thục về hướng tâm. [Hành giả] thể nhập sơ thiền ở bất cứ đau... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc the nháp" là sự thuần thục về thể nhập. [Hành giả] chú nguyện sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc chú nguyên" là sự thuần thục về chú nguyện. [Hành giả] thoát ra khỏi sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bi trì trệ trong việc thoát ra" là sự thuần thục về thoát ra. [Hành giả] quán xét lại sơ thiền ở bất cứ đâu... "không có trạng thái bị trì trệ trong việc quán xét lại^ là sự thuần thục về quán xét lại. [Hành giả] hướng tâm đến nhị thiền... (nt)... đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ ở bát cứ đâu theo ước muốn, bất cứ khi nào theo ước muốn và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc hướng tâm^, là sự thuần thục về hướng tâm. [Hành giả] thể nhập... (nt)... chú nguyện... (nt)... thoát ra... (nt)...án xét lại sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ ở bất cứ đâu theo ước muôn, bất cứ khi nào theo ước muốn, và kéo dài theo ước muốn, "không có trạng thái bị trì trệ trong việc quán xét lại" là sự thuần thục về quán xét lại. Đây là năm sự thuần thục. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ có tính chất hội đủ với hai lực và có im the với sự tinh lặn^ của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của định là trí ve sự chứng đạt thiền diet." Dứt phần giải thích wTrí về sự chứng đạt thiền diệt?5

35. TRÍ VÈ Sự VIÊN TỊCH NIẾT-BÀN (Parinibbānañānam) Tuệ về sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt74 là trí về sự viên tịch Niêt-bàĩi là [có ý nghía] thế nào? ở dây, [hành giả] có sự nhận biết rõ rệt rằng: Do sự thoát ly, sự vận hành của ước muốn trong các dục được chấm dứt. Do không sân độc, sự vận hành của sân độc được chấm dứt. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, sự vận hành của lờ đờ buồn ngủ được chấm dứt. Do không tản mạn, sự vận hành của phóng dật được chấm dứt. Do xác định pháp, sự vận hành của hoài nghi được chấm dứt. ... (nt)...Do trí, sự vận hành của vô minh được chấm dứt. Do hân hoan, sự vận hành của không hứng thú được chấm dứt. Do sơ thiền, sự vận hành của các pháp n^ăn che được chấm dứt...(nt)...Do đạo A-la-hán, sự vận hành của toàn bộ phiên não được chấm dứt.

74 Sampajāno'. Có sự nhận biết rõ rệt, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là tỉnh giác. Động từ có liên quan ỉa sampajānāti (sam+pa+jānāti). Xin xem thêm phần chú thích 3, trang 757. (ND)

Vả lại, đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, chính sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mát không sanh lên; chính sự vận hành này của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý được châm dứt và sự vận hành khác của ý không được sanh lên, tuệ về sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt điều này là trí về sự viên tịch Niết-bàn.

Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: uTuệ vê sự châm dứt vận hành của vi có sự nhẩn biết rõ rệt là trí về sự viên tích Nibàn." Dứt phần giải thích í6Trí về sự viên tịch Niếtbàn.”

36. TRÍ VỀ Ý NGHĨA CỦA CÁC PHÁP ĐỨNG ĐÀU ĐƯỢC TỊNH LẶNG (Samasīsatthañānam) Tuệ có tính chất khônẹ thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đối với tất cả các pháp là trí vê ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng là [có ý nghĩa] thế nào? Đổi vơi tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký9 các pháp dục giới, các pháp sắc giới, các pháp vô sác giới, các pháp không bị lệ thuộc. ở sư đoạn trừ hoàn toàn: Do sự thoát ly, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn ước muôn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng,... sự lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn,... phóng dật. Do xác định pháp,... hoài nghi. Do trí,... vô minh. Do hân hoan,... không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn các pháp ngăn che. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn toàn bộ phiền não. ở sự diệt tận: Do sự thoát ly, [hành giả] diệt tận ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] diệt tận sân độc. Do nghĩ tưởng ánh sáng,... lờ đờ buồn ngủ. Do không tản mạn,...phóng dật. Do xác định pháp,... hoài nghi. Do trí,... vô minh. Do hân hoan,... không hứng thú. Do sơ thiên, [hành giả] diệt tận các pháp ngăn che. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] diệt tận toàn bộ phiên não. Tính chất không thiết lập: ở vị đã thành tựu sự thoát ly, ước muốn trong các due không thiết lập. ở vị đã thành tưa không sân độc, sân độc không thiêt lập. ở vị đã thành tựu sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, sự lờ đờ buồn ngủ... ở vi đã thành tựu sự không tản mạn, sự phóng dật... ở vi đã thành tựu sự xác định pháp, hoài nghi... ở vị đã thành tựu trí, vô minh không thiết lập. ở vị đã thành tựu hân hoan, sự không hứng thú không thiết lập. ở vị đã thành tựu sơ thiền, các pháp ngăn che không thiết lập. ... (nt)... ở vị đã thành tựu đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não không thiết lập. Được tịnh lặng: Do trạng thái dứt bỏ sự ước muốn các dục, sự thoát ly được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không sân độc được tịnh lặng. ...

Sự lờ đờ buôn ngủ, sự nghĩ tưởng đên ánh sáng... phóng dật, sự không tản mạn... hoài nghi, sự xác định pháp... vô minh, trí... sự không hứng thú, hân hoan... Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, sơ thiền được tịnh lặng. ... (nt)... Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán được tịnh lặng. Pháp đứng đầu: Có mười ba pháp đứng đầu: Đứng đầu các sự vướng bận là ái, đứng đầu các sự trói buộc là ngã mạn, đứng đầu các pháp tiêm nhiễm là tà kiến, đứng đầu các sự tản mạn là phóng dật, đứng đầu các phiền não là vô minh, đứng đầu các sự cương quyết là tín, đứng đầu các sự ra sức là tấn, đứng đầu các sự thiết lập là niệm, đứng đầu các sự không tản mạn là định, đứng đầu các sự nhận thức là tuệ, đứng đầu các sự vận hành là mạng quyền, đứng đầu các hành xứ là giải thoát, đứng đầu các hành là sự diệt tận. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ có tính chất không thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đôi với tát cả các pháp là trí vê ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tinh lặng." Dứt phần giải thích “Trí về ý

nghĩa của các pháp đứng đầu được tinh lặng.w

37. TRÍ VỀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC DỨT TRỪ (Sallekhatthañānam) Tuệ về sự chấm dứt các quyền lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ là [có ý nghĩa] thế nào? Riêng biệt: Tham ái là riêng biệt, sân là riêng biệt, si..., giận dữ..., căm hận..., gièm pha..., thù oán..., ganh ghét..., bon xẻn..., xảo trá..., khoác lác..., bướng bỉnh..., kiêu căng..., ngã mạn..tự cao..., tự phụ..., buông lung..., tất cả phiền não..., tất cả ác hạnh..., tất cả các thắng hành75 ...9 tất cả nghiệp đưa đến hữu là riêng biệt. Có bản chất khác nhau hoặc giống nhau: Ước muốn trong các dục là khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. Sân độc là khác nhau, sự không sân độc là gi6ng nhau. Sự lờ đờ buồn ngủ là khác nhau, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là giông nhau. Phóng dật... sự không tản mạn... Hoài nghi... sự xác định pháp... Vô minh... trí... Sự không hứng thú... hân hoan... Các pháp ngăn che... Sơ thiền... Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau. Quyền lực: Có năm quyền lực: Quyền lực của hạnh kiểm, quyền lực của đức độ, quyền lực của tuệ, quyền lực của phước, quyền lực của Chánh pháp. Quyền lực của ác giới được chấm dứt do bị thiêu đốt bởi quyền lực của hạnh kiểm. Quyền lực của không đức độ... bởi quyền lực của đức độ. Quyền lực của ác tuệ... bởi quyền lực của tuệ. Quyền lực của vô phước... bởi quyền lực của phước. Quyền lực của phi pháp được chấm dứt do bị thiêu đốt bởi quyền lực của Chánh pháp.

75 Các thắng hành (abhisañkhārā) có ba: Phúc hành, sự tạo tác đem lại phước báu (puññābhisañkhāro)', phi phúc hanh, sự tạoợtác không đem lại phước báu (apuññābhisañkharo); bất động hành, sự tạo tác có kết quả không thay đổi (āneñjabhisañkhāro) (PsA. I. 326-27).

PHÂN TÍCH DAO 845

Dứt trừ: ước muốn trong các dục là sự không dứt trừ, thoát ly là sự dứt trừ. Sân độc là sự không dứt trừ, không sân độc là sự dứt trừ. Lờ đờ buồn ngủ... nghĩ tưởng đen ánh sáng... Phóng dật... sự không tản mạn... Hoài nghi... sự xác đinh pháp... Vô minh... trí... Sự không hứng thú... hân hoan... Các pháp ngăn che... Sơ thiền... Tất cả phiền não là sự không dứt trừ, đạo A-la-hán là sự dứt trừ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thê, được nói răng: "Tuệ vê sự châm dứt các quyên lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ.,, Dứt phần giải thích “Trí về ý nghĩa của việc dứt trừ/5

38. TRÍ VỀ VIỆC KHỞI sự TINH TẤN {Viriyārambhañānam) Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn là [có ý nghĩa] thế nào? Tuệ vê ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thôi giảm và có tính năng động đưa đến việc không sanh khởi các pháp ác và bất thiện chưa được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn. Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức... đưa đến việc dứt bỏ các pháp ác và bất thiện đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi các pháp thiện chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đến sự không lẫn lộn, đưa đến trạng thái phát triển, đưa đến sự tiến triển, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đên sự toàn vẹn của các pháp thiện đã được sanh khởi là trí vê việc khởi sự tinh tấn. Tuệ vê ý nghĩa của việc

ra sức có trạng thái không thôi giảm và có tính năng động đưa đến việc không sanh khởi ước muốn trong các dục chưa được sanh khởi... đưa đến việc dứt bỏ ước muốn trong các dục đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi sự thoát ly chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đên sự không lân lộn, đưa đên trạng thái phát triên, đưa đên sự tiên triên, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đến sự toàn vẹn của sự thoát ly đã được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn. ... (nt)... Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thôi giảm và có tính năng động đưa đên việc không sanh khởi tát cả phiên não chưa được sanh khởi... đưa đên việc dứt bỏ tát cả phiên não đã được sanh khởi... đưa đến việc sanh khởi đạo A-la-hán chưa được sanh khởi... đưa đến việc duy trì, đưa đến sự không lẫn lộn, đưa đến trạng thái phát triển, đưa đến sự tiến triển, đưa đến sự tăng trưởng, đưa đến sự toàn vẹn của đạo A-la-hán đã được sanh khởi là trí về việc khởi sự tinh tấn. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rang: "Tuệ ve ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thối giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn." Dứt phần giải thích “Trí về việc khỏi sự tinh tấn.”

39. TRÍ VÈ Sự TRỰC NHẬN Ý NGHĨA (Atthasandassanañānam) Tuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí vê sự trực nhận ý nghĩa là [có ý nghĩa] thế nào? Các pháp khác biệt là: Năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bát thiện, các pháp vô ky, các pháp dục giới, các pháp săc giới, các pháp vô sắc giới, các pháp không bi lệ thuộc. Sự làm sáng tỏ: [Hành giả] làm sáng tỏ sắc là vô thường, làm sáng tỏ sắc là khổ não, làm sáng tỏ sắc là vô ngã, làm sáng tỏ thọ... (nt)... tưởng...(Iìt).. các hành... (nt)... thức... (nt)... mắt... (nt)... làm sáng tỏ lão tử là vô thường, làm sáng tỏ lão tử là khổ não, làm sáng tỏ lão tử là vô ngã. Việc trực nhận ý nghĩa: Trong khi dứt bỏ ước muôn trong các dục, hành giả trực nhận ý nghĩa của thoát ly; trong khi dứt bỏ sân độc, trực nhận ý nghĩa của không sân độc; trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, trực nhận ý nghĩa của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng; trong khi dứt bỏ phóng dật, trực nhận ý nghĩa của sự không tản mạn; trong khi dứt bỏ hoài nghi, trực nhận ý nghĩa của sự xác định pháp; trong khi dứt bỏ vô minh, trực nhận ý nghĩa của trí; trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, trực nhận ý nghĩa của hân hoan; trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, trực nhận ý nghĩa của sơ thiền; trong khi dứt bỏ tất cả phiền não, trực nhận ý nghĩa của đạo A-la-hán. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: ícTuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí về sự trực nhận ý nghĩa?9 Dứt phần giải thích “Trí về sự trực nhận ý nghĩa.55

40. TRÍ VÈ Sự THANH TỊNH TRONG VIỆC NHẬN THỨC (Dassanavisuddhiñānam) Tuệ về sự thấu triệt tính tổng hợp chung và về bản chất khác nhau hoặc giống nhau của tất cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức là [cỏ y nghĩa] thế nào? Tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ,... (nt)..., các pháp không bị lệ thuộc. Tính tổng hợp chung: Tất cả các pháp có tính tổng hợp chung là với mười hai biêu hiện: Theo ý nghĩa của thực thê, theo ý nghĩa của vô ngã, theo ý nghĩa của sự thật, theo ý nghĩa của sự thấu triệt, theo ý nghĩa của sự biết rõ? theo ý nghĩa của sự biết toàn diện, theo ý nghĩa

của pháp, theo ý nghĩa của sự việc, theo ý nghĩa đã được biết, theo ý nghĩa của sự tác chứng, theo ý nghĩa của sự chạm đến, theo ý nghĩa của sự lãnh hội. Tất cả các pháp có tính tổng hợp chung là với mười hai biểu hiện này. Có bản chất khác nhau hoặc giống nhau: Ước muốn trong các dục là

PHÂN TÍCH ĐẠO« 847

khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. ... (nt)... Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau. Sự thấu triệt: [Hành giả] thấu triệt chân lý về khổ với sự thấu triệt do biết toàn diện, [hành giả] thấu triệt chân lẹ về nhân sanh]kh6] với sự thấu triệt do dứt bỏ, [hành giả] thấu triệt chân lý ve sự diệt tận [khổ] với sự thấu triệt do tác chứng, [hành giả] thấu triệt chân lý về đạo với sự thấu triệt do tu tập. Sự thanh tinh trong việc nhận thức: Vào sát-na đạo Nhập lưu, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả Nhập lưu, sự nhận thức được thanh tinh. Vào sát-na đạo Nhất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả Nhất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na đạo Bất lai, sự nhận thức được thanh tinh. Vào sát-na quả Bất lai, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na đạo A-la-hán, sự nhận thức được thanh tịnh. Vào sát-na quả A-la-hán, sự nhận thức được thanh tịnh. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nẹhĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thấu triệt tính tong hợp)chung và về bản chất khác nhau hoặc giông nhau của tát cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức." Dứt phần giải thích wTrí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức.55

41. TRÍ VÈ VIỆC CHẤP NHÂN (Khantiñānam) Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận là [có ý nghĩa] thế nào? Sắc là vô thường là điều đã được biết, sắc là khổ não là điều đã được biết, sắc là vo ngã là điều đã được biết, “diều nào là đã được biết [hành giả] chấp nhận điều ",tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận. Thọ... Tưởng..; Các hành... Thức... Mắt... Lão tử là vô thường là điều đã được biết, lão tử là khổ não là điều đã được biết, lão tử là vo ngã là điều đã được biết, "diều nào là đã được biết [hành gi chấp nhận điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc châp nhận. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nha"." Dứt phần giải thích "Trí về việc chấp nhậìì.w

42. TRÍ VÈ Sự THÂM NHẬP (Pariyogāhanañānam) Tuệ với trạng thái đã được chạm đen là trí ve sự thâm nhập là [có ý nghĩa] thế nào? [Hành giả] chạm đến sắc là vô thường, chạm đến sắc là khổ não, chạm đến sắc là vô ngã, "điều nào chạm đến, [hành giả] thâm nhập điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập. ... thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... [Hành giả] chạm đen lão tử là vô thường, chạm đến lão tử là

848 KINH TIỂU Bộ

9 r \ r e khô não, chạm đên lão tử là vô ngã, Uđiêu nào chạm đên, [hành giả] thâm nhập điều ấy", như thế tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế,

được nói rằng: "Tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nháp." Dứt phần giải thích 6Trí về sự thâm nhập.w

43. TRÍ VỀ Sự AN TRÚ VÀO CÁC LÃNH vực (Padesavihārañānam) Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực là [có ý nghĩa] thế nào? Do duyên tà kiên có được cảm thọ, cũng do duyên văng lặng của tà kiên có được cảm thọ. Do duyên chánh kiên có được cảm thọ, cũng do duyên văng lặng của chánh kiến có được cảm thọ. Do duyên tà tư duy có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tà tư duy có được cảm thọ. Do duyên chánh tư duy có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của chánh tư duy có được cảm thọ. ... (nt).. Do duyên tà giải thoát có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tà giải thoát có được cảm thọ. Do duyên chánh giải thoát có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của chánh giải thoát có được cảm thọ. Do duyên ước muốn có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của ước muốn có được cảm thọ. Do duyên tâm có được cảm thọ, cũng do duyên văng lặng của tâm có được cảm thọ. Do duyên tưởng có được cảm thọ, cũng do duyên vắng lặng của tưởng có được cảm thọ. Ước muốn là không vắng lặng, tầm là không vắng lặng, tưởng là không vang lặng, cũng do duyên của việc ấy, có được cảm thọ. Ước muốn được vang lặng, tầm là không vắng lặng, tưởng là không vắng lặng,... Ước muốn được vắng lặng, tầm được vắng lặng, tưởng là không vắng lặng,... Ước muốn được vắng lặng, tầm được vắng lăng, tưởng được vang lặng,... Có sự nỗ lực nhằm đạt được điều chưa đạt được [quả A-la-hán], khi vi trí ấy chưa được đạt đến, cũng do duyên của việc ấy có được cảm thọ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thi gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực.,, Dứt phần giải thích “Trí về sự an trú vào các lãnh vực.w

44-49. NHÓM SÁU CỦA TRÍ VỀ sự LY KRAI (Vivatiañānachakkam) 44. Trí về sự ly khai do tưởng (Saññāvivattañānam) Tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng là [có ý nghĩa] thế nào? "Tuệ với thoát ly là tính chất chủ đạo ly khai khỏi ước muốn trong các dục do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. "Tuệ

với không sân độc là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sân độc do tưởng”, như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. "Tuệ với sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sự lờ đờ buồn ngủ do tưởng”,... "Tuệ với sự không tản mạn là tính chất chủ đạo ly khai khỏi phóng dật do tưởng",..."Tue với sự xác định pháp là tính chất chủ đạo ly khai khỏi hoài nghi do tưởng",..."Tuệ với trí là tính chất chủ đạo ly khai khỏi vô minh do tưởng”,... "Tuệ với sự hân hoan là tính chất chủ đạo ly khai khỏi sự không hứng thú do tưởng",..."Tuệ với sơ thiền là tính chất chủ đạo ly khai khỏi các pháp ngăn che do tưởng”, như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. ... (nt)... 'Tuệ với tính chất đạo A-la-hán ly khai khỏi toàn bộ phiền não do tưởng", như thế tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ với tính chất chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng.,, 45. Trí về sự ly khai do

suy nghĩ (Cetovivattañānam) Tuệ vê bản chát khác nhau là trí vê sự ly khai do suy nghĩ là [có ý nghĩa] thế nào? "Ước muốn trong các dục là khác nhau, sự thoát ly là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của sự thoát ly, tâm ly khai khỏi ước muốn trong các due", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. uSân độc là khác nhau, sự không sân độc là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của không sân độc, tâm ly khai khỏi sân âộc'\ như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. "Sịt lờ đờ buồn ngủ là khác nhau, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, tâm ly khai khỏi sự lờ đờ buôn ngỉT, như thê tuệ vê bản chát khác nhau là trí vê sự ly khai do suy nghĩ. ... (nt)... "Tất cả phiền não là khác nhau, đạo A-la-hán là giống nhau. Trong khi suy nghĩ về bản chất giống nhau của đạo A-la-hán, tâm ly khai khỏi tất cả phiền no", như thế tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ.,, 46. Trí về sự ly khai do tâm (Cittavivattañānam) Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm là [có ý nghĩa] thế nào? "Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, do tác động của sự thoát ly tâm được khẳng dinh”như thế tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm. “Trong khi dứt bỏ sân độc, do tác động của sự không sân độc tâm được khẳng đpih,\... “Trong khi dứt bỏ sự lờ đờ buồn ngủ, do tác độnẹ của sự nghĩ tưởng đến ánh sáng tâm được khẳng định,9, như thế tuệ về sự khang định là trí về sự

ly khai do tâm. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ tất cả phiền não, do tác động của đạo A-la-hán tâm được khẳng djnh", như thế tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm. Điều ấy, theo ý nghia đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhân biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: "Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm." 47. Trí về sự ly khai do trí (Ñanavivattañānam) Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí là [có ý nghĩa] thế nào? tcTrong khi biết và thấy đúng theo thực thể rằng: 'Mắt là rỗng không về bản ng về sở hữu của bản ng về thường còn, về vững chắc, về vĩnh viễn, hoặc ve pháp không chuyển biến', trí ly khai khỏi sự cố chấp về mắt”, như thế tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí. "Trong khi biết và thấy đúng theo thực thể rằng: 'Tai là rỗng không... 'Mũi là rỗng không... 'Lưỡi là rỗng không... 'Thân là rỗn^ không... 'Ý là rỗng không về bản ngã, về sở hữu của bản ngã, về thường còn, vê vững chăc, vê vĩnh viên, hoặc vê pháp không chuyên biên\ trí ly khai khỏi sự cố chấp về V", như thế tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí." 48. Trí về sự ly khai do giải thoát (Vimokkhavivattañānam) Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? uXả ly ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly", như thế tuệ về sự xả ly là trí vê sự ly khai do giải thoát. uXả ly sân độc nhờ vào sự không sân d6c",... uXả ly sự lờ đờ buồn ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng đến ánh sáng",..."Xả ly phóng dật nhờ vào sự không tản mạn",.. "xa ly hoài nghi nhờ vào sự xác định pháp", như thế tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát...

uXả ly tất cả phiên não nhờ vào đạo A-la-hán", như thế tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghía nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: "Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do

49. Trí về sự ly khai do sự thật (Saccavivattañānam) Tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật là [có ý nghĩa] thế nào? "Trong khi biết toàn diện về y nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyên biên của khô, [hành giả] ly khai", như thê tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi dứt bỏ ý nghĩa [nghiệp] tích lũy, ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vướng bận của nhân sanh, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghía của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi tác chứng ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của Niết-bàn, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa

của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. "Trong khi tu tập ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa chủng tử, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo, [hành giả] ly khai", như thế tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật. Sự ly khai do tưởng, sự ly khai do suy nghi, sự ly khai do tâm, sự ly khai do trí, sự ly khai do giải thoát, sự ly khai do sự thật. "Trong khi suy tưởng, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do tưởng. “Trong khi suy nghĩ, [hành giả] ly khai” là sự ly khai do suy nghĩ. "Trong khi nhận biết, [hành giả] ly khai” là sự ly khai do tâm. "Trong khi sử dụng trí, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do trí. "Trong khi xả ly, [hành giả] ly khai" là sự ly khai do giải thoát. "Theo ý nghĩa của thực thể, [hành giả] ly khai,9 là sự ly khai do sự thật. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, nơi ây có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do suy nghĩ, nơi ấy có sự ly khai do tưởng. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ; nơi ấy có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tâm; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghi, có sự ly khai do tâm; nơi ấy có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do trí; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghi, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí; nơi ấy có sự ly khai do giải thoát. Nơi nào có sự ly khai do giải thoát; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí. Nơi nào có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghi, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, có sự ly khai do gii thoát; nơi ấy có sự ly khai do sự thật. Nơi nào có sự ly khai do sự thật; nơi ấy có sự ly khai do tưởng, có sự ly khai do suy nghĩ, có sự ly khai do tâm, có sự ly khai do trí, có sự ly khai do giải thoát. Điều ấy, theo ỷ nghĩa đã được biết [thì gói] l trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: uTuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự that.” Dứt phần giải thích wNhóm sáu của trí về sự ly khai.”

50. TRÍ VÈ CÁC THẺ LOẠI THẦN THÔNG (Iddhividhañānam) Với sự xác đinh cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tưởng và khinh tưởng là trí về các thể loại thần thông ià [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khiru trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông76 hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực,77... hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và

các tạo tác do nỗ lực,78... hội đủ [các yếu tố] định do nhận

76 Nen tảng của thần thông (iddhipādā): Đường lối đưa đến sự thành tựu (về thần thông), từ dịch đang được sử dụng là "thần túc^ như ý túc". (ND) 77 Định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực (chandasamādhi-padhānasañkhāra) : Từ dịch đang được sử dụng là udục định cần hànÈ". (ND) 78 Định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực ịyiriyasamãdhipadhãnasankhãrà). (ND)

thức và các tạo tác do nỗ lực,79 tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực.80 Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy kết hợp thân với tâm, kết hợp tâm với thân, uốn nắn tâm theo tác động của thân, uốn nắn thân theo tác động của tâm, chú nguyện tâm theo tác động của thân, chú nguyện thân theo tác động của tâm. Sau khi đã uốn nắn tâm theo tác động của thân, sau khi đã uốn nắn thân theo tác động của tâm, sau khi đã chú nguyện tâm theo tác động của thân, sau khi đã chú nguyện thân theo tác động của tâm, vị ấy nhập vào lạc tưởng và khinh tưởng ở thân rồi an tru. Với tâm được tu tập, được hoàn toàn trong sạch, được tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí thuộc về thần th6ng Vị ấy kinh nghiệm nhiều thể loại thần thông: Là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách nhà, qua tường thành, qua núi non không bi chướng ngại như là ở khoảng không, trồi lên và chìm xuống vào trong trái đất như ở trong nước, đi ở trên nước mà không làm chao động như ở trên đất, di chuyển với thế kiết-già ở trên hư không như loài chim có cánh, bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời nàỵ, [là những vật] có đại thần lực như thế, có đại oai lực như thế. Bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiền. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Vói sự xác đinh cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tưởng và khinh tưẻmg là trí về thể loại của thần thong/5 Dứt phần giải thích “Trí về các thể loại thần thông?9

51. TRÍ THANH TỊNH CỦA NHĨ GIỚI (Sotadhātuvisuddhiñānam) Tuệ về sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bang cách triển khai tầm là trí thanh tịnh của nhĩ giới là [có ý nghĩa] thế nào? Vị Tỳ-khxru trong giáo pháp này tu tập vê nên tảng của thân thông hội đủ [các yêu tô] định do ước muôn... định do tinh tân... đinh do nhận thức... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triên trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyễn, có thê sử dụng được ở bôn nên tảng của thân thông này, vi ấy chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở xa, chú ý đến hiện tướng

79 Định do nhận thức và các tạo tác do nỗ lực (cittasamādhipadhānasañkhārā) . (ND) 80 Định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực (yīmarnsāsamādhipadhānasañkhāra). (ND)

PHÂN TÍCH ĐẠO 853

âm thanh của các âm thanh ở kề cận, chú ý đến hiện tướng âm thanh cùa các âm thanh thô tháo, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh êm dịu, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh nhỏ nhẹ, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Bắc, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Nam, chú ý đen hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông Nam, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây Bắc, chú ý đến hiện • ___ r •

tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Đông Băc? chú ý đên hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng Tây Nam, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng dưới, chú ý đến hiện tướng âm thanh của các âm thanh ở hướng trên. Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí thanh tịnh của nhĩ giới. Nhờ vào thiên nhĩ giới thanh tịnh vượt trội loài người, vi ấy nghe được cả hai loại âm thanh ở cõi trời và ở loài người, ở xa và ở kề cận. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì ệọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "'Tuệ ve sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng cách triển khai tầm là trí thanh tịnh của nhĩ giới/5 Dứt phần giải thích “Trí thanh tịnh của nhĩ giói.”

52. TRÍ BIÊT ĐƯỢC TÂM (Cetopariyañānam) Với tính chát triên khai của ba loại tâm, tuệ vê sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chát khác nhau hoặc gi6ng nhau băng năng lực tự tin của các quyên là trí biết được tâm là [có ý nghĩa] the nào? Vị Tỳ~khưu trong giáo pháp này tu tập vê nên tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn... đinh do tinh tấn... định do nhận thức... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vi ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến, có thể sử dụng được ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi đã làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyên, có thê sử dụng được ở bôn nên tảng của thân thông này, vi ấy biết rõ như vầy: “Bây là sắc được sanh khởi do hỷ quyền, đây là sắc được sanh khởi do ưu quyền, đây là sắc được sanh khởi do xả quyen.99 Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm vào trí biết được tâm. Sau khi xem xét, vị ấy nhận biết tâm của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác bằng tâm. [Vị ấy] nhận biết tâm có tham ái là: "Tâm có tham Si” hoặc nhận biết tâm lìa khỏi tham ái là: "Tâm lìa khỏi tham hoặc nhận biết tâm có sân,... tâm lìa khỏi sân... tâm có si... tâm lìa khỏi si,... tâm bị thâu hẹp... tâm bị tán loạn... tâm đại hành... tâm

854 KINH TIỂU BÔ

không đại hành81... tâm vô thượng... tâm không vô thượng... tâm định tĩnh... tâm không định tĩnh... tâm giải thoát..., hoặc nhận biết tâm không giải thoát là: "Tâm khòng giải thoát?5 Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí? theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vi thế, được nói rằng: "Với tính chất triển khai của ba loại tâm, tuệ Ã .c r r vê sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chát khác nhau hoặc giông nhau bằng năng lực tự tin của các quyền là trí biết được tâm.” Dứt phần giải thích í6Trí biết được tâm.”

53. TRÍ NHỚ VÈ CÁC KIẾP SỐNG TRƯỚC (Pubbenivāsānussatiñānam) Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiêp sông trước là [có ý nghĩa] thê nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yêu tô] định do ước muôn... (nt)... sau khi làm thành nhu nhuyên có thê sử dụng được, vị ấy nhận biết như vầy: "Khi điều này hiện hữu, điều kia hiện hữu, do sự sanh lên của điều này, điều kia sanh lên, tức là các hành do duyên vô minh, thức do duyên các hành, danh sắc do duyên thức, sáu xứ do duyên danh sắc, xúc do duyên sáu xứ, thọ do duyên xúc, ái do duyên thọ, thủ do duyên ái, hữu do duyên thủ, sanh do duyên hữu, lão tử do duyên sanh, sầu muộn - than vãn - khổ đau - ưu phiền - thất vọng hiện khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này.” Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vi ấy quả quyết, hướng dẫn tâm đến trí nhớ về các kiếp sống trước. Vi ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lân sanh, năm mươi lân sanh, một trăm lân sanh, một ngàn lân sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: uVào kiêp sông ây, ta đã có tên như vây, dòng họ như vây, giai cáp như vây, thức ăn như vầy, kinh nghiệm lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, vị ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiếp sống trước?9 Dứt phần giải thích wTrí nhớ về các kiếp sống tnròc.”

81 Tâm sắc giới và vô sắc giới là tâm đại hành, các tâm còn lại là tâm không đại hành (PsA. L 355).

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 855

54. TRÍ VÈ THIÊN NHÃN (Dibbacakkhūñānam) Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc ệiống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhãn là [có ý nghĩa] the nào? Vị Tỳ-khưu trong giáo pháp này tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] đinh do ước muốn... đinh do tinh tấn... đinh do nhận thức... đinh do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực. Vị ấy làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến có the sử dụng ở bốn nền tảng của thần thông này. Sau khi làm cho tâm phát triển trọn vẹn, thuần hóa toàn diện, thành nhu nhuyến có thể sử dụng ở bốn nền tảng của thần thông này, vị ấy chú ý đến

tưởng về ánh sáng, chú nguyện tưởng về ban ngày: "Ban ngày thế nào, ban đêm thế ấy, ban đêm thế nào, ban ngày thế ấy.55*Với tâm được mở ra và không bị che lấp như thế, vị ấy phát triển tâm có ánh sáng. Với tâm được phát triển, hoàn toàn trong sạch, tinh khiết như thế, vị ấy quả quyết, hướng dẫn tâm đến trí về sự sanh tử của chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tinh vượt trội loài người, vị ấy nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, và nhận biết rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ: "Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có thân ác hạnh, có khẩu ác hạnh, có ý ác hạnh, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết di, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thân thiện hạnh, có khẩu thiện hạnh, có ý thiện hạnh, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, loài ngư&i." Như thế, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị ấy nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, và biết rõ rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc giống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhan." Dứt phần giải thích “Trí về thiên nhãn.59

55. TRÍ VÈ Sự ĐOẠN TÂN CỦA CÁC LẬU HOẶC (Āsavakkhayañānam) Tuệ vê chủ thê đôi với ba quyên theo sáu mươi bôn biêu hiện là trí vê sự đoạn tận của các lậu hoặc là [có ý nghĩa] thế nào? Của ba quyên nào? Của vị tri quyên, của dĩ tri quyên, của cụ tri quyên. Vị tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Dĩ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Cụ tri quyền đi đến bao nhiêu vị thế? Vị tri quyền đi đến một vi thế là đạo Nhập

lưu. Dĩ tri quyền đi đến sáu vị thế là quả Nhập lim, đạo Nhất lai, quả Nhất lai, đạo Bất lai, quả Bất lai, đạo A-la-hán. Cụ tri quyền đi đến một vị thế là quả A-la-hán. Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền có sự ra sức là phụ trợ, niệm quyền có sự thiết lập là phụ trợ, định quyên có sự không tản mạn là phụ trợ, tuệ quyên có sự nhận thức là phụ trợ, ý quyên có sự nhận biêt là phụ trợ, hỷ quyên có sự tràn ngập là phụ trợ, mạng quyên có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na đạo Nhập lưu, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là thiện, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều có tánh dẫn xuất, tất cả đều đưa đến sự không tích lũy, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na đạo Nhập lưu, đối với vị tri quyên, tám quyên này là các phụ trợ đông sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết, là đông hành, là đông sanh, là két hợp, là liên két. Chính tám quyên này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của vị tri quyền. Vào sát-na quả Nhập lưu, đôi với dĩ tri quyên, tín quyên có sự cương quyêt là phụ trợ, tân quyên có sự ra sức là phụ trợ, niệm quyên có sự thiêt lập là

phụ trợ, đinh quyền có sự không tản mạn là phụ trợ, tuệ quyền có sự nhận thức là phụ trợ, ý quyền có sự nhận biết là phụ trợ, hỷ quyền có sự tràn ngập là phụ trợ, mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na quả Nhập lưu, các pháp được sanh ra, ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là vô ký, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na quả Nhập lưu, đối với dĩ tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết, là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biêu hiện vừa là phụ trợ của dĩ tri quyên. Vào sát-na đạo Nhất lai,... (nt).. Vào sát-na quả Nhất (nt).. Vào sát- na đạo Bất lai,...(nt)... Vào sát-na quả Bất lai,...(nt).. Vào sát-na đạo A-la-hán, đôi với dĩ tri quyên, tín quyên có sự cương quyêt là phụ trợ,... (nt)... mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na đạo A-la-hán, các pháp được sanh ra ngoại trừ sắc có nguồn phát sanh là tâm, tất cả [các pháp còn lại] đều là thiện, tất cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều có tánh dẫn xuất, tất cả đều đưa đến sự không tích lũy, tất cả đều là vượt trên thế gian, tất cả đều có cảnh là Niết-bàn. Vào sát-na đạo A-la-hán, đối với dĩ tri quyền, tám quyền82 này là các phụ trợ đồng sanh, là các phụ trợ có sự [tác động] qua lại, là các phụ trợ có sự nương tựa, là các phụ trợ được liên kết,

82 Tám quyền (tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền) và 8 đạo qua (PsẢ. L 385-86).

là đồng hành, là đồng sanh, là kết hợp, là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của dĩ tri quyền. Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tín quyền có sự cương quyết là phụ trợ, tấn quyền... (nt)... mạng quyền có pháp chủ đạo trong việc duy trì sự vận hành là phụ trợ. Vào sát-na ạuả A-la-hán, các pháp được sanh ra, ngoại trừ săc có nguôn phát sanh là tâm, tát cả [các pháp còn lại] đêu là vô ky, tát cả đều không có lậu hoặc, tất cả đều là vượt trên the gian, tất cả đều có cảnh là Niết- bàn. Vào sát-na quả A-la-hán, đối với cụ tri quyền, tám quyền này là các phụ trợ đồng sanh,... (nt)... là liên kết. Chính tám quyền này vừa là biểu hiện vừa là phụ trợ của cụ tri quyền. Như thế, tám lần tám này là sáu mươi bốn. Lậu hoặc: Các lậu hoặc ấy là gì? Là dục lậu, hữu lậu, [tà] kiến lậu, vô minh lậu. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đâu? Do đạo Nhập lưu, toàn thể [tà] kiến lậu được cạn kiệt, dục lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt, hữu lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt. vô minh lậu đưa đến khổ cảnh được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Do đạo Nhất lai, dục lậu thô thiển được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Do đạo Bát lai, toàn thê dục lậu được cạn kiệt, hữu lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt, vô minh lậu có cùng ý nghĩa với điều ấy được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Do đạo A-la-hán, toàn thể hữu lậu được cạn kiệt, toàn thể vô minh lậu được cạn kiệt. Các lậu hoặc ấy được cạn kiệt tại đây. Điều ấy, theo y nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được noi rằng: "Tuệ ve chủ thể đối với ba quyền

theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoac?9 Dứt phần giải thích “Trí về sự đoạn tận của các lậu hoac.w

56-63. HAI NHÓM BỐN CỦA TRÍ VÈ CHÂN LÝ (Saccañānacatukkadvayam) Tuệ vê y nghĩa biêt toan diên la trí ve kho, tuệ ve y nghĩa dứt bỏ la trí vê nhân sanh [kho]; tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khổ], tuệ về ý nghĩa tu tập là tri về đạo là [có ý nghĩa] the nào? Đôi với khô là ý nghĩa áp bức, là ý nghĩa tạo tác, là ý nghĩa nóng nảy, là ý nghĩa chuyển biến, là ý nghĩa biết toàn diện. Đôi với nhân sanh [khô] là ý nghĩa [nghiệp] tích lũy, là ý nghĩa căn nguyên, là ý nghĩa ràng buộc, là ý nghĩa vướng bận, là ý nghĩa dứt bỏ. Đối với sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa xuất ly, là ý nghĩa viễn ly, là ý nghĩa vô vi5 là ý nghĩa bát tử, là ý nghĩa tác chứng.

Đối với đạo là ý nghĩa dẫn xuất, là ý nghĩa chủng tử, là ý nghĩa nhận thức, là ý nghĩa pháp chủ đạo, là ý nghĩa tu tập. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] la tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Tuệ về ý nghĩa biết toàn diện là trí về khổ; tuệ về ý nghĩa dứt bỏ là trí về nhân sanh [khổ]; tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khổ]; tuệ về ý nghĩa tu tập là trí về dạo.” Trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ là [có ý nghĩa] thế nào? Trí của vị có dự phân ở đạo cũng là trí vê khô, đây cũng là trí vê nhân sanh khổ, đây cũng là trí về sự diệt tận khổ, đây cũng là trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận kho. Trong trường hợp ấy, trí về khổ là gì? Điều gì sanh lên có liên quan đến khô: Sự nhận biêt [của trí], sự nhận biêt [của tuệ], sự chọn lọc, sự tuyên lựa, sự chọn lọc pháp, sự suy xét, sự khảo cứu, sự khảo sát, sự thông thái, sự rành rẽ, sự khôn ngoan, sự sáng suốt, sự suy nghĩ, sự nghiên cứu, sự uyên thâm, sự mẫn tiệp, sự lãnh đạo, sự minh sát, sự tỉnh giác, sự sắc sảo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là thành trì, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là ngọn đèn, tuệ là báu vật, sự vô si, sự chọn lọc pháp, chánh kiến, [mỗi một] điều ây được gọi là trí vê khô. Điêu gì sanh lên có liên quan đên nhân sanh khô:... (nt)... Điều gì sanh lên có liên quan đến sự diệt tận khổ:;.. (nt)... Điều gì sanh lên có liên quan đến sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ:... (nt)... sự vô si, sự chọn lọc pháp, chánh kiến, [mỗi một] điều ấy được gọi là trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ. Điều ấy, theo ý nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì thế, được nói rằng: "Trí về khổ, trí về nhân sanh khổ, trí về sự diệt tận khổ, trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận kh6." Dứt phần giải thích wHai nhóm bốn của trí về chân lý."

64-67. TRÍ VÈ CÁC sự PHÂN TÍCH THUẦN TÚY (Suddhikapatisambhidāñānam) Trí vê sự phân tích ý nghĩa, trí vê sự phân tích pháp, trí vê sự phân tích ngôn từ, trí về sự phân tích phép biện giải là [có ý nghĩa] thế nào? Trí vê các ý nghĩa là sự phân tích ý nghĩa, trí vê các pháp là sự phân tích pháp, trí về các ngôn từ là sự phân tích ngôn từ, trí về các phép biện giải là sự phân tích phép biện giải. Tuệ về bản chất khác nhau của các ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về bản chất khác nhau của các pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về bản chất khác nhau của các ngôn từ là trí vê sự phân tích ngôn từ, tuệ vê bản chát khác nhau của các phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện

giải.

PHÂN TÍCH ĐẠO« 859

Tuệ vê sự xác định ý nghĩa là trí vê sự phân tích ý nghĩa, tuệ vê sự xác định pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự xác đinh ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự xác đinh phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ vê sự suy xét ý nghĩa là trí vê sự phân tích ý nghĩa, tuệ vê sự suy xét pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự suy xét ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự suy xét phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ về sự khảo cứu ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự khảo cứu pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự khảo cứu ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự khảo cứu phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ vê sự phân loại ý nghĩa là trí vê sự phân tích ý nghĩa, tuệ vê sự phân loại pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự phân loại ngôn tư là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự phân loại phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ về sự thể hiện ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự thể hiện pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự thể hiện ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự thể hiện phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ về sự làm sáng tỏ ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự làm sáng tỏ pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ vê sự làm sáng tỏ ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự làm sáng tỏ phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải? Tuệ về sự làm rõ rệt ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự làm rõ rệt pháp là trí về sự Rhân tích pháp, tuệ về sự làm rõ rệt ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự làm rõ rệt phép biện giải là trí về sự phân tích phép biện giải. Tuệ về sự công bố ý nghĩa là trí về sự phân tích ý nghĩa, tuệ về sự công bố pháp là trí về sự phân tích pháp, tuệ về sự công bố ngôn từ là trí về sự phân tích ngôn từ, tuệ về sự công bô phép biện giải là trí vê sự phân tích phép biện giải. Điều ấy, theo ỷ nghĩa đã được biết [thì gọi] là trí, theo ý nghĩa nhận biết [thì gọi] là tuệ. Vì the, được nói rằng: "Trí về sự phân tích ý nghĩa, trí về sự phân tích pháp, trí về sự phân tích ngôn từ, trí về sự phân tích phép biện gi2i." Dứt phần giải thích wTrí về các sự phân tích thuần túy?9

68. TRÍ BIẾT ĐƯỢC KHẢ NĂNG CỦA NGƯỜI KHÁC (Indriyaparopariyattañānam) Trí biết được khả năng của người khác của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào? ở dây, đức Như Lai nhìn thấy các chúng sanh: Có tầm nhìn bị vấy bụi ít, có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều; có giác quan sắc sảo, có giác quan cùn lụt; có tánh khí tốt, có tánh khí tồi; dễ hướng dẫn, khó hướng dẫn; một số chung sanh thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

860 KINH TIỂU BÔ

CÓ tầm nhìn bi vấy bụi ít, có tầm nhìn bi vấy bụi nhiều: Người có đức tin là có tam nhìn bi vấy bụi ít, người không có đức tin là có tam nhìn bi vay bụi nhiều. Người có sự cố gắng tinh tấn là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người biếng nhác là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người có niệm được thiết lập là có tầm nhìn bị vấy bụi ít, người có niệm bị quên

lãng là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Người được định tĩnh là có tam nhìn bị vấy bụi ít, người không được đinh tĩnh là có tam nhìn bị vay bụi nhiều. Người có tuệ là có tam nhìn bi vay bụi ít, người có tuệ kém là có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều. Có giác quan sắc sảo, có giác quan cùn lụt: Người có đức tin là có giác quan sắc sảo, người không có đức tin là có giác quan cùn lụt. Người có sự cố gắng tinh tấn là có giác quan sắc sảo, người biếng nhác là có giác quan cùn lụt. Người có niệm được thiết lập là có giác quan sắc sảo, người có niệm bị quên lãng là có giác quan cùn lụt. Người được định tĩnh là có giác quan sắc sảo, người không được định tĩnh là có giác quan cùn lụt. Người có tuệ là có giác quan sắc sảo, người có tuệ kém là có giác quan cùn lụt. Có tánh khí tốt, có tánh khí tồi: Người có đức tin là có tánh khí tốt, người . y 9 k ỉ r không có đức tin là có tánh khí tôi. Người có sự cô găng tinh tân là có tánh khí tốt, n^ười biếng nhác là có tánh khí tồi. Người có niệm được thiết lập là có tánh khí tôt9 người có niệm bi quên lãng là có tánh khí tôi. Người được đinh tĩnh là có tánh khí tốt, người không được đinh tĩnh là có tánh khí tồi. Người có tuệ là có tánh khí tốt, người có tuệ kém là cố tánh khí tồi. Dễ hướng dẫn, khó hướng dẫn: Người có đức tin là dễ hướng dẫn, người không có đức tin là khó hướng dẫn. Người có sự cố gắng tinh tấn là dễ hướng dẫn, người biếng nhác là khó hướng dẫn. Người có niệm được thiết lập là dễ hướng dẫn, người có niệm bị quên lãng là khó hướng dẫn. Người được định tĩnh là dễ hướng dẫn, người không được định tĩnh là khó hướng dẫn. Người có tuệ là dễ hướng dẫn, người có tuệ kém là khó hướng dẫn. Một số chúng sanh thấy được sự sợ hãi ờ tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, một số chúng sanh không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác: Người có đức tin là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người không có đức tin là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có sự cố gắng tinh tấn là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người biếng nhác là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có niệm được thiết lập là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người có niệm bị quên lãng là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người được định tĩnh là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người không được định tĩnh là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác. Người có tuệ là thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác, người có tuệ kém là không thấy được sự sợ hãi ở tội lỗi và sự [tái sanh] vào thế giới khác.

PHÂN TÍCH ĐẠO 861

Thế giới: Thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới có sự bất hạnh, thế giới đem lại sự bất hạnh, thế giới có sự thuận lợi, thế giới đem lại sự thuận lợi. Một thế giới là tất cả chúng sanh được tồn tại nhờ vật thực. Hai thế giới là danh và sắc. Ba thế giới là ba thọ. Bốn thế giới là bốn loại vật thực. Năm thế giới là năm thủ uẩn. Sáu thế giới là sáu nội xứ. Bảy thế giới là bảy trụ xứ của thức. Tám thế giới là tám pháp thế gian. Chín thế giới là chín nơi cư trú của chúng sanh. Mười thế giới là mười xứ.83 Mười hai thế giới là mười hai xứ.84 Mười tám thế giới là mười tám giới. Tội lỗi: Tất cả ô nhiễm là tội lỗi, tất cả ác hạnh là tội lỗi, tất cả các thắng hành ía tội lỗi, tất cả nghiệp đưa đến hữu là tội lỗi. Tưởng đến sự kinh hãi sắc bén về thế giới này và về

tội lỗi này đã được đề cập như thế, cũng giống như [tưởng đến sự kinh hãi] về cuộc chém giết có thanh gươm đã được vung lên. Đức Như Lai biết được, thấy được, hiểu được, thấu triệt năm quyền này thông qua năm mươi biểu hiện85 này. Đây là trí biết được khả năng của người khác của đức Như Lai. Dứt phần giải thích ÍẾTrí biết được khả năng của người khác?9

69. TRÍ VỀ THIÊN KIẾN VÀ xu HƯỚNG NGỦ NGÀM (Āsayānusayañānam) Trí của đức Như Lai về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh là [có ý nghĩa] thế nào? ở dây, đức Như Lai biết thiên kiến của chúng sanh, biết xu hướng ngủ ngầm, biết sở hành, biết tánh khí, biết chúng sanh có khả năng hay không có khả năng. Thiên kiến gì của chúng sanh? "Thế giới là thường còn,,; “Thế giới là không thường còn^; "Thế giới là có giói han59; "Thế giới là không có giới hạn”; "Mạng sống là vật ấy thân thể là vật ly"; "Mạng sống là vật khác thân thể là vật khác”; “C6 phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?” “C6 phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi cpết?"; "C6 phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?"; hay "C6 phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết?" Chúng sanh nương tựa vào hữu kiến hoặc nương tựa vào phi hữu kiến là như thế. Trái lại, có những chúng sanh không tiếp cận hai thái cực này roi thành tựu sự chấp nhận hợp theo các pháp được tùy thuận sanh lên do tính chất của duyên ấy, hoạc [đạt được] trí đúng theo thực thể.

83 Mười xứ (dasāyatanāni)'. Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ (Ps4 I. l i4). 84 Mười hai xứ (dvãdasãyatanânĩ) là 10 xứ thêm vào ý xứ và pháp xứ. (ND) 85 Năm mươi biểu hiện là 5 quyền (tín, tấn, niệm, đinh, tuệ) đối với 10 hạng người ở trên là: Có tầm nhìn bị vấy bụi ít, v.v.. (PsA. II. 394).

Ngài biết về người đang theo đuổi [ngũ] dục rằng: "Người này nặng về dục, có thiên kiến về dục, có tánh khí về dục^; biết về người đang theo đuổi [ngũ] dục răng: "Người này năng vê thoát ly, có thiên kiên vê thoát ly, có tánh khí vê thoát ly"; biết về nệười đang theo đuôi thoát ly răng: "Người này nặng về thoát ly, có thiên kiến ve thoát ly, có tánh khí về thoát ly”; biết về người đang theo đuổi thoát ly rằng: "Người này nặng về dục, có thiên kiến về dục9 có tánh khí về dqc.” Ngài biết về người đang theo đuổi sân độc rằng: "Nguôi này nặng về sân độc, có thiên kiến về sân độc, có tánh khí về sân độc,9; biêt về người đang theo đuổi sân độc rằng: "Người này nặng về không sân độc, có thiên kiến về không sân độc, có tánh khí về không sân d0c"; biết về người đang theo đuổi không sân độc rằng: "Người này nặng về không sân độc, có thiên kiến về không sân độc, có tánh khí về không sân độc,9; biết về người đang theo đuổi không sân độc rằng: "Người này nặng về sân độc, có thiên kiến về sân độc, có tánh khí về sán độc. Ngài biết về người đang theo đuổi sự lờ đờ và buồn ngủ rằng: "Người này nặng ve lờ đờ và buồn ngủ, có thiên kiến ve lờ đờ và buồn ngủ, có tánh khí ve lờ đờ và buồn ngủ"; biết về người đang theo đuổi sự lờ đờ và buồn ngủ rằng: "Người này nặng về quang tưởng, có thiên kiến về quang tưởng, có tánh khí về quang tưởng"; biết về người đang theo đuổi quang tưởng rằng: "Người này nặng về quanẹ tưởng, có thiên kiến về quang

tưởng, có tánh khí về quang tưởng"; biết vê người đang theo đuôi quang tưởng răng: "Người này nặng vê lờ đờ và buồn ngủ, có thiên kiến về lờ đờ và buồn ngủ, có tánh khí ve lờ đờ và buồn ngủ." Đây là thiên kiến của chúng sanh. Xu hướng ngủ ngầm gì của chúng sanh? Có bảy xu hướng ngủ ngầm: Ái dục ngủ ngầm, bất bình ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngâm, vô minh ngủ ngâm. ở đời, có sắc gì dáng yêu, đáng mến, ái dục ngủ ngầm của chúnệ sanh tiềm ẩn ở sắc ấy. ở đời, có sắc gì không đáng yêu, không đáng mến5 bát bình ngủ ngầm của chúng sanh tiềm ẩn ở sắc ấy. Như thế, vô minh khởi lên ở hai pháp này; ngã mạn, tà kiến, và hoài nghi có cùng ý nghĩa với điều ấy cần được nhìn thây. Đây là xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh. Sở hành gì của chúng sanh? Sự tạo tác đem lại phước báu, sự tạo tác không đem lại phước báu, sự tạo tác có kết quả không thay đoi có nen tảng nhỏ bé hoặc có nền tảng to lớn. Đây là sở hành của chúng sanh. Tánh khí gì của chúng sanh? Có các chúng sanh có tánh khí thấp kém, có các chúng sanh có tánh khí cao quý. Các chúng sanh có tánh khí thấp kém giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí thấp kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Vào thời quá khứ xa xăm, các chúng sanh có tánh khí thấp kém cũng đã giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí thấp

kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý cũng đã giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Vào thời tương lai xa xăm, các chúng sanh có tánh khí thấp kém cũng sẽ giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí tháp kém; các chúng sanh có tánh khí cao quý cũng sẽ giao thiệp, gần gũi, thân cận với các chúng sanh có tánh khí cao quý. Đây là tánh khí của chúng sanh. Chúng sanh nào không có khả năng? Những chúng sanh nào có sự chướng ngại do nghiệp, có sự chướng ngại do phiền não, có sự chướng ngại do quả thành tựu [của nghiệp], không có đức tin, không có ước muốn, tuệ kém, không chắc chắn có khả năng nhập vào bản thể chơn chánh trong các thiện pháp, những chúng sanh này đây là không có khả năng. Chúng sanh nào có khả năng? Những chúng sanh nào không có sự chướng ngại do nghiệp, không có sự chướng ngại do phiền não, không có sự chướng ngại do quả thành tựu, có đức tin, có ước muốn, có tuệ, chắc chắn có khả năng nhập vào bản thể chơn chánh trong các thiện pháp; những chúng sanh này đây là co khả năng. Đây là trí của đức Như Lai về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh. Dứt phần giải thích về "Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm.”

70. TRÍ VỀ SONG THÔNG (Yamakapātihīrañānam) Trí về song thông của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào? ở đây, đức Như Lai thực hiện song thông không phổ cập đến các Thinh văn: Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía trên, phát ra nguồn nước từ phần thân phía dưới. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía dưới, phát ra nguồn nước từ phần thân phía trên. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía trước, phát ra nguồn nước từ phần thân phía sau. Ngài phát ra khối lửa từ phần thân phía sau, phát ra nguồn nước từ phân thân phía trước. Ngài phát ra khối lửa từ con mắt bên phải, phát ra nguồn nước tư con mắt bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ con mắt bên trái, phát ra

nguồn nước từ con mắt bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ tai bên phải, phát ra nguồn nước từ lỗ tai bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ tai bên trái, phát ra nguỗn nước từ lỗ tai bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ mũi bên phải, phát ra nguồn nước từ lỗ mũi bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ lỗ mũi bên trái, phát ra nguồn nước từ lỗ mũi bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ chóp vai bên phải, phát ra nguồn nước từ chóp vai bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ chóp vai bên trái, phát ra nguồn nước từ chóp vai bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ cánh tay phải, phát ra nguồn nước từ cánh tay trái. Ngài phát ra khối lửa từ cánh tay trái, phát ra nguồn nước từ cánh tay phải. Ngài phát ra khối lửa từ hông bên phải, phát ra nguồn nước từ hông bên trái. Ngài phát ra khối lửa từ hông bên trái, phát ra nguồn nước từ hông bên phải. Ngài phát ra khối lửa từ bàn chân phải, phát ra nguồn nước từ bàn chân trái. Ngài phát ra khối lửa từ

bàn chân trái, phát ra nguôn nước từ bàn chân phải. Ngài phát ra khôi lửa từ các ngón tay và ngón chân, phát ra nguồn nước từ các kẽ của các ngón tay và ngón chân. Ngài phát ra khối lửa từ các kẽ của các ngón tay và ngón chân, phát ra nguồn nước từ các ngón tay và ngón chân. Ngài phát ra khối lửa từ mỗi một sợi lông, phát ra nguồn nước từ mỗi một sợi lông. Ngài phát ra khối lửa từ từng lo chan long, phát ra nguôn nước tư tưng lo chan long gom co sau mau sac la xanh, vàng, đỏ, trắng, đỏ tía, màu ánh sáng. Đức Thế Tôn đi kinh hanh, còn hình biến hóa [của Ngài] đứng, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Tôn đứng, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Tôn ngồi, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ở tư thế nằm; đức Thế Ton ở tư thế nằm, còn hình biến hóa đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi; hình biến hóa đi kinh hành, còn đức Thế Tôn đứng, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; hình biến hóa đứng, còn đức Thế Ton đi kinh hành, hoặc ngồi, hoặc ở tư thế nằm; hình biến hóa ngồi, còn đức Thế Tôn đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ở tư the nằm; hình biến hóa ở tư thế nằm, còn đức Thế Tôn đứng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành. Đây là trí về song thông của đức Như Lai. Dứt phần giải thích “Trí về song thong.95

71. TRÍ THẺ NHẬP ĐẠI BI (Mahākarunāsamāpattiñānam) Trí về sự thể nhập đại bi của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào? Lòng đại bi đoi với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật The Tôn trong lúc xem xét theo nhiều phương thức. Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rang: "Đời sống ở thế gian bi đốt chay.” Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị bận xộn^ Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rặig: uĐời sống ở thế gian diễn tiến.” ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế ậan thực hành theo đạo lộ xấu xa.” ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian đưa đến [già chết] và không bền vững".. trong lúc xem xét răng: "Thê gian là không có sự bảo vệ, không có chủ thê.” ... trong lúc xem xét răng: "Thê gian là không có sở hữu chủ, mọi thứ sẽ dứt bỏ và ra di".. trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là thiếu thốn, không được thỏa mãn, là nô lệ của tham ái".. trong lúc xem xét rằng: 'aĐời sống ở thế gian là không nơi bảo v" ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sông ở thế gian là không nơi cư trú." ... trong lúc xem xét rang: "Đời s6ng ở the gian là không nơi nương tựa?9...

trong lúc xem xét rằng: "Bòi sống ở the gian là tình trạng không có sự nương tựa."... ... trong lúc xem xét rằng: "Thế gian là hỗn độn, không bình lāng.^ ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sông ở thế gian có mũi tên, bị xuyên thủng bởi những mũi tên to lớn,86 ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người nhổ lên

86 Bảy mũi tên: Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sầu muộn, nghi hoặc (PsA. II. 409).

những mũi tOn." ... trong lúc xem xét răng: "Đời sông ở thê gian có sự che phủ bởi bóng tôi của vô minh, là ở trong quả trứng, là bị ném vào ngục tù của phiền não, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thê gian là người chỉ cho thây ánh sáng." ... trong lúc xem xét rằng: “Dòi sông ở thế gian là đi đến vô minh, là ở trong quả trứng, bị che đậy, như là ổ kén, như là tô chim, được làm bằng các thứ cỏ dại, không vượt khỏi luân hồi là tình trạng gánh chịu đọa xứ, khổ cảnh.^,... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị vấy bẩn bởi sự độc hại và xấu xa của vô minh, là vũng bùn của phiền não.,,... ... trong lúc xem xét răng: t4Đời sông ở thê gian bị quân vào cuộn roi của tham ái, sân hận, si mê, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người tháo gỡ cuộn r6i." ... trong lúc xem xét răng: "Đời sông ở thê gian bị trói chặt vào sự két nôi của ải y ... trong lúc xem xét răng: "Đời sông ở thê gian bi bao bọc bởi mạng lưới của ái.” ... trong lúc xem xét rang: "Đời song ở the gian bị cuốn trôi bởi dòng nước của ái.” ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi sự ràng buộc của ái?5... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị tiềm ẩn bởi xu hướng ngủ ngầm của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nung nóng bởi ngọn lửa của ái." ... trong lúc xem xét rằng: “Bòi sống ở thế gian bị thiêu đốt bởi nguồn nhiệt của ái?9... ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trói chặt vào sự kết nối của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bi bao bọc bởi mạng lưới tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị cuốn trôi bởi dòng nước tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi sự ràng buộc của tà kiến." ... trong lúc xem xét rằng: "Dòi sống ở thế gian bị tiềm ẩn bởi xu hướng ngủ ngầm của tà kiến.^,... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bi nung nóng bởi n^ọn lửa của tà kiến.,,... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bị thiêu đót bởi nguồn nhiệt của tà kiến.".. ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sốnệ ở thế gian bi tiếp nối bởi sự sanh.” ... trong lúc xem xét răng: "Đời sông ở thê gian bị đeo đuôi bởi sự già." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bị cai trị bởi bệnh tát." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bi thống trị bởi sự chết.” ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bị thiết lập ơ trong đau kh&" ... ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị chộp lấy bởi Ai.” ... trong lúc xem xét rằng: "Bòi sống ở thế gian bi vây quanh bởi hàng rào của sự gia.” ... trong lúc xem xét rang: "Đời song ở the gian bi vây quanh bởi bẫy sập của tử thần.".. trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị trói buộc bởi những sự trói buộc lớn là sự trói buộc của tham ái5 sự trói buộc của sân, sự trói buộc của si, sự trói buộc của ngã mạn, sự trói buộc của tà kiến, sự trói buộc của phiền não, sự trói buộc của ác hạnh, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người mở ra sự trói buOc.” ... trong lúc xem xét rằng:

uĐời sống ở thế gian đi vào sự chật chội đông đúc, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người chỉ cho thấy khoảng tr6ng.” ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bi vướng

bận bởi sự vướng bận lớn, ngoại trừ Ta khôn^ có kẻ khác ở thế gian là người cắt đứt sự vướng ban." ... trong lúc xem xét rang: uĐời sống ở thế gian bị rơi vào vực thẳm lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi vực thẳm." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là đi vào khu rừng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người giúp cho vượt qua khu rừng." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là đi vào luân hồi vĩ dại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người giúp cho giải thoát khỏi luân hBi.” ... trong lúc xem xét rằng: "Bòi sống ở thế gian bi quay vòng trong pháo đài rộng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi pháo di."... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bi chìm vào vũng lầy rộng lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đưa lên khỏi vũng lay?9... ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là bị thống trj." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị thiêu đốt bởi lửa tham ái, bởi lửa sân, bởi lửa si, bởi sự sanh, bởi sự già, bởi sự chết, bởi sầu muộn, bởi than vãn, bởi khổ đau, bởi ưu phiền, bởi thất vọng, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người dập tắt." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là kẻ bị lôi kéo đi, bi giết chết, thường xuyên bị hành hạ, là kẻ trộm thọ lãnh hành phạt." ... ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là bị trói buộc bởi sự trói buộc của tội lỗi, được tồn tại ở sự hãm hại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người làm cho giải thoát." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là không có người cai quản, đã đạt đên trạng thái vô cùng thảm hại, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người bảo hQ" ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là tràn nệập kho dàu, đã bị hành hạ thời gian dài lâu?9... trong lúc xem xét rằng: uĐời sông ở thê gian là đòi hỏi, thường xuyên bi đói khát/9... “ ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian là tối tăm không có sự nhìn thấy.” .. trong lúc xem xét rằng: "Dòi sống ở thế gian đã bị mất người hướng dẫn, không có người lãnh dạo.” ... trong lúc xem xét rằng: "Dòi sống ở thế gian có sự rơi vào đạo lộ sai trái, đã đi sái đường, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người đem lại đạo lộ của các bậc Thánh." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian có sự rơi vào cơn lũ lớn, ngoại trừ Ta không có kẻ khác ở thế gian là người nâng lên ra khỏi cơn lũ."... ... trong lúc xem xét răng: uĐời sông ở thê gian bi xâm nhập bởi hai [tà] kiến."87... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian thực hành sái quấy theo ba ác hạnh."88 ...trong lúc xem xét rằng: uĐời song ở thế gian bị quàng vào bởi bốn ách, bị máng vào bởi bốn &ch."89 ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở

87 Hai tà kiến (ditthi): Thường kiến và đoạn kiến (PsA. L 415). 88 Ba ác hạnh (duccarỉtà): Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh (PsA. L 415). 89 Bốn ách (yogā): Dục ách (kāmayogo), hữu ách (bhavayogo), kiến ách (ditthiyogà), vô minh ách (avijjāyoga) (PsA.l. 4Ì5).

thế gian bị bó buộc bởi bốn phược?9°... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị chấp chặt bởi bốn thủ/9ỉ... trong lúc xem xét rằng: "Bòi sống ở thế gian là bị đọa vào năm cảnh giód"92... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị nhiễm bởi năm phần dục lạc." ... "Đời sống ở thế gian bi bao bọc bởi năm pháp nệăn che."93... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian tranh cãi với sáu nguôn gốc của tranh cai?994... trong lúc xem xét rằng: “Dời sông ở thế gian bị nhiễm bởi sáu nhóm ái.” ... trong lúc xem xét rằng: "Bòi sống ở thế gian bi xâm nhập bởi sáu [tà] kiến.” ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bi tiềm ẩn bởi bảy xu hướng ngủ ngầm.^,... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bi ràng buộc bởi bảy sự ràng buoc/9... trong lúc xem xét rằng: "Dòi sống ở thế gian là kiêu hãnh với bảy ngã mạn." ... trong lúc xem xét rang: í4Đời sống ở thế gian bị quay cuồng bởi tám pháp thê gian."... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị dẫn dắt bởi tám sự sai tĩúi." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị hư hỏng bởi tám sự hư hỏng của con người.^ ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bi hãm hại bởi chín nền tảng của sự hãm hại." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian là kiêu hãnh với chín cách ngã mạn/9... trong lúc xem xét rằng: "Bời sống ở thế gian bị ái nhiễm bởi chín nguồn gốc của ái." ... trong lúc xem xét rằng: "Dòi sống ở thế gian bị ô nhiễm bởi mười nền tảng của phiền não?9... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị hãm hại bởi mười nền tảng của sự hãm hại." ... trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian hội đủ mười phương thức của nghiệp bất thiên." ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian bị ràng buộc bởi mười sự ràng buOc." ... ... trong lúc xem xét răng: "Đời sông ở thê gian bị dân dăt bởi mười sự sai tr*4i" ... trong lúc xem xét răng: uĐời sông ở thê gian hội đủ tà kiên theo mười nền tảng."90 94 93 92 91 ... trong lúc xem xét rằng: uĐời sống ở thế gian hội đủ hữu biên 9596 kiến theo mười nền tảng?596... trong lúc xem xét rằng: “Dời sống ở thế gian bị trì hoãn bởi sự trì hoãn của một trăm lẻ tám ái." Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: "Đời sống ở thế gian bị xâm nhập bởi sáu mươi hai tà kiến."

90 Bốn phược (ganthā)'. Tham là thân phược, sân là thân phược, sự bám víu vào giới và nghi thức là thân phược, sự cố chấp vào chân lý này là thân phược (PsA. L 415-16). 91 Bốn thủ ịụpādānă)'. Dục thủ (kāmupādānam), kiến thủ (dỉtthupādānanỉ), giới cấm thủ (sīlabbatupādānaṃ ngã luận thu (attavādupādānani) (PsA. L 416). 92 Năm cảnh giới (gati): Địa ngục, súc sanh, nga quỷ, người, tròd (PsA. L 416). 93 Nam pháp ngăn che (nīvarana)'. Sự ưa thích về dục, sân độc, sự lờ đờ và buồn ngủ, sự phóng túng và hối tiếc, sự hoài nghi (kāmacchanda-byāpāda-thīnamiddha-uddhaccakukkucca-vicikicchā) (PsA. L 415-16). “ 94 Sáu nguồn gốc của tranh cãi ịyivādamũlà): Hòa thượng Thích Minh Châu dịch là 4tsáu tránh cn", xem D. 33, Kinh Phúng tụng (Sañgītisuttam). (ND) 95 Tà kiến theo mười nền tảng: Bố thí không có (quả báo),... ở trên thế gian không có cạc Sa-môn, Bà- lamôn sống chân chánh, thực hành chân chánh, sau khi tự thân tác chưng nhờ vao thắng trí, sẽ công bố về đời nay và đời sau (Vbh. 392) 96 Hữu biên kiến theo mười nền tảng: Thế giới là thường còn,... có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết? (Sấd.)

Lòng đại bi đối với chúng sanh hiện khởi ở chư Phật Thế Tôn trong lúc xem xét rằng: “Ta đã vượt qua và thế gian là chưa vượt qua. Ta đã giải thoát và thế gian chưa giải thoát. Ta đã được rèn luyện và thế gian chưa được rèn luyện. Ta được an tịnh và thế gian chưa được an tịnh. Ta được tự tại và thế gian chưa được tự tại. Ta đã được hoàn toàn dập tắt và thế gian chưa được hoàn toàn dập tắt. Quả vậy, Ta đã vượt qua để làm cho vượt qua, đã giải thoát để làm cho giải thoát, đã được rèn luyện để làm cho được rèn luyện, đã được an tịnh để làm cho được an tịnh, đã được tự tại để làm cho tự tại, đã được hoàn toàn dập tắt để làm r cho hoàn toàn dập t." Đây là trí về sự thể nhập đại bi của đức Như Lai. Dứt phần giải thích "Trí thể nhập đại bi.”

72-73. TRÍ TOÀN GIÁC - KHÔNG BỊ NGĂN CHE (Sababañ̃ñuta - anāvaranañānāni) Trí toàn giác của đức Như Lai là [có ý nghĩa] thế nào? "Biết tất cả [pháp] hữu vi và vô vi không có thiếu s6t" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Biết tất cả việc đã qua" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Biết tất cả việc chưa dái" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. “Biết tất cả việc hiện tại” là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. "Mắt va luôn cả các sắc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. “Tai và luôn cả các thinh,... "Mũi và luôn cả các khí,... "Lưỡi và luôn cả các vị,... "Thân và luôn cả các xúc,... “v và luôn cả các pháp, biết tất cả điều ấy” là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. _ r 7 "Cho đên ý nghĩa của vô thường, ý nghĩa của khô não, ý nghĩa của vô ngã, biết tất cả điều ấy" là trí toan giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa vô thường, ý nghĩa khổ não, ý nghĩa vô ngã của sắc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa vô thường, ý nghĩa khổ não, ý nghĩa vô ngã của thọ,... của tưởng,... của các hành,... của thức,...của mắt,.. của lão tử, biết tất cả điều ấy” là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa của sự biết rõ đối với sự biết rõ, biết tất cả điều ấy” là trí toàn giác, "không có sự ngăn che vê điêu y” là trí không bi ngăn che. "Cho đến ý nghĩa của sự biết toàn diện đối với sự biết toàn diện,... “Cho đến ý nghĩa

PHÂN TÍCH ĐẠO^ 869

r r của sự dứt bỏ đôi với sự dứt bỏ,... "Cho đên ý nghĩa của sự tu tập đôi với sự tu tập,... "Cho đến ý nghĩa của sự tác chứng đối với sự tác chứng,... "Cho đến ý nghĩa của uẩn đối với các uẩn,... “Cho đến ý nghĩa của giới đối với các giới,... "Cho đến ý nghĩa của xứ đối với các xứ,... “Cho đến ý nghĩa của pháp hữu vi đối với các pháp hữu vi,. "Cho đến ý nghĩa của pháp vô vi đối với pháp vô vi, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ây,5 là trí không bị ngăn che. "Cho đến các pháp thiện, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều y” là trí không bị ngăn che. "Cho đến các pháp bất thiện,... "Cho đến các pháp vô ký5... "Cho đên các pháp dục giới,... "Cho đên các pháp sác giới,... "Cho đên các pháp vô sắc giói,..."Cho đến các pháp không bị lệ thuộc, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa của khổ đối với khổ,... "Cho đến ý

nghĩa về nhân sanh [khổ] đối với nhân sanh [khổ],... "Cho đến ý nghĩa về sự diệt tận [khổ]Lổ] đối với sự diệt tận [khổ]5... "Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo, biết tất cả điềuWyy"" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bi ngăn che. "Cho đên ý nghĩa vê sự phân tích ý nghĩa đôi với sự phân tích ý nghía,... "Cho đến ý nghĩa về sự phân tích pháp đối với sự phân tích pháp,... "Cho đến ý nghía về sự phân tích ngôn từ đối với sự phân tích ngôn từ,. "Cho đến ý nghĩa vê sự phân tích phép biện giải đối với sự phân tích phép biện giải, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến trí biết được khả năng của người khác,.."Cho đến trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh,..."Cho đến trí về song thông,... “Cho đến trí về sự thể nhập đại bi, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. “Cho đến điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt đến, đã được tầm cầu, đã được đeo đuổi bởi tâm trí của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, biết tất cả điều ấy" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. 1. Không gì ở nơi đây Không được thấy bởi Ngài, Hoặc không nhận thức được, Hoặc không thể biết đến. Ngài biết rõ tất cả Mọi điều có thể biết, Vì thế đức Như Lai Là vi có toàn nhãn. Toàn Nhãn: Toàn Nhãn theo ý nghĩa gì? Mười bốn Phật trí: Trí về khổ là Phật trí. Trí về nhân sanh khổ là Phật trí. Trí về sự diệt tận khổ là Phật trí. Trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ là Phật trí. Trí về sự phân tích ý nghĩa... Trí về sự phân tích pháp... Tri vế sự phân tích ngôn từ... Trí về sự phân tích phép biện giải... Trí biết được khả năng của

người khác... Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh... Trí về song thông... Trí về sự thể nhập đại bi... Trí toàn giác là Phật trí. Trí không bị ngăn che là Phật trí. Đây là mười bốn Phật trí. Trong số mười bốn Phật trí này, tám loại trí là phô thông đên các vi Thinh văn, sáu loại trí là không phô thông đến các vị Thinh văn. "Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ, tất cả đã được biết. Không có ý nghĩa về khổ là không được biết" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy” là trí không bị ngăn che. “Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ, tất cả đã được thấy,... đã được hiểu,... đã được tác chứng,... đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa ve khổ là không được chạm đến bởi tuệ" là trí toàn giác, '"không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh,..."Cho đến ý nghĩa về diệt tận của diệt tận,... "Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích ph,.."Cho đến ý nghĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ,... "Cho đến ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải, tất cả đã được biết,... tất cả đã được thấy,... tất cả đã được hiểu,... tát cả đã được tác chứng,... tất cả đã được chạm đen bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tue” là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến trí biết được khả năng của người khác,... "Cho đến trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngàm của chúng sanh,... "Cho đến trí về song thông,... "Cho đến trí về sự thể nhập đại bi, tất cả đã

được biết,... tất cả đã được thấy,... r] r ỉ ĩ tát cả đã được hi6u,.. tát cả đã được tác chứng,...tát cả đã được chạm đên bởi tuệ. Không có trí về sự thể nhập đại bi là không được chạm đến bởi tue" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. "Cho đến điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt, đã tầm cầu, đã đeo đuổi bởi tâm trí của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, tất cả đã được biết,... tất cả đã được thấy,... tất cả đã được hiểu,... tất cả đã được tác chứng,... tất cả đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí về sự thể nhập đại bi là không được chạm đến bởi tue" là trí toàn giác, "không có sự ngăn che về điều ấy" là trí không bị ngăn che. Không gì ở nơi đây Không _ được thấy . bởi Ngài, Hoặc không ứiận thức được, Hoặc không thể biết đế Ngài biết rõ tất cả Mọi điểu có thế biết, Vì thế đức Như Lai Là vị có toàn nhãn. Dứt phần giải thích ẾÍTrí toàn giác - không bi ngăn che." Phần giảng về "Trí" được đầy đủ.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.